

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**PHẠM HỒNG THỦY**

**VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN  
VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI  
TRONG VIỆC GIÁO DỤC Ý THỨC CỘNG ĐỒNG  
CHO THẾ HỆ TRẺ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

**2014 | PDF | 110 Pages  
buihuhanh@gmail.com**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**Đà Nẵng - Năm 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**PHẠM HỒNG THỦY**

**VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN  
VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI  
TRONG VIỆC GIÁO DỤC Ý THỨC CỘNG ĐỒNG  
CHO THẾ HỆ TRẺ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Triết học**

**Mã số: 60.22.80**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN TẤN HÙNG**

**Đà Nẵng - Năm 2014**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.*

*Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

*Tác giả luận văn*

**PHẠM HỒNG THỦY**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn .....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn .....	3
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn.....	4
5. Bố cục của luận văn.....	4
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu .....	4
<b>CHƯƠNG 1: MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI</b> .....	8
<b>1.1. KHÁI NIỆM CÁ NHÂN, XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG</b> .....	8
1.1.1. Khái niệm cá nhân và nhân cách .....	8
1.1.2. Khái niệm xã hội, cộng đồng.....	14
<b>1.2. QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC TRƯỚC VÀ NGOÀI MÁC XÍT VỀ</b> <b>    QUAN HỆ GIỮA CÁ NHÂN VỚI XÃ HỘI</b> .....	16
1.2.1. Quan điểm triết học phương Đông về quan hệ giữa cá nhân với xã hội.....	16
1.2.2. Quan điểm triết học phương Tây trước Mác về quan hệ giữa cá nhân với xã hội.....	18
1.2.3. Quan điểm triết học phương Tây ngoài mácxít về mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội .....	24
<b>1.3. QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VỀ MỐI QUAN HỆ</b> <b>    GIỮA CÁ NHÂN VỚI XÃ HỘI</b> .....	28
1.3.1. Vai trò quyết định của xã hội đối với cá nhân.....	29
1.3.2. Sự tác động của cá nhân đối với xã hội .....	31
1.3.3. Tính lịch sử và mâu thuẫn của mối quan hệ cá nhân - xã hội .....	33
<b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 1</b> .....	37

<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ CÁ NHÂN VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC VIỆT NAM VÀ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY</b> .....	38
2.1. QUAN HỆ CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC VIỆT NAM THỜI KỶ PHONG KIẾN.....	38
2.2. QUAN HỆ CÁ NHÂN – XÃ HỘI TRONG CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ .....	45
2.3. QUAN HỆ CÁ NHÂN – XÃ HỘI TRONG THỜI KỶ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	49
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2.....	58
<b>CHƯƠNG 3: VẤN ĐỀ GIÁO DỤC Ý THỨC CỘNG ĐỒNG CHO THẾ HỆ TRẺ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY</b> .....	60
3.1. TẦM QUAN TRỌNG CỦA Ý THỨC CỘNG ĐỒNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY .....	60
3.2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA Ý THỨC CỘNG ĐỒNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.....	63
3.3. MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ GIÁO DỤC Ý THỨC CỘNG ĐỒNG CHO THANH THIẾU NIÊN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY .....	74
3.3.1. Một số phương hướng chung.....	74
3.3.2. Một số giải pháp cụ thể nhằm tăng cường giáo dục ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên ở nước ta hiện nay .....	85
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3.....	95
<b>KẾT LUẬN</b> .....	97
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	
<b>QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (Bản sao)</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, xã hội do các cá nhân con người tạo nên. Mỗi cá nhân với tư cách là một con người, không bao giờ có thể tách rời khỏi những cộng đồng xã hội nhất định, đồng thời mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội là hiện tượng có tính lịch sử. Mối quan hệ cá nhân và xã hội là mối quan hệ biện chứng, trong đó xã hội giữ vai trò quyết định. Nền tảng của quan hệ này là quan hệ lợi ích. Khi thực hiện bất cứ vấn đề gì, dù là phạm vi nhân loại hay cá nhân, dù trực tiếp hay gián tiếp, nếu ở đó lợi ích cá nhân và xã hội thống nhất với nhau thì những nỗ lực chung của toàn thể xã hội mới tạo nên một động lực to lớn hướng tới mục đích xây dựng một tương lai tốt đẹp.

Đối với Việt Nam, ý thức cộng đồng đã trở thành điều kiện sống còn và sức mạnh trường tồn của dân tộc trước mọi thử thách. Từ mấy nghìn năm nay, các dân tộc, các thành viên cùng chung sống trên dải đất Việt Nam có nhu cầu tự nhiên là phải cố kết nhau lại để chống chọi với thiên tai và giặc ngoại xâm, trở thành một cộng đồng bền chặt - đại gia đình các dân tộc Việt Nam, cùng nhau dựng nước và giữ nước. Con người Việt Nam luôn ý thức được mình thuộc về một dân tộc, quốc gia, ý thức về cách sống, cách dựng nước, giữ nước cũng như quyền lợi và nghĩa vụ của mình trước vận mệnh dân tộc, trước đời sống cộng đồng dân tộc, điều đó giúp cho dân tộc ta trở thành một khối đoàn kết thống nhất vững mạnh.

Hiện nay ở nước ta, nền kinh tế thị trường đã phát huy cao độ tính cá thể hóa của con người trong cuộc sống, đặc biệt là đối với lớp trẻ đã thực sự góp phần tạo nên một động lực to lớn cho sự phát triển kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, một bộ phận thanh thiếu niên do nhận thức lệch lạc nên xem nhẹ mối quan hệ giữa bản thân với cộng đồng, xã hội, chạy theo lối sống ích kỷ, cá nhân,

không ý thức được rằng sự phát triển của bản thân phải đặt trong mối quan hệ với xã hội. Họ ít quan tâm hoặc ngại tham gia vào các sinh hoạt chính trị và các hoạt động xã hội, có nhận thức chính trị non kém, chưa xác định được lý tưởng sống đúng đắn, coi nhẹ những giá trị truyền thống, nhân văn cao đẹp của dân tộc, bị ảnh hưởng xấu bởi lối sống ngoại lai, sự xâm lăng văn hoá và những tiêu cực, mặt trái của cơ chế thị trường. Do đó, cần phải chăm lo hơn nữa việc giáo dục, bồi dưỡng rèn luyện, tạo điều kiện cho sự phát triển và trưởng thành của thanh thiếu niên.

Nước ta đang thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa, muốn có con người xã hội chủ nghĩa thì phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa” [45, tr.303].

Chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa cộng đồng, cho nên *một trong những yêu cầu cơ bản nhất của tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là ý thức cộng đồng*. Không chỉ ở các nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội như nước ta, mà ở nhiều nước tiên tiến khác trên thế giới, ý thức cộng đồng là điều kiện quan trọng cho sự gắn kết xã hội trong một nhà nước đa chủng tộc, là yếu tố bảo đảm sự phát triển xã hội theo hướng văn minh, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, an ninh, trật tự xã hội, có tác dụng chống lại các tệ nạn xã hội.

Ý thức cộng đồng *chi tồn tại và phát triển trên cơ sở nhận thức đúng đắn mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và xã hội*. Khác với chủ nghĩa tự do, một trào lưu tư tưởng tuyệt đối hóa cá nhân, phủ nhận vai trò của cộng đồng xã hội, triết học Mác - Lênin trái lại đã luận chứng một cách khoa học mối quan hệ này và khẳng định vai trò quyết định của xã hội đối với cá nhân.

Chính vì vậy, việc vận dụng quan điểm Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội để giáo dục ý thức cộng đồng cho mọi người, đặc biệt là

tầng lớp thanh thiếu niên là một việc làm bức thiết của xã hội ta hiện nay. Vì những lý do trên tôi quyết định chọn vấn đề “*Vận dụng quan điểm triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội trong việc giáo dục ý thức cộng đồng cho thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay*” làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn**

Trên cơ sở nghiên cứu quan điểm triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần giáo dục ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên ở nước ta hiện nay.

Để thực hiện mục đích này, luận văn đề ra những nhiệm vụ sau đây:

- Phân tích những nội dung cơ bản trong quan điểm triết học Mác - Ăngghen - Lênin về mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội, rút ra những giá trị của nó.

- Tìm hiểu thực trạng mối quan hệ cá nhân với cộng đồng xã hội trong lịch sử dân tộc Việt Nam và trong giai đoạn hiện nay.

- Phân tích và làm rõ tầm quan trọng và những nội dung cơ bản của ý thức cộng đồng; vận dụng quan điểm triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội vào việc đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần thực hiện tốt hơn nữa việc giáo dục ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên ở nước ta hiện nay.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn**

- Đối tượng nghiên cứu: quan điểm của triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội với việc giáo dục ý thức cộng đồng cho thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay.

- Phạm vi nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản trong quan điểm của triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội qua các tác phẩm và thực tiễn công tác giáo dục ý thức cộng đồng



cho thanh thiếu niên ở các cơ sở giáo dục, đào tạo ở nước ta hiện nay.

#### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn**

- Cơ sở lý luận: Luận văn dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về con người và về mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng xã hội; đồng thời tham khảo có chọn lọc các công trình của các nhà nghiên cứu có liên quan đến đề tài.

- Phương pháp nghiên cứu: Luận văn dựa trên cơ sở và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; kết hợp và vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như: phân tích và tổng hợp; lôgic và lịch sử; trừu tượng và cụ thể; phương pháp thống kê, so sánh để thực hiện đề tài.

#### **5. Bố cục của luận văn**

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn gồm có 3 chương

Chương 1: Mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội

Chương 2: Thực trạng mối quan hệ cá nhân với xã hội, cộng đồng trong lịch sử dân tộc Việt Nam và trong giai đoạn hiện nay

Chương 3: Vấn đề giáo dục ý thức cộng đồng cho thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay

#### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Ý thức cộng đồng có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung và quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc, do đó Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta rất coi trọng vấn đề này. Ngoài những tác phẩm của Hồ Chí Minh và văn kiện của Đảng, tài liệu nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận văn có thể tìm thấy trong các công trình nghiên cứu trực tiếp hay gián tiếp của các nhà nghiên cứu về triết học, về con người, văn hóa và giáo dục.

Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn có thể chia ra mấy nhóm sau đây:

Trước hết, mối quan hệ cá nhân và xã hội được trình bày trong các giáo trình *Triết học Mác - Lênin* trước đây và giáo trình *Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin* hiện nay. Vấn đề này cũng được nhiều tác giả đề cập trong các tạp chí, có thể kể đến những bài viết như: “*Sự phê phán của C. Mác đối với quan điểm duy tâm tư biện của Hêghen về tồn tại người và đời sống xã hội hiện thực của con người*” của Bùi Bá Linh, Tạp chí Triết học (7/2002); “*Quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen về những tiền đề của lịch sử trong “Hệ tư tưởng Đức” và ý nghĩa của chúng*” của Phạm Văn Đức, Tạp chí Triết học (12/2005); “*Một số vấn đề triết học về con người trong “Hệ tư tưởng Đức”* của Lê Thị Thanh Hà, Tạp chí triết học (1/2006).

Đề cập đến vấn đề ý thức cộng đồng có một số bài viết trên các trên các trang web như “*Ý thức cộng đồng Việt Nam*” của Trần Văn Phòng, Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; “*Vài ý kiến về tính cộng đồng của người Việt dưới góc nhìn văn hóa*” của Hữu Ngọc; “*Ý thức xã hội: ý thức của cá nhân công dân*” của Nguyễn Ngọc Điện, Tạp chí Tia sáng; “*Ý thức cộng đồng trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản*” của Phương Thúy/VOV-Trung tâm Tin.

Nhiều tác giả trực tiếp đề cập đến vấn đề ý thức cộng đồng trong giáo dục đạo đức ở một số công trình nghiên cứu. Trong tác phẩm “*Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay - Vấn đề và giải pháp*” do Nguyễn Duy Quý chủ biên (Nxb.Chính trị quốc gia,2006) đã tìm hiểu vấn đề đạo đức xã hội dưới tác động, ảnh hưởng của kinh tế, chính trị của nước ta hiện nay. Tác phẩm “*Xây dựng ý thức và tình cảm dân tộc chân chính cho con người Việt Nam*” của Nguyễn Thị Ngân (Nxb. Lao động, Hà Nội, 2003) đã nêu rõ những cơ sở của sự hình thành ý thức cộng đồng Việt Nam và truyền thống yêu thương,

đoàn kết lâu đời của dân tộc ta trong cuộc sống, trong sự nghiệp chống giặc, giữ nước. Ngoài ra có tác phẩm: “*Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*” do Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Phúc chủ biên (Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003) cũng có nội dung khá đầy đủ và hệ thống về lý luận, về thực trạng và một số phương hướng, giải pháp để xây dựng ý thức mới trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.

Đề cập đến vấn đề giáo dục ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên hiện nay có một số bài viết như “*Vai trò của triết học Mác - Lênin trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*” của Hoàng Anh, Tạp chí Triết học, số 3 (262), 2013; “*Về lối sống và định hướng xây dựng lối sống mới cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*” của Mai Thị Dung, Tạp chí Triết học, số 5 (264), 2013; “*Một số biểu hiện của sự biến đổi giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay và giải pháp khắc phục*” của Nguyễn Đình Tường, Tạp chí Triết học số 1/2008.

Trong thời gian gần đây trên báo chí và các trang web ở nước ta cũng xuất hiện nhiều bài viết giới thiệu vai trò và kinh nghiệm xây dựng ý thức cộng đồng ở một số nước tiên tiến trên thế giới, như Nhật Bản, Canada, Mỹ, Singapore, trong việc khắc phục hậu quả thiên tai, hoạt động từ thiện, bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, v.v.. như bài: *Tinh thần xã hội và ý thức cộng đồng (của người dân Nhật Bản)*, (Báo Nhân dân, 20-3-2011); *Ý thức và trách nhiệm ở xã hội Mỹ* (VnExpress, 5-1-2011); *Ý thức cộng đồng tại Canada* (VnExpress, 11-1-2011); *Bảo vệ môi trường bằng “ki luật thép” ở Singapore* (Vietnamnet, 23-8-2013), v.v..

Nhìn chung, mỗi công trình nghiên cứu nói trên chỉ đề cập đến một số khía cạnh có liên quan đến đề tài của luận văn; *chưa có một công trình nghiên cứu nào đề cập một cách toàn diện và có hệ thống vấn đề ý thức*

*cộng đồng và nhất là vấn đề giáo dục ý thức cộng đồng cho thế hệ trẻ ở nước ta. Do đó trong việc thực hiện luận văn của mình, chúng tôi kế thừa có chọn lọc những thành quả nghiên cứu của các tác giả, đồng thời đưa ra những nhận xét riêng của mình, nhất là đề xuất những giải pháp thiết thực nhằm góp phần thực hiện tốt hơn nữa việc giáo dục ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên ở nước ta.*

## CHƯƠNG 1

### MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI

#### 1.1. KHÁI NIỆM CÁ NHÂN, XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

##### 1.1.1. Khái niệm cá nhân và nhân cách

###### *\* Khái niệm cá nhân*

Triết học Mác - Lênin đã chỉ ra rằng: con người là sự thống nhất biện chứng giữa mặt sinh vật và mặt xã hội. Tuy nhiên, mặt sinh vật chỉ là tiền đề vật chất tự nhiên của con người, *mặt xã hội mới là mặt giữ vai trò quyết định bản chất của con người*. C.Mác viết: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội” [36, tr.11].

Bản chất xã hội của con người không thể hiện một cách chung chung mà biểu hiện cụ thể trong từng cá nhân. Nói một cách khác con người tồn tại thông qua mỗi cá nhân.

Cá nhân là khái niệm chỉ *một con người cụ thể có nhân cách*. Cá nhân là một chỉnh thể đơn nhất, vừa mang tính cá biệt vừa mang tính phổ biến, là chủ thể của lao động, của mọi quan hệ xã hội và của nhận thức nhằm thực hiện chức năng cá nhân và chức năng xã hội trong một giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử xã hội. Khái niệm cá nhân chỉ là điều kiện đầu tiên đánh dấu lĩnh vực đối tượng của việc nghiên cứu con người, nó chứa đựng khả năng cụ thể hóa hơn nữa bằng cách chỉ ra đặc điểm về chất của con người trong các khái niệm nhân cách và cá tính.

Xét về mặt xã hội, *cá nhân là một thực thể xã hội*, cá nhân là cá thể người được hình thành và phát triển trong lịch sử, là chủ thể của lao động của mọi quan hệ xã hội và là chủ thể của nhận thức. Cá nhân là một con người hoàn chỉnh trong sự thống nhất của những khả năng riêng có của người đó với chức năng xã hội mà người đó thực hiện. Trong mối quan hệ

với xã hội, cá nhân thể hiện là một chỉnh thể đơn nhất, độc đáo có vai trò chủ thể trong lịch sử.

Như vậy, ngoài những đặc điểm chung của con người, cá nhân rất khác nhau. Các thời đại lịch sử khác nhau thì có những kiểu cá nhân khác nhau. Xét cho cùng, sự khác nhau đó từ đâu? C. Mác chỉ ra rằng sự khác nhau ấy trước hết là do phương thức sinh sống của họ quy định. Theo C. Mác, phương thức sản xuất “là một phương thức hoạt động nhất định của những cá nhân”, “một hình thức nhất định của hoạt động sống của họ, một *phương thức sinh sống* nhất định của họ”. Do đó:

“Hoạt động sống của họ như thế nào thì họ là như thế ấy. Do đó họ là như thế nào, điều đó ăn khớp với sản xuất của họ, với *cái* mà họ sản xuất ra cũng như với *cách* họ sản xuất. Do đó, những cá nhân là như thế nào, điều đó phụ thuộc vào những điều kiện vật chất của sự sản xuất của họ” [36, tr.30].

Với tư cách là một thực thể sinh học, mỗi cá nhân là cá thể người mang đặc điểm chung của giống loài “người”, nhưng lại khác nhau về cấu tạo cơ thể riêng của mỗi người. Sự khác nhau về phương diện sinh học ấy chủ yếu bị chi phối bởi bộ “gien” riêng ở mỗi người. Mỗi cá nhân có một thể chất riêng, hình dáng riêng, đặc điểm riêng về kiểu thần kinh, có sự nhạy cảm riêng đối với những yếu tố tác động của môi trường sống. Sự khác nhau giữa các cá nhân còn do điều kiện kinh tế của gia đình, môi trường giáo dục, quan hệ giao tiếp và nhất là khả năng tham gia các hoạt động xã hội của mỗi cá nhân.

Mỗi cá nhân, tùy theo vị trí, chức năng, vai trò và năng lực sáng tạo cụ thể của họ mà có thể tham gia vào quá trình sáng tạo ra lịch sử của cộng đồng nhân dân. Theo ý nghĩa đó, mỗi cá nhân ít nhiều đều in dấu ấn của mình vào quá trình sáng tạo ra lịch sử, dù mức độ và phạm vi có thể khác nhau.

Với tư cách là một thực thể có tâm lý, ý thức, mỗi cá nhân *có một bản sắc độc đáo riêng*. Bản sắc độc đáo ấy thể hiện qua *nhân cách* của cá nhân.

*\* Khái niệm nhân cách*

Từ xưa đến nay khi xem xét con người với tư cách là một thành viên của một xã hội nhất định, là chủ thể của các mối quan hệ xã hội, của hoạt động có ý thức và giao tiếp thì chúng ta nói đến nhân cách của họ. Chúng ta chỉ có thể nói đến con người như là một nhân cách, bắt đầu từ một thời kì nào đó trong quá trình phát triển của nó. Không phải mọi cá thể người, với cá tính của mình đều là nhân cách cả. Nhân cách của mỗi người mỗi khác và không ai giống ai, chính vì thế nó đã tạo nên một xã hội mà trong đó ta không thể nào tìm được người giống ta hoàn toàn. Do nhân cách là vấn đề rất phức tạp nên đã có nhiều cách tiếp cận khác nhau và ý kiến của các nhà nghiên cứu về vấn đề này rất phong phú, đa dạng. Nhìn chung quan điểm khác nhau về nhân cách xoay quanh bảy cách tiếp cận như sau:

*Thứ nhất:* Quan điểm sinh vật hoá bản chất nhân cách. Nhân cách được coi là bản năng tình dục (S. Phrot) là đặc điểm hình thể (Krestchmer), siêu đẳng, bù trừ (Atle), vô thức tập thể (K. Jung) là các kiểu hoạt động thần kinh cấp cao (những người quá tôn sùng học thuyết Paplôp). Thực chất của các quan điểm trên dù hình thức biểu hiện khác nhau, nhưng đều có điểm chung là *sinh vật hoá bản chất nhân cách* nên đều là quan điểm siêu hình [77].

*Thứ hai:* Quan điểm coi bản chất nhân cách là *nhân tính tự nhiên* của con người đã được trường phái nhân văn nhấn mạnh. Đại diện của trường phái này là C. Rôgiơ, A. Matxlâu, G. Ônpoc.... Những người ở trường phái này đều quan tâm đến giá trị tiềm năng bẩm sinh của con người, đến những đặc tính riêng của mỗi người, kinh nghiệm của con người. A. Matxlâu cho rằng tính xã hội nằm trong bản năng con người. Những nhu cầu tiếp xúc, tình yêu, lòng kính trọng đều có tính chất bản năng, đặc trưng cho giống người. Những quan điểm này đều *đề cao tính chất tự nhiên của con người*, phủ nhận bản chất xã hội của nhân cách. Do đó cũng rơi vào quan điểm duy

tâm siêu hình [77].

*Thứ ba:* Nhân cách được hiểu là *toàn bộ mối quan hệ xã hội của cá nhân* (Lucien Seve, Zeigarnit, Ogordnikov). Họ lấy các mối quan hệ xã hội của cá nhân như trong quan hệ gia đình, nhà trường, cơ quan công tác, nghề nghiệp, bạn bè... làm chuẩn để đánh giá nhân cách. Về thực chất, quan điểm này đã *xã hội hoá nhân cách một cách đơn giản, không chú ý đến mặt sinh vật của con người* [77].

*Thứ tư:* Nhân cách được hiểu đồng nghĩa với khái niệm con người. Platônôp cho rằng nhân cách là con người có ý thức, có lý trí và ngôn ngữ, là con người lao động. Loại quan điểm này nói về cái chung, cái đặc trưng nhất của con người mà *không chú ý đến cái đặc thù, cái riêng độc đáo của mỗi nhân cách* [77].

*Thứ năm:* Nhân cách được hiểu như cá nhân của con người với tư cách là chủ thể của mối quan hệ và hoạt động có ý thức (A.G. Kôvaliôp, I.X. Kon). Hiện nay quan điểm này được đa số các nhà tâm lý học xã hội chấp nhận, coi nhân cách là *cá nhân là cá thể so với tập thể và xã hội* [77].

*Thứ sáu:* Nhân cách được hiểu như là *tập hợp các thuộc tính ổn định nào đó của mỗi cá nhân*, các thuộc tính sinh vật hoặc thuộc tính xã hội. P. Buêva cho rằng nhân cách là con người với toàn bộ những phẩm chất xã hội của nó. Nhân cách là toàn bộ những đặc tính và những quy luật cá nhân (H. Hipsô, M. Phorvec), là tổng số những những đặc điểm cá nhân con người mà không người nào giống người nào (E.P. Hôlêndơ). Nhân cách là tâm thể (Uzomatze) là thái độ (V.N. Miaxisev), là phương thức tồn tại của con người trong xã hội, trong điều kiện lịch sử cụ thể (L.I. Anxuphêrôva). Những quan điểm này *chỉ chú ý đến cái đơn nhất trong nhân cách, chưa thể hiện tính toàn diện trong định nghĩa về nhân cách* [77].

*Thứ bảy:* Nhân cách được hiểu như cấu trúc hệ thống tâm lý cá nhân.



Trong hàng chục năm lại đây, nhiều nhà tâm lý học đều có xu hướng hiểu nhân cách là cấu trúc, hệ thống tâm lý (A.N. Lêônchiep, K. Obuchowxki). Nhân cách là cấu tạo tâm lý mới được hình thành trong mối quan hệ sống của cá nhân do kết quả hoạt động cải tạo của con người đó (A.N. Lêônchiep). Với quan niệm bản chất nhân cách là một hệ thống tổ chức, K. Ôbuchôpxki đã định nghĩa như sau: “Nhân cách là sự tổ chức những thuộc tính tâm lý của con người có tính chất, điều kiện lịch sử xã hội, ý nghĩa của nó cho phép giải thích và dự đoán hành động cơ bản của con người” [77].

Từ bảy quan niệm trên, chúng ta thấy rằng cho đến nay vẫn chưa có một trường phái nào giải quyết một cách thoả đáng, một cách toàn diện về vấn đề bản chất nhân cách. Vấn đề nhân cách vẫn luôn luôn là vấn đề nóng bỏng và hết sức quan trọng trong các khoa học về con người nói chung và tâm lý học nói riêng.

Theo tác giả Phạm Minh Hạc, “Nhân cách của con người là một hệ thống các thái độ của mỗi người thể hiện ở mức độ phù hợp giữa thang giá trị và thước đo giá trị của người ấy với thang giá trị và thước đo giá trị của cộng đồng xã hội; độ phù hợp càng cao thì nhân cách càng lớn” [24,tr.24].

Cũng theo cách hiểu này, tác giả Nguyễn Quan Uẩn trong cuốn *Tâm lý học đại cương* nêu lên định nghĩa nhân cách như sau:

“Nhân cách là tổ hợp những đặc điểm, những thuộc tính tâm lý của cá nhân, biểu hiện bản sắc và giá trị xã hội của con người. Nhân cách là sự tổng hoà không phải các đặc điểm cá thể của con người mà chỉ là những đặc điểm quy định con người như là một thành viên của xã hội, nói lên bộ mặt tâm lý - xã hội, giá trị và cốt cách làm người của mỗi cá nhân. Đây là định nghĩa về nhân cách được chấp nhận rộng rãi ở Việt Nam” [60.tr.167-168].

Nhân cách là khái niệm chỉ bản sắc độc đáo, riêng biệt của mỗi cá nhân, là nội dung và tính chất bên trong của mỗi cá nhân. Bởi vậy, nếu cá nhân là

khái niệm chỉ sự khác biệt giữa cá thể với giống loài thì nhân cách là khái niệm chỉ sự khác biệt giữa các cá nhân. Cá nhân là phương thức biểu hiện của giống loài còn nhân cách vừa là nội dung, vừa là cách thức biểu hiện của mỗi cá nhân riêng biệt.

Nhân cách biểu hiện thế giới cái tôi của mỗi cá nhân, là sự tổng hợp của các yếu tố sinh học, tâm lý, xã hội, tạo nên đặc trưng riêng có của cá nhân, đóng vai trò chủ thể tự ý thức, tự đánh giá, tự khẳng định và tự điều chỉnh mọi hoạt động của mình.

Một điểm cần lưu ý rằng khi nói nhân cách là một “cái tôi” nhưng đây là một “cái tôi xã hội”. Một con người thiếu nhân cách cũng có một “cái tôi”, thậm chí cái tôi của anh ta quá lớn, nhưng đó là một “cái tôi động vật” mà thôi. Do vậy, Anhtan đã có lý khi cho rằng “Giá trị đích thực của một con người trước hết được xác định bởi anh ta đã đạt đến chỗ giải phóng khỏi cái Tôi đến mức độ nào và theo nghĩa gì” [21, tr.23].

Theo tác giả Nguyễn Tấn Hùng trong Báo cáo tổng kết Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, “Nhân cách không chỉ là tập hợp tất cả những phẩm chất tâm lý, xã hội bên trong một cá nhân, mà *nhân cách còn là cái điều khiển mọi tư tưởng, quan hệ và hoạt động của cá nhân, là “hệ điều hành” bên trong của mỗi cá nhân biểu hiện ra thông qua hành động và quan hệ xã hội của cá nhân ấy*. Khi một con người được thừa nhận có đầy đủ nhân cách có nghĩa là anh ta đã có khả năng làm chủ bản thân mình, tự mình biết phải học tập, rèn luyện như thế nào, biết phải lao động và sống như thế nào, biết phải quan hệ như thế nào với mọi người, biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân mình. Đây mới chính là đặc trưng quan trọng nhất của nhân cách. Một người nếu thiếu khả năng này thì chưa thể được coi là một nhân cách đã phát triển đầy đủ được. Chứng bệnh “rối loạn nhân cách” ... có nguyên nhân và biểu hiện chủ yếu là sự mất đi năng lực tự ý thức, tự điều chỉnh của cá

nhân” [27, tr.11].

Theo tôi một định nghĩa toàn diện về nhân cách phải thể hiện được đầy đủ các mối quan hệ: *giữa mặt tự nhiên và mặt xã hội; giữa tính độc đáo của cá nhân và những giá trị chung của xã hội.*

### **1.1.2. Khái niệm xã hội, cộng đồng**

#### *\* Khái niệm xã hội*

Khái niệm “xã hội” được hiểu theo các bình diện rộng và hẹp khác nhau. Trên bình diện rộng nhất, xã hội là khái niệm dùng để chỉ *cộng đồng nhân loại* nói chung, phân biệt với *giới tự nhiên*. Trên bình diện hẹp, xã hội là khái niệm dùng để chỉ *một cộng đồng sống ổn định trong cùng trong một phạm vi lãnh thổ, có những nét chung về chính trị, kinh tế, văn hóa*, ví dụ như là xã hội Việt Nam, xã hội Trung Quốc, xã hội Anh, xã hội Mỹ, v.v..

Từ *society* trong tiếng Anh, *société* trong tiếng Pháp đều có nguồn gốc trong từ Latin *societas* có nghĩa là “sự giao thiệp thân thiện với người khác”, trong *socius* có nghĩa là “bầu bạn, kết giao, đồng chí hoặc đối tác”. Vì thế nghĩa của từ xã hội có quan hệ gần gũi với những gì được coi là thuộc quan hệ giữa người và người.

Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, xã hội là một bộ phận của tự nhiên, là trình độ phát triển cao nhất của thế giới vật chất. Sự xuất hiện của xã hội loài người trên trái đất là kết quả của quá trình tiến hóa lâu dài của tự nhiên. Xã hội phân biệt với tự nhiên trước hết ở *hoạt động sinh sống có ý thức* của con người. Sự hình thành con người đi kèm với sự hình thành các quan hệ giữa người với người, cộng đồng người dần thay đổi từ mang tính bầy đàn sang một cộng đồng mới khác hẳn về chất, ta gọi đó là xã hội. Đây cũng là quá trình chuyển biến từ vận động sinh học sang vận động xã hội.

Xã hội là hình thức vận động cao nhất của vật chất, hình thái này lấy mối quan hệ của con người và sự tác động lẫn nhau giữa người với người làm nền

tàng. Theo Mác: “Xã hội không phải gồm các cá nhân người. Xã hội là biểu hiện tổng số mối liên hệ và những quan hệ của các cá nhân với nhau” [41,tr.355].

Trong thư Mác gửi Annencôp ngày 28-12-1846, C. Mác viết: “Xã hội - cho dù nó có hình thức gì đi nữa - là cái gì? Là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người” [40, tr.658-659].

Đề cập đến xã hội là đề cập đến những hoạt động và những quan hệ xã hội. Các hoạt động xã hội bao gồm những hoạt động lao động như hoạt động sản xuất, hoạt động tái sản xuất xã hội, hoạt động quản lý xã hội và các hoạt động giao tiếp; hoạt động an ninh trong môi trường đối ngoại gồm các quan hệ giữa cộng đồng này với cộng đồng khác.

*\* Khái niệm cộng đồng*

Một cộng đồng là một nhóm xã hội của các cơ thể sống chung trong cùng một môi trường thường là có cùng các mối quan tâm chung. Trong cộng đồng người, đó là kế hoạch, niềm tin, các mối ưu tiên, nhu cầu, nguy cơ và một số điều kiện khác có thể có và cùng ảnh hưởng đến đặc trưng và sự thống nhất của các thành viên trong cộng đồng. Theo Fichter cộng đồng bao gồm 4 yếu tố: *Thứ nhất* là tương quan cá nhân mật thiết với nhau, mặt đối mặt, thẳng thắn chân tình, trên cơ sở các nhóm nhỏ kiểm soát các mối quan hệ cá nhân; *Thứ hai* có sự liên hệ chặt chẽ với nhau về tình cảm, cảm xúc khi cá nhân thực hiện được các công việc hoặc nhiệm vụ cụ thể; *Thứ ba* có sự hiển dăng về mặt tinh thần hoặc dần thân thực hiện các giá trị xã hội được cả xã hội ngưỡng mộ; *Thứ tư* có ý thức đoàn kết tập thể. Cộng đồng được hình thành trên cơ sở các mối liên hệ giữa cá nhân và tập thể dựa trên cơ sở tình cảm là chủ yếu; ngoài ra còn có các mối liên hệ tình cảm khác. Cộng đồng có sự liên kết cố kết nội tại không phải do các quy tắc rõ ràng thành văn, mà do các quan hệ sâu hơn, được coi như là một hằng số văn hóa [76].

Như vậy, chúng ta có thể hiểu khái niệm cộng đồng “là toàn thể những người cùng sống, có những điểm giống nhau, gắn bó thành một khối trong sinh hoạt xã hội [4,tr.87].

Khái niệm “xã hội” và khái niệm “cộng đồng” vừa có sự đồng nhất, vừa có sự khác biệt. Tuy nhiên, mỗi khái niệm nhấn mạnh một khía cạnh nhất định. Khái niệm “cộng đồng” nhấn mạnh *lợi ích chung của một nhóm, sự cố kết, hợp tác, tương trợ lẫn nhau, v.v..* Ví dụ, cộng đồng làng xã của người Việt, cộng đồng người Hoa ở Singapore, cộng đồng người Việt ở Mỹ, v.v.. Trong một xã hội có thể có nhiều cộng đồng khác nhau và ngược lại trong một cộng đồng có thể có nhiều xã hội, nhà nước khác nhau, ví dụ, cộng đồng các nước ASEAN. Một cá nhân có thể cùng một lúc nằm trong nhiều cộng đồng khác nhau, như cộng đồng tộc họ, địa phương, dân tộc, v.v..

## **1.2. QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC TRƯỚC VÀ NGOÀI MÁC XÍT VỀ QUAN HỆ GIỮA CÁ NHÂN VỚI XÃ HỘI**

### **1.2.1. Quan điểm triết học phương Đông về quan hệ giữa cá nhân với xã hội**

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, từ rất sớm vào thời kỳ cổ đại, vấn đề con người và mối quan hệ giữa các cá nhân con người với xã hội luôn được các nhà triết học, các trường phái triết học quan tâm nghiên cứu.

Trong triết học Trung Quốc cổ đại, trong tư tưởng Nho giáo, cá nhân không bị triệt tiêu bởi lợi ích của cộng đồng, của xã hội. Nho giáo đề xướng một tôn ti trật tự chặt chẽ, tương ứng với tổ chức xã hội Trung Quốc thời cổ, quy định vị trí của mỗi cá nhân và xác định thứ bậc giữa các cá nhân. Nho giáo đã khái quát mối quan hệ của con người trong xã hội thành 5 mối quan hệ cơ bản, đó là: quân - thần (vua - tôi), phụ - tử (cha - con), phu - phụ (chồng - vợ), trưởng - ấu (người lớn tuổi - người nhỏ tuổi, anh - em), bằng hữu (bạn bè). Các mối quan hệ này dần dần quy về 3 mối quan hệ. Đó là quan hệ vua -

tôi, cha - con, chồng - vợ, còn gọi là “Tam cương”. Đây được coi là những mối quan hệ giường mối, làm trụ cột của xã hội phong kiến Trung Quốc từ thời Hán trở đi.

Nho giáo đề cao sự rèn luyện cá nhân (tu thân) như *tiên để* để cá nhân làm đúng vị trí của mình. Nghĩa là cá nhân càng tự giác bao nhiêu về vị trí của mình thì càng phải tu thân bấy nhiêu để giữ đúng vị trí ấy. Ở đây, những quan hệ cá nhân - xã hội theo hướng cá nhân phục tùng xã hội, “cá nhân cho xã hội”, không dựa trên sự cưỡng chế, mà dựa vào sự tự giác của cá nhân. Tất nhiên, về mặt chính trị và xã hội, có những bó buộc rất chặt chẽ, bởi vì chế độ chuyên chế thì ở đâu cũng vậy. Nói theo C. Mác, nguyên tắc cao nhất của chế độ chuyên chế là triệt tiêu con người với tư cách cá nhân. Nhưng xét về mặt ý thức con người, thì cá nhân không phải là đối tượng triệt tiêu, trái lại, là đối tượng giáo hóa, đối tượng “lễ” hóa. Trong lịch sử phương Đông đặc biệt ở các nước chịu ảnh hưởng sâu sắc của Nho giáo, không hiếm những tấm gương tự nguyện hy sinh cá nhân cho những lợi ích xã hội. Không cần phải “vua bảo chết, thần chết”, mà chính thần dân nhiều khi chịu chết một cách tự nguyện vì vua. Vì theo quan niệm Nho giáo, vua là “con trời”, là “cha của thiên hạ”. Chết vì vua không phải là chết cho cá nhân nhà vua, mà chết cho lý tưởng xã hội kết tinh ở ngôi vua.

Trong Nho giáo từ rất sớm đã xuất hiện quan niệm về một “thế giới đại đồng” thể hiện mơ ước của người Trung Quốc về thế giới tương lai như là *một cộng đồng lớn trong đó mọi người đều bình đẳng với nhau*. Theo Nho giáo, *người quân tử coi mọi người trong bốn biển như là anh em* (tứ hải gia huynh đệ). Trong Luận ngữ có nói: Người quân tử hà tất phải buồn phiền vì không có anh em ruột của mình, vì trong bốn biển đều là anh em một nhà cả (Luận ngữ, Nhan Uyên, 5) [11].

Trong triết học Ấn Độ cổ đại, Phật giáo là trào lưu tư tưởng và tín

ngưỡng có ảnh hưởng lớn nhất đến dân tộc Việt Nam. Phật giáo cũng mang những giá trị nhân đạo và tư tưởng cộng đồng. Khác với mọi tôn giáo khác, trong suốt lịch sử tồn tại và phát triển Phật giáo luôn xuất hiện và thâm nhập vào các dân tộc như sứ giả của hòa bình, an lạc. Phật giáo chủ trương xây dựng một cộng đồng bình đẳng, không phân biệt chủng tộc, đẳng cấp. Phật giáo dạy con người sống cảm thông, hỷ xả với nhau; sống vị tha tức sống vì người khác, bao dung độ lượng. Đó là phương pháp giúp con người đạt được đức hạnh. Đây là động lực nảy sinh mọi điều tốt lành. Phật giáo khẳng định tất cả mọi người đều có “Phật tính” sẽ đạt được nếu thực hành đúng theo giáo lý trau dồi đạo đức trong cuộc sống của chính mình sẽ được hạnh phúc.

Tuy nhiên, Phật giáo *phủ nhận vai trò của cá nhân, của cái tôi*, đưa ra triết lý “Vô ngã”, phủ nhận sự tồn tại của một cái Ngã cá nhân, coi cái tôi chỉ là một nhân cách kinh nghiệm. Ngã không thể là bất tử, mà là một tồn tại ước lệ, là kết quả của kinh nghiệm thường ngày. Tất cả những nỗ lực của giới tu hành và tín đồ Phật giáo đều nhằm tới cái đích xóa bỏ Ngã, xóa bỏ những nguyên nhân và điều kiện đem lại đau khổ và sự tồn tại tạm thời của con người, để đạt tới trạng thái “Vô ngã”, đồng thời cũng là trạng thái “Giải thoát”.

Theo lý thuyết Phật giáo, chỉ khi nào hóa thành Phật mới có khả năng cứu khổ cứu nạn cho chúng sinh, tuy nhiên trong quá trình tu luyện các cá nhân Phật tử không chỉ lo cho mình, mà còn phải tương trợ, cứu giúp người khác.

### **1.2.2. Quan điểm triết học phương Tây trước Mác về quan hệ giữa cá nhân với xã hội**

Trong lịch sử triết học phương Tây cổ đại, vấn đề con người và số phận con người đã được đề cập đến từ rất sớm. Mặc dù các nhà triết học còn có những ý kiến khác nhau về bản chất con người, nhưng họ đều coi trọng con

người, coi con người là tinh hoa cao quý của tạo hóa, con người cần chinh phục tự nhiên để phục vụ cho mình.

Khi xét về mối quan hệ giữa cá nhân con người với cộng đồng, xã hội, những nhà triết học không đi tìm lợi ích riêng của mình mà vì lợi ích cộng đồng. Đời sống kinh tế của Hy Lạp cổ đại chủ yếu mang tính tự cung, tự cấp và vì thế ban đầu mối quan hệ giữa các cá nhân con người với cộng đồng được bó gọn trong gia đình. Về sau tính cộng đồng được mở rộng thành nhóm người, quốc gia, dân tộc.

Theo Arixtôt, gia đình là lĩnh vực đời sống được tổ chức để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu nhất của con người nhằm đảm bảo sự tồn tại về mặt sinh học của cá thể và duy trì sự tồn tại của giống loài. Sự tồn tại này đòi hỏi sự liên kết giữa các cá thể một cách tự nhiên, liên kết tiêu biểu nhất là hình thức sống chung trong gia đình giữa đàn ông và đàn bà. Trong hình thức tổ chức của gia đình thì người đàn ông đóng vai trò là ông chủ cai trị và điều hành cuộc sống của người vợ, các con và nô lệ. Trong quan điểm của Arixtôt, hình thức liên kết cộng sinh ở dạng gia đình này của con người không khác mấy so với đời sống của động vật, của xã hội hoang dã bầy đàn [69].

Tuy nhiên, ngoài đời sống tư trong gia đình, người Hy Lạp còn có đời sống *công*, đời sống chính trị của những công dân dưới dạng “thành bang” (polis). Nếu như sự cần thiết của liên kết gia đình là để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống và thuộc về “vương quốc của thiết yếu” thì liên kết thành bang (cộng đồng chính trị) xuất hiện là để đáp ứng nhu cầu tự hoàn thiện cao cả của con người và thuộc về “vương quốc của tự do”. Mục đích của thành bang (hay cộng đồng chính trị) là để nhắm đến cuộc sống phúc lành, hạnh phúc để tự do hoàn thiện những tiềm năng trí tuệ và đạo đức của con người.

Theo Arixtôt, con người khác với các loài động vật khác vì “con người là một động vật chính trị”. Arixtôt giải thích: “Vì con người có sở thích sống



cùng nhau, ngay cả khi họ không cần sự giúp đỡ của nhau. Và cũng chính vì mục đích cuộc sống của con người, con người tụ hội lại với nhau và duy trì cộng đồng chính trị của mình”. “Nhà nước hay cộng đồng chính trị, là cao nhất trong tất cả, và bao trùm tất cả mọi cái còn lại, nhà nước hướng tới cái thiện với một mức độ cao hơn bất cứ tổ chức nào khác và hướng tới cái thiện cao nhất” [28, tr.157].

Ngày từ rất sớm, nhà triết học Pythagor ở Hy Lạp cổ đại đã xây dựng trường học (trường phái Pythagor) của mình thành một cộng đồng khép kín, trong đó không ai được quyền có tư hữu. Platon chủ trương xây dựng một cộng đồng xã hội lấy *công bằng* làm mục đích. Để xây dựng một xã hội công bằng, Platon chia xã hội thành ba đẳng cấp được theo sự phân công lao động phù hợp với lòng ham muốn và năng lực của mỗi người. Nhà triết học với lòng ham muốn sự Thông thái là đẳng cấp cai trị xã hội, trong đó “quân vương là nhà triết học”, là kết quả của sự kết hợp giữa phẩm chất chính trị và sự thông thái triết học. Những người sản xuất với lòng ham muốn vật chất thuộc đẳng cấp lao động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh; họ được giáo dục phẩm chất “Điều độ”. Những người ham muốn danh dự thuộc đẳng cấp chiến binh, có nhiệm vụ bảo vệ thành quốc. Theo Platon, người cai trị xã hội phải đặt cộng đồng lên trên hết, không được có gia đình, vợ con riêng, không có tư hữu, không có của cải, tài sản riêng, không có nhà cửa, ruộng vườn, tiền bạc. Platon lý giải:

“Nếu có tư hữu, họ sẽ trở thành chủ điền, thương nhân thay vì vệ quốc, họ sẽ trở thành kẻ thù và bạo chúa hà khắc thay vì cộng tác sinh hoạt, chung sống với đồng bào, họ sẽ sống trong ghét bỏ, nghi ngờ, âm mưu chống trả; họ sẽ lo sợ cả đời bên trong nội loạn, bên ngoài tấn công, và nhanh chóng đi đến sụp đổ như là sóng gàn kề cuốn dề, nhấn chìm cả họ và thành quốc” [52, tr.276].

Platon giải thích tiếp: Mục đích của chúng ta trong xây dựng thành quốc “không nhằm làm cho một giai cấp đặc biệt sung sướng, mà nhằm làm cho toàn thể thành quốc đều sung sướng, càng nhiều càng tốt”, “mang lại hạnh phúc không phải cho thiểu số chọn lọc mà cho tất cả mọi người” [52, tr.281-282].

Tuy nhiên, quan niệm về cộng đồng trong xã hội Hy Lạp cổ đại vẫn mang nặng sự bất bình đẳng giữa các đẳng cấp, giữa người nô lệ và người tự do, giữa nam và nữ. Chúng ta nhận thấy rằng, trong xã hội Hy Lạp cổ đại không phải tất cả mọi người đều là công dân, mà công dân chỉ bao gồm những người đàn ông trưởng thành, có giáo dục và thường là người chủ trong gia đình. Phụ nữ, trẻ em, nô lệ và người nước ngoài không phải là công dân của thành bang. Họ bị giới hạn trong lĩnh vực kinh tế gia đình, lĩnh vực tư và chịu sự cai quản của người đàn ông chứ không có quyền được tham gia vào đời sống chính trị, lĩnh vực công của cộng đồng. Đây cũng chính là những nét hạn chế.

Vào thời kỳ trung cổ là thời đại thống trị của tôn giáo và nhà thờ. Các trào lưu triết học thời kỳ này đều cho rằng con người do Chúa Trời tạo ra theo “hình dáng của mình” và sắp xếp theo những đẳng cấp khác nhau. Nếu người nào vượt ra khỏi đẳng cấp của mình là có tội với Chúa Trời. Chính quyền nhà vua là do ý trời, thân xác con người phải phục tùng chính quyền nhà vua còn quyền lực tối cao bao trùm hết thảy thuộc về giáo hội. Con người trở thành một sinh vật thụ động chỉ biết thờ phụng Chúa, nhân cách được đo bằng lòng tôn sùng Chúa, con người bằng lòng chấp nhận cuộc sống tạm bợ trên trần thế, mong chờ được Chúa cứu rỗi ở thế giới bên kia. Có thể nói đây là những tư tưởng thực sự kìm hãm sự phát triển của con người, trở thành bước cản cho sự vận động và phát triển của xã hội cũng như nền triết học Tây Âu.

Trong tác phẩm “*Về thành đô của Thượng đế*”, Ôguýttxtanh đã tích cực

bảo vệ sự bất bình đẳng của xã hội, ông khẳng định, một số người thì được chúa ban cho quyền sung sướng vĩnh viễn, còn một số người khác thì phải khổ vĩnh viễn. Ông khuyên người nghèo chỉ nên yêu cái gì không lấy đi được, nghĩa là không nên yêu của cải mà chỉ yêu Thượng đế. Cuộc sống trần thế chỉ là tạm thời, con người chỉ là khách bộ hành chốc lát trên trái đất, hạnh phúc ở “thế giới bên kia” mới là vĩnh viễn.

Kitô giáo Trung cổ tuy không phủ nhận bất bình đẳng xã hội ở trần thế, thậm chí còn cho rằng đó là do Chúa Trời an bài để thử thách con người, nhưng lại đưa ra tư tưởng về *một cộng đồng xã hội hoàn toàn bình đẳng ở Thiên đường*. Trong giang sơn của Chúa Trời, không có sự phân biệt giữa “cái của tôi” và “cái của anh”, mọi người đều bình đẳng. Do vậy không có gì ngạc nhiên khi thấy rằng những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng đầu tiên, như Thomas More, Campanella là những người xuất thân từ Kitô giáo.

Thời kỳ phục hưng, vào thế kỷ thứ XV- XVII, là thời kỳ khôi phục phát triển những giá trị văn hóa cổ đại sau đêm trường Trung cổ. Các nhà triết học và khoa học bắt đầu từng bước đấu tranh tách triết học và khoa học ra khỏi sự kiểm soát của tôn giáo. Các nhà triết học thời kỳ này (với một số đại biểu như: Ph. Bêcơn, T. Hốp-xơ, Gi. Lôccơ, R. Đêcắctơ, J.J. Rút-xô...) đã đấu tranh quyết liệt với những quan niệm tôn giáo thần bí xoay quanh vấn đề con người. Triết học thời kỳ này đã chứng minh sức mạnh vĩ đại của con người, đề cao vai trò thực tiễn của con người, xem con người là thước đo của mọi vật. Sự tự do của con người được nhận thức sâu sắc. Sự tự trị đối với bản thân con người; từ nay con người là kẻ định đoạt số phận của bản thân mình, con người có quyền tự do lựa chọn.

Thời kỳ cận đại các quyền lợi kinh tế cá nhân được đề cao dẫn đến việc đời sống cá nhân được coi trọng hơn đời sống cộng đồng. Cộng đồng chính trị, nơi mà trước kia trong xã hội Hy Lạp cổ đại các hoạt động chính trị và văn

hóa đóng vai trò chủ đạo, con người chỉ quan tâm đến lợi ích công của cả cộng đồng, đã bị xã hội dân sự tư sản, vốn chỉ coi trọng lợi ích, quyền lợi và tài sản cá nhân (tư sản), lấn lướt.

Hêghen coi xã hội dân sự hay xã hội tư sản là một giai đoạn phát triển cao nhất của ý thức tự do, là nơi đề cao quyền của chủ thể hay tự do cá nhân, là nơi con người có quyền theo đuổi lợi ích cá nhân của mình, được tự do trao đổi (mua và bán) hàng hóa thông qua cơ chế thị trường. Nhưng những tự do này, theo Hêghen, mang tính trừu tượng và hình thức, bởi vì nó chứa đựng những mục đích cá nhân, mà phần lớn những mục đích này vẫn bị chi phối bởi những nhu cầu và ham muốn mang tính tự nhiên của con người như một sinh vật. Tự do đích thực là tự do bao gồm cả năng lực giúp con người thoát khỏi những ham muốn bản năng và hành động theo các nguyên lý lý tính.

Nhà triết học duy vật L. Phoiơbắc quan tâm đến vấn đề con người. Con người trong triết học của L. Phoiơbắc là “sản phẩm của tự nhiên, là cái gương của vũ trụ” [61, tr.461]. Bản chất con người là tổng thể các khát vọng, khả năng, nhu cầu, ham muốn và cả khả năng tưởng tượng của anh ta nữa. Giữa con người và tự nhiên nằm trong một thể thống nhất hữu cơ không thể tách rời.

L. Phoiơbắc xem xét con người như những cá nhân trừu tượng, biệt lập, trong quan niệm của ông là con người trừu tượng; là con người trừu tượng bị tách ra khỏi những điều kiện kinh tế, xã hội, lịch sử. Ông cho rằng cần phải biến tình yêu thương của con người thành quan hệ chi phối mọi quan hệ xã hội khác, thành lý tưởng xã hội. Từ đó, ông kêu gọi mọi người hãy đối xử với nhau bằng quan hệ tình yêu tôn giáo và trong điều kiện như vậy, con người được tự do phát triển bằng tình yêu của chính họ. Vì vậy, con người phát triển là đạt đến mục tiêu của một tình yêu phổ biến, phi giai cấp, phi lịch sử.

Nhìn chung trong thời kỳ cận đại, khi nói về vấn đề quan hệ giữa cá

nhân với xã hội, các nhà triết học có xu hướng tuyệt đối hóa một mặt nào đó khi bàn đến tự do cá nhân, hoặc thủ tiêu cá nhân hoặc quá đề cao cá nhân. Chủ yếu có hai khuynh hướng chính:

Chủ nghĩa duy tâm thần bí dưới mọi hình thức quan niệm rằng tự do cá nhân là tự do tuân thủ mệnh lệnh siêu nhiên, tự do là tự do tinh thần, tự do duy ý chí, tự do là trạng thái nội tâm của cá thể tách biệt mọi quan hệ hiện thực.

Đối lập với chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật thừa nhận tự do cá nhân có thực ở trần gian. Con người có được tự do khi thoát khỏi niềm tin thần thánh. Tự do gắn liền với dân chủ và bình đẳng xã hội. Đây là những quan điểm tiến bộ. Nhìn chung do những hạn chế về lịch sử, văn hóa, khoa học và hạn chế về lập trường, giai cấp của triết gia nên vấn đề tự do cá nhân chưa được phản ánh đúng đắn.

Trong khi vạch ra những hạn chế khách quan của chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII, XVIII và của chủ nghĩa xã hội không tưởng, C. Mác và Ph. Ăngghen đã kế thừa, chọn lọc chúng và luận giải mối quan hệ cá nhân và xã hội trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng về lịch sử.

### **1.2.3. Quan điểm triết học phương Tây ngoài mácxít về mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội**

Ở phương Tây, từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời cho đến nay, các nhà tư tưởng tư sản nói nhiều đến cá nhân, cá tính, tự do cá nhân...thực chất là nói đến cá nhân của giai cấp tư sản. C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ, trong lao động làm thuê người vô sản mất hết cá tính. Chỉ có những cá nhân thuộc giai cấp thống trị, là những con người có đặc quyền, đặc lợi, mới được khẳng định với tư cách cá nhân và trở thành kiểu cá nhân đặc trưng của thời đại.

Trong thời kỳ này, chủ nghĩa cá nhân bao giờ cũng được coi là giá trị cao nhất trùm lên mọi lĩnh vực của đời sống. Các nhà tư tưởng thuộc các

khuyh hướng triết học, chính trị khác nhau thì có quan điểm khác nhau về vai trò của cá nhân và mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội. Có khuyh hướng lạc quan, nhưng cũng có khuyh hướng bi quan. Chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa thực dụng là những khuyh hướng lạc quan. Trái lại, chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa Phrớt là những khuyh hướng bi quan.

- *Chủ nghĩa tự do* (liberalism) là một trào lưu triết học chính trị coi cá nhân là một thực hiện độc lập có đầy đủ lý trí trong việc quyết định hành vi của mình, do đó cần phải để cho cá nhân được hoàn toàn tự do trong hành động, miễn là hành động của cá nhân này không làm hại đến cá nhân khác. *Nguyên tắc không làm hại* (harm principle) được John Stuart Mill, một nhà triết học Anh đưa ra làm nguyên tắc cơ bản cho lý luận về chủ nghĩa tự do của mình và về sau được những người theo chủ nghĩa tự do kế thừa và phát triển. Đây là một biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân cực đoan, ảo tưởng khi cho rằng cá nhân có thể tồn tại, phát triển mà không cần đến xã hội.

Chủ nghĩa tự do là hệ tư tưởng của nhiều đảng chính trị trên thế giới, đối lập với hệ tư tưởng của chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, trong điều kiện suy thoái kinh tế và biến đổi khí hậu trong những năm qua, hàng triệu cá nhân bị mất việc làm, hàng loạt doanh nghiệp bị phá sản, nhiều quốc gia bị khủng hoảng, nhiều địa phương bị thiên tai v.v., nếu không có sự giúp đỡ của nhà nước và cộng đồng, kể cả cộng đồng quốc tế thì không thể nào vượt qua được khó khăn. Thực tế này đã làm mất uy tín của chủ nghĩa tự do và làm tăng uy tín của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng đồng.

- *Chủ nghĩa thực dụng* là một trào lưu tư tưởng thịnh hành ở Mỹ. Chủ nghĩa thực dụng đề cao hiệu quả thực tế, hiệu quả cảm tính của con người. Giống như chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa thực dụng đề cao tự do cá nhân, cho rằng cá nhân có thể làm bất cứ điều gì anh ta muốn, không cần quan tâm xem hành vi của mình có phù hợp với quy luật khách quan hay không. Chủ nghĩa

thực dụng cho rằng chân lý chỉ có tính tương đối, mỗi người có một chân lý riêng cho mình. Các nhà thực dụng cho rằng, trong mối quan hệ với hoàn cảnh xã hội, con người lấy lợi ích thực tế làm tiêu chuẩn của chân lý. Không có chân lý khách quan, chân lý phụ thuộc vào lợi ích thực tế của đời sống dựa trên cảm nhận của cá nhân.

Nhiều cá nhân đã lợi dụng lý luận về chân lý của chủ nghĩa thực dụng để biện hộ cho mục đích vụ lợi tầm thường, nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình. Lối sống thực dụng có đặc trưng là chạy theo lợi ích cụ thể của đời thường trên các lĩnh vực. Những lợi ích, giá trị thuộc về lý tưởng, niềm tin, hoài bão ít được chú ý. Tình hình thực tế trên thế giới trong những năm gần đây cho thấy, các quốc gia tiên tiến và cá nhân có lương tri trên thế giới ngày càng quan tâm hơn lợi ích lâu dài và rộng lớn của toàn thể nhân loại, như vậy một phần đã khắc phục được cách nhìn hạn hẹp của chủ nghĩa thực dụng.

- *Chủ nghĩa hiện sinh* thịnh hành trong thời kỳ tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, nhất là trong và sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Chủ nghĩa hiện sinh là một trào lưu triết học bi quan về cuộc sống của con người và về mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội. Chủ nghĩa hiện sinh tuyệt đối hóa cá nhân, coi cá nhân là một thực thể biệt lập, xa lạ với người khác, mỗi cá nhân có thể tồn tại mà không cần người khác. Hơn nữa, trong quan hệ với xã hội, con người đánh mất cái tôi. Theo nhà hiện sinh Pháp Jean Paul Sartre, “địa ngục là những người khác” (*l'enfer, c'est les autres*). Chủ nghĩa hiện sinh coi tha hóa là một hiện tượng vĩnh cửu, nó thuộc bản chất của con người. Bởi vì, tha hóa bắt nguồn từ cuộc sống có những tương quan hiện sinh giữa tôi và tha nhân. Tất cả mọi cái mà con người tiếp xúc trong cái “hiện thực phi lý” của cuộc đời, tức tha nhân đều đã làm cho con người tha hóa bằng cách chiếm đoạt tự do đích thực của nó. Mất tự do, con người không phải là mình nữa.

Chủ nghĩa hiện sinh cho rằng tự do là bản chất của hiện sinh, của cá

nhân con người. Còn xã hội chỉ là phương thức hiện sinh của cá nhân. Khi xã hội và cá nhân có liên hệ chặt chẽ thì sự tồn tại của cá nhân sẽ không còn là cá nhân thực sự mà là cá nhân bị đối tượng hóa, bị mất cá tính do bị ràng buộc với người khác và với xã hội, là cá nhân bị tập thể, xã hội và người khác lấn át. Do đó tồn tại xã hội đã bóp chết hiện sinh chân chính của con người. Để khôi phục sự chân chính của mình, con người cần phải thoát khỏi sự ràng buộc với người khác và với xã hội. Động lực phát triển của lịch sử tất nhiên cũng không nằm trong bản thân xã hội mà là do sự hiện sinh của cá nhân quyết định. Do đó cần tìm tiến trình và đặc điểm của lịch sử ở thế giới bên trong cá nhân con người.

Chủ nghĩa hiện sinh có hai nhánh: *chủ nghĩa hiện sinh Kitô giáo* và *chủ nghĩa hiện sinh vô thần*. Chủ nghĩa hiện sinh Kitô giáo giải thích nguyên nhân làm con người mất tự do và con người đã xa lìa chúa con người trở thành tội lỗi. Do vậy, họ chủ trương để chấm dứt tội lỗi (tức sự tha hóa), tín hữu phải quay về chúa”. Lịch sử loài người chỉ là một bi kịch không có kết thúc. Vậy con người làm thế nào để thoát khỏi sức mạnh tha hóa và bi kịch của họ? Chủ nghĩa hiện sinh nhận định rằng “Không thể dựa vào khoa học và lý tính hay bất cứ cái gì khác mà chỉ có thể tự cứu mình bằng những hành động tự phát, mạo hiểm hoặc chờ mong sự giải thoát ở các lực lượng tôn giáo thần bí. Đó là con đường bế tắc mà chủ nghĩa hiện sinh chỉ ra cho con người” [26, tr.645].

Chủ nghĩa hiện sinh vô thần cho rằng “Thượng đế đã chết”. J.P. Sartre giải thích ý nghĩa của mệnh đề này: Nếu Thượng đế không tồn tại thì con người hoàn toàn cô độc trên thế giới không còn có thể dựa vào ai nữa và mặt khác con người cũng được hoàn toàn tự do, không còn ai có thể quy định số phận, hành vi của con người nữa. J.P. Sartre viết:

“Con người sẽ không mong muốn mình trở thành cái gì trước khi nó hiểu rằng nó không thể trông cậy vào ai ngoài chính nó; rằng nó bị cô độc, bị



bỏ rơi trên trái đất giữa vô vàn trách nhiệm, không có ai giúp đỡ, không có mục đích nào khác hơn cái mục đích mà nó tự đặt ra cho mình, không có số phận nào khác hơn số phận mà nó tự tạo nên cho chính mình trên trái đất này” [62].

Chủ nghĩa hiện sinh là sự phản ánh của con người trước tình trạng bất ổn về xã hội trong thời kỳ khủng hoảng toàn diện của chủ nghĩa tư bản, bị chiến tranh tàn phá. Con người hiện sinh là những con người đau khổ, phiến não, tuyệt vọng, không tin vào khoa học, vào xã hội và nhà nước. Quan điểm về tự do của chủ nghĩa hiện sinh là quan điểm của chủ nghĩa cá nhân cực đoan. Một thời kỳ chủ nghĩa hiện sinh đã ảnh hưởng xấu đến một bộ phận thanh niên miền Nam sống trong chế độ cũ. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, trên thế giới cũng như trong xã hội ta vẫn còn mảnh đất để nảy sinh và tồn tại của tư tưởng hiện sinh chủ nghĩa. Tư tưởng tự do của chủ nghĩa hiện sinh có ảnh hưởng đến một bộ phận thanh niên muốn được tự do tuyệt đối, phản kháng lại những yêu cầu và trật tự xã hội.

- *Chủ nghĩa Phrớt* là một trào lưu triết học vô thần nhưng tuyệt đối hóa cái vô thức và bản năng tính dục của con người nên đã tách rời mối quan hệ giữa cá nhân con người với xã hội. Phrớt đã coi bản năng tính dục của con người là cơ sở duy nhất cho các hoạt động của con người.

### **1.3. QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁ NHÂN VỚI XÃ HỘI**

Quan hệ giữa cá nhân và xã hội là vấn đề có vị trí quan trọng đặc biệt trong các học thuyết về xã hội. C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin trong nhiều tác phẩm của mình đã đề cập đến vấn đề này một cách toàn diện, sâu sắc và có hệ thống trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Các ông đã đúc kết lịch sử và tìm ra lời giải đáp đúng đắn cho mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội.

Mối quan hệ cá nhân và xã hội là mối quan hệ biện chứng, tác động nhau, trong đó xã hội giữ vai trò quyết định. Xã hội là điều kiện, là môi trường, là phương thức để lợi ích cá nhân được thực hiện. Cá nhân không chỉ là sản phẩm của xã hội mà còn là chủ thể của sự phát triển xã hội, của hoạt động sản xuất và hoạt động xã hội khác.

### **1.3.1. Vai trò quyết định của xã hội đối với cá nhân**

Xã hội là hình thức vận động cao nhất của thế giới vật chất, hình thái này lấy con người và sự tác động qua lại giữa người với người làm nền tảng. Con người là bộ phận căn bản nhất của xã hội nên mỗi sự chuyển biến của xã hội đều ghi những dấu ấn nhất định lên cá nhân con người, các quy luật xã hội vẫn luôn tác động ngoài ý chí và nguyện vọng của con người. Vai trò quyết định của xã hội đối với cá nhân thể hiện ở các điểm:

Một là, *cá nhân chỉ được hình thành, phát triển trong xã hội*. Không có xã hội thì con người sinh ra chỉ là một động vật hoang dã và không bao giờ có thể trở thành một cá nhân. Đây là trường hợp những trẻ em bị cha mẹ chúng bỏ rơi khi còn bé và được thú vật nuôi.

Hai là, *sự phát triển của cá nhân và nhân cách luôn luôn phụ thuộc và những điều kiện xã hội nhất định*. Ví dụ, một con người sinh ra và trưởng thành trong xã hội nguyên thủy, xã hội phong kiến hay xã hội tư bản, trong một bộ lạc, một gia đình, một giai cấp, một dân tộc nào thì con người đó sẽ hình thành và phát triển nhân cách của mình tùy thuộc vào những điều kiện cụ thể đó. Trong điều kiện xã hội nguyên thủy, cá nhân cũng chưa có điều kiện để hình thành và phát triển. Trong xã hội nô lệ, phong kiến và tư bản chỉ có một số cá nhân có tư hữu mới có điều kiện phát triển. Chỉ có trong điều kiện xã hội văn minh, cá nhân và nhân cách mới của mọi người có đủ điều kiện để phát triển tự do và toàn diện.

Ba là, *sự tồn tại, phát triển của cá nhân con người luôn bị chi phối bởi*

*các nhân tố xã hội và các quy luật xã hội.*

Những nhân tố, quy luật xã hội có ảnh hưởng đến con người đó là kinh tế, chính trị, văn hóa..., là quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quy luật về sự phù hợp giữa cơ sở hạ tầng với kiến trúc thượng tầng, quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, các quy luật về giai cấp và đấu tranh giai cấp... Trong tác phẩm Hệ tư tưởng Đức, C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng: “Những cá nhân nhất định, hoạt động sản xuất theo một phương thức nhất định, đều nằm trong những quan hệ xã hội và chính trị nhất định...”[36, tr.36].

Ví dụ: Một người sinh ra trong xã hội có giai cấp sẽ thuộc một giai cấp nhất định, chịu sự tác động của quy luật đấu tranh giai cấp; nếu anh thuộc giai cấp vô sản, bị giai cấp tư sản bóc lột, đời sống cực khổ nhất thiết anh phải đứng lên đấu tranh giành lại quyền và lợi ích chính đáng cho bản thân mình, gia đình mình, giai cấp mình.

Là thành viên của xã hội, cá nhân chịu tác động mạnh mẽ của các quan hệ xã hội, thông qua các quan hệ xã hội mà cá nhân hình thành và bộc lộ bản chất của mình. Chính sự tác động của các quan hệ xã hội đã kết tinh và định hình ở cá nhân con người năng lực hoạt động thực tiễn, tư duy, sự tự ý thức và đánh giá và điều chỉnh hành vi. Con người ở trong hoàn cảnh, trong những mối quan hệ xã hội nào thì sẽ định hình bản chất đó. Trong tính phức tạp và đa dạng của những quan hệ xã hội làm hình thành bản chất con người thì quan hệ sản xuất có ý nghĩa quyết định nhất. Sở dĩ như vậy vì chính quan hệ sản xuất - quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất mà hạt nhân của nó là quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất đã chi phối hết thảy những quan hệ còn lại của con người. Chỉ có điều quan hệ này chi phối trực tiếp hay gián tiếp ở mức độ rộng hay hẹp, sâu hay nông mà thôi. Điều này được giải thích bằng tầm quan trọng của sản xuất đối với sự tồn tại của con người và xã

hội loài người, con người phải sản xuất và thiết lập các quan hệ xã hội trong quá trình sản xuất đó. Đến lượt mình, quan hệ sản xuất tác động trở lại con người theo những phương thức nhất định, hình thành bản chất con người (Ví dụ: Trong xã hội nguyên thủy, lực lượng sản xuất còn thấp kém, con người sống theo bầy đàn, ăn chung làm chung do vậy con người thể hiện sự bình đẳng, hợp tác, tương trợ lẫn nhau. Trong chế độ chiếm hữu nô lệ với quan hệ người bóc lột người, chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất thì ở con người hình thành đầu óc tư hữu, tư tưởng bóc lột, chủ nghĩa cá nhân...)

Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, “Chỉ có trong đời sống cộng đồng cá nhân mới có được những phương tiện để có thể phát triển toàn diện những năng khiếu của mình và do đó, chỉ có trong cộng đồng mới có thể có tự do cá nhân” [36, tr.108].

Trong các xã hội trước đây, cá nhân bao giờ cũng gắn liền với những giai cấp nhất định. Tự do cá nhân chỉ tồn tại đối với những cá nhân của giai cấp thống trị; cộng đồng chỉ có tính chất hư ảo. Chỉ có trong xã hội cộng sản mới có được cộng đồng thật sự, trong đó sự liên hợp của cá nhân là điều kiện để thực hiện tự do của cá nhân.

Chính nhờ sự am hiểu một cách khoa học về mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, vai trò quyết định của cộng đồng đối với cá nhân mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã chọn *chủ nghĩa cộng đồng* (*Kommunismus* trong tiếng Đức, *communism* trong tiếng Anh...), chứ không phải là *chủ nghĩa tự do* là khuynh hướng tuyệt đối cá nhân, phủ nhận vai trò của cộng đồng xã hội.

### **1.3.2. Sự tác động của cá nhân đối với xã hội**

Khi xem xét vị thế của con người trong tiến trình phát triển lịch sử nhân loại, các nhà triết học Mác - Lênin cho rằng, tiến trình phát triển lịch sử của nhân loại suy cho cùng, nó được quy định bởi tiến trình phát triển của sản xuất, quy định bởi sự phát triển của lực lượng sản xuất của xã hội, bao gồm

con người và những tư liệu sản xuất với những công cụ lao động do con người sáng tạo ra. Sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội, tự nó đã nói lên trình độ phát triển của xã hội và đó cũng có nghĩa là “phát triển sự phong phú của bản chất con người, coi con người như mục đích tự thân” [39, tr.168].

Lực lượng sản xuất mà cùng với nó là quan hệ xã hội ngày càng phát triển thì “lịch sử đó ngày càng trở thành lịch sử loài người”. Từ đó C.Mác kết luận: “xã hội là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người” [40, tr.658, 659].

Trong sự tác động qua lại đó, xã hội giữ vai trò quyết định đối với cá nhân, nhưng một khi cá nhân được hình thành thì tác động trở lại sự phát triển của xã hội.

*Một là*, trong quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen, con người là thực thể với những nhu cầu đa dạng và không ngừng phát triển. Vì vậy, khi nhu cầu tối thiểu được đáp ứng, trước sự vận động của thực tại và do tác động của hoàn cảnh, ở cá nhân con người lại xuất hiện những nhu cầu mới. Nhu cầu này được thực hiện lại xuất hiện những nhu cầu khác cao hơn, tạo cho con người những khả năng sáng tạo hơn để tiếp tục thoả mãn nhu cầu. Nếu không có nhu cầu mới, con người chỉ tự thoả mãn với những tư liệu vốn có ban đầu thì đương nhiên, xã hội sẽ dừng lại ở trạng thái không phát triển. Theo các ông, những nhu cầu mới làm cho cá nhân luôn phát huy tính năng động của bản thân, khơi dậy trong họ ý thức tư duy sáng tạo tìm ra những phương thức để thoả mãn nhu cầu: “Bản thân cái nhu cầu đầu tiên đã được thoả mãn, hành động thoả mãn với công cụ để thoả mãn mà người ta có được - đưa tới những nhu cầu mới” [36, tr.40]. Vì vậy, nhu cầu đã trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy tiến bộ xã hội và quá trình lao động sản xuất để thoả mãn nhu cầu con người là quá trình con người tạo ra lịch sử xã hội của chính mình.

*Hai là*, cá nhân tích cực có vai trò thúc đẩy sự phát triển xã hội. Nhất là

những cá nhân ưu tú, kiệt xuất, mà cụ thể là những nhà khoa học, lãnh tụ cách mạng, những tướng tài, những nhà quản lý giỏi, những nhà văn, nhà thơ nổi tiếng. v.v..., có vai trò to lớn nhất. Ngược lại, những cá nhân tiêu cực có vai trò kìm hãm sự phát triển của xã hội.

### **1.3.3. Tính lịch sử và mâu thuẫn của mối quan hệ cá nhân - xã hội**

Là một hiện tượng lịch sử, quan hệ cá nhân - xã hội luôn luôn vận động, biến đổi và phát triển. Điều đó không chỉ liên quan đến trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, trình độ văn hóa, văn minh mà liên quan tới sự thay đổi của phương thức sản xuất, của hình thái kinh tế - xã hội. Chỉ khi cách mạng làm thay đổi hình thái kinh tế - xã hội thì quan hệ cá nhân và xã hội mới có sự thay đổi căn bản.

Sự tái tạo ra bản thân con người và sự kế tiếp nhau giữa các thế hệ là dòng chảy liên tục, từ quá khứ đến tương lai. Nó cũng được xem là một động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Thông qua sự phát triển kế tiếp nhau này, hoạt động của con người đã thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa kế thừa và đổi mới và qua đó, con người tạo ra lịch sử - xã hội của mình: “Lịch sử chẳng qua chỉ là sự nối tiếp của những thế hệ riêng rẽ trong đó mỗi thế hệ đều khai thác những vật liệu, những tư bản, những lực lượng sản xuất do tất cả các thế hệ trước để lại” [36, tr.65]. Việc tái sản sinh ra bản thân con người không chỉ đơn thuần để duy trì nòi giống, tái sản xuất ra sức lao động nhằm tiếp tục quá trình sản xuất, mà điều quan trọng hơn là, thông qua việc tái sản sinh ra bản thân con người, các thế hệ có thể kế thừa những thành tựu của quá khứ để phát triển trong hiện tại và tương lai.

Sự tác động cá nhân và xã hội mang hình thức đặc thù tùy thuộc vào các chế độ xã hội và trình độ văn minh khác nhau. Trong thời kỳ chưa có tư hữu và giai cấp, không có sự đối kháng giữa cá nhân và xã hội. Lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội căn bản là thống nhất. Khi xã hội phân chia giai cấp, quan hệ cá

nhân và xã hội vừa có thống nhất vừa có mâu thuẫn, thậm chí là mâu thuẫn đối kháng. Trong xã hội tư bản, người công nhân gánh chịu mọi hậu quả nặng nề của sự tha hóa. Kết quả hoạt động của con người, của công nhân ngày càng biến thành một lực lượng thoát ra khỏi con người, xa lạ với con người, thống trị lại con người, thù địch với con người, lực lượng đó là tư bản. Các điều kiện lao động của người công nhân đối lập lại người công nhân. Trong những điều kiện đó, tự do của người lao động chỉ mang tính hình thức, cá nhân con người không thể có sự phát triển hài hòa và toàn diện. Điều kiện sống và làm việc của công nhân tồi tệ hơn khi họ mất việc làm; khi đó người lao động càng không thể khẳng định mình với tư cách cá nhân. Chỉ khi nào các đối kháng giai cấp trước toàn xã hội đã bị loại bỏ, khi người lao động thực sự làm chủ các điều kiện vật chất của người lao động, họ mới thực sự trở thành người lao động tự do. Và cá nhân người lao động, với tư cách con người mới được khẳng định.

Chỉ có ở trình độ cao của sự phát triển của mình, xã hội mới có đủ điều kiện giúp mọi cá nhân phát huy hết năng lực và bản sắc riêng của mình, phù hợp với lợi ích và mục tiêu của xã hội mới. Như vậy, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, xã hội và cá nhân thống nhất biện chứng, là tiền đề và điều kiện của nhau. Ở đây, tất cả những vấn đề xã hội đặt ra đều nhằm mục đích phát triển tối đa năng lực con người và vì con người. Trước đây C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra rằng, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đã làm phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc, và “sản xuất vật chất đã như thế thì sản xuất tinh thần cũng không kém như thế”. Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang đẩy mạnh quá trình này, nhưng về thực chất đó vẫn là sự mở rộng quan hệ bóc lột và nô dịch con người sang các dân tộc khác. Nó tạo ra một số nước tư bản phát triển cao, giàu có, thì đồng thời cũng làm cho châu Phi đói, châu Á nghèo, châu Mỹ Latinh nợ nần chồng chất.

Chủ nghĩa xã hội thực hiện quá trình quốc tế hoá đời sống nhân loại để mỗi dân tộc có điều kiện tiếp cận nhanh chóng những giá trị tiến bộ của nhân loại, làm cho con người phát triển nhân cách phong phú, biết đấu tranh chống những quan hệ không có tính người trong cuộc sống nhân loại. Đó là đặc trưng của chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong quan hệ giữa cá nhân và xã hội.

Mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội có những nội dung thống nhất với quan hệ giữa cá nhân và tập thể, chúng đều dựa trên cơ sở lợi ích, biểu hiện mối quan hệ giữa cái bộ phận với cái toàn thể, giữa khách quan và chủ quan. Mặt khách quan biểu hiện ở trình độ phát triển của xã hội về nhiều mặt. Mặt chủ quan biểu hiện ở năng lực nhận thức và vận dụng quy luật xã hội phù hợp với mục đích của con người. Do vậy, việc tổ chức các hoạt động xã hội có vai trò to lớn trong việc kết hợp giữa mặt khách quan và mặt chủ quan sao cho xã hội được tiến bộ và mỗi cá nhân được tồn tại và phát triển nhân cách một cách hài hòa.

Trong “Bút kí triết học”, Lênin đã chỉ rõ: “Thật ra mục đích của con người là do thế giới khách quan sản sinh ra và lấy thế giới khách quan làm tiền đề” [33, tr.201]. Thật vậy, toàn bộ quan hệ xã hội hàng ngày kết hợp với những đặc điểm cá nhân tạo thành nhu cầu cá nhân (nhu cầu về vật chất và tinh thần). Những nhu cầu đó được cá nhân ý thức trở thành lợi ích và mục đích của họ. Một trong những lợi ích đó là được phát triển tự do và toàn diện, vì vậy nó trở thành yếu tố quan trọng của sự lựa chọn tự do. Mặt khác những điều kiện khách quan, những quan hệ xã hội của cá nhân cũng tạo khả năng thỏa mãn những nhu cầu đó. Khả năng ấy được cá nhân tiếp thu chuyển hóa thành cái chủ thể và sử dụng nó như một lực lượng riêng để đạt được mục đích riêng của họ. Trong những điều kiện nhất định thì nhu cầu, lợi ích, mục đích riêng của cá nhân phù hợp với nhu cầu, lợi ích và mục đích chung của xã



hội. Trong quá trình thống nhất biện chứng giữa cá nhân và xã hội, vai trò quyết định thuộc về tính chất của các quan hệ xã hội. Tính chất của các quan hệ xã hội tạo điều kiện cho cá nhân tiếp thu khả năng khách quan và chuyển hóa thành khả năng chủ quan trong việc thực hiện mục đích của mình, tạo điều kiện cho sự kết hợp giữa nhu cầu, lợi ích, mục đích của xã hội và cá nhân hài hòa hay ngăn trở nó.

Bởi vậy, thực chất của việc tổ chức xã hội là giải quyết quan hệ lợi ích nhằm tạo khả năng cao nhất cho mỗi cá nhân tác động vào mọi quá trình kinh tế, xã hội, cho sự phát triển được thực hiện. Xã hội càng phát triển thì cá nhân càng có điều kiện để tiếp nhận ngày càng nhiều những giá trị vật chất và tinh thần. Mặt khác, mỗi cá nhân trong xã hội càng phát triển thì càng có điều kiện để thúc đẩy xã hội tiến lên. Vì vậy, thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu và lợi ích chính đáng của cá nhân là mục tiêu và động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội. Bất cứ vấn đề gì, dù là phạm vi nhân loại hay cá nhân, dù trực tiếp hay gián tiếp, nếu lợi ích cá nhân và xã hội là thống nhất thì chính ở đó bắt gặp mục đích và động lực của sự nỗ lực chung vì một tương lai tốt đẹp.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, những mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội vẫn còn tồn tại. Do đó, để giải quyết đúng đắn quan hệ cá nhân - xã hội, cần phải tránh hai thái độ cực đoan. Một là, chỉ thấy cá nhân mà không thấy xã hội, đem cá nhân đối lập với xã hội, nhu cầu cá nhân chưa phù hợp với điều kiện phát triển của xã hội. Khuynh hướng này có thể dẫn đến chủ nghĩa cá nhân. Hai là, chỉ thấy xã hội mà không thấy cá nhân, quan niệm sai lầm về lợi ích xã hội, về chủ nghĩa tập thể, thực chất là chủ nghĩa bình quân, coi nhẹ vai trò cá nhân, lợi ích cá nhân. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu, lợi ích cá nhân càng đa dạng. Nếu không quan tâm đến vấn đề cá nhân, sẽ dẫn đến một xã hội nghèo nàn, chậm phát triển, không phù hợp với bản chất của chủ nghĩa xã hội.

## TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Trải qua các thời kỳ khác nhau trong lịch sử triết học, từ thời cổ đại cho đến khi triết học Mác ra đời, vấn đề con người và mối quan hệ giữa cá nhân, con người với xã hội luôn được các nhà khoa học, triết học đề cập, nghiên cứu một cách sâu sắc. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội là vấn đề có ý nghĩa như một luận điểm xuất phát để luận giải những vấn đề khác của lịch sử ngay từ khi triết học Mác ra đời.

Qua nghiên cứu quan điểm triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội chúng ta nhận thấy bản chất xã hội của con người đó không thể hiện một cách chung chung mà biểu hiện cụ thể trong từng cá nhân. Nói một cách khác con người tồn tại thông qua mỗi cá nhân. Đồng thời cá nhân và xã hội luôn có mối quan hệ biện chứng tác động qua lại lẫn nhau. Các cá nhân không thể tách rời khỏi xã hội, mà trong quá trình vận động, phát triển luôn chịu sự chi phối của các nhân tố xã hội và quan hệ xã hội. Ngược lại chính nhu cầu ngày càng cao của mỗi cá nhân trở thành động lực thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.

Có thể nói, quan điểm triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội khi được con người nhận thức đúng đắn sẽ trở thành nhân sinh quan đúng đắn trong quá trình xây dựng lối sống và giáo dục ý thức. Với thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn, Đảng và nhà nước, các tổ chức xã hội lấy đó làm cơ sở lý luận cho tư tưởng xã hội và xây dựng những thể chế xã hội, trong đó ý thức tốt đẹp của con người được hình thành.

**CHƯƠNG 2**  
**THỰC TRẠNG MỚI QUAN HỆ CÁ NHÂN VỚI XÃ HỘI,**  
**CỘNG ĐỒNG TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC VIỆT NAM**  
**VÀ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**2.1. QUAN HỆ CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC VIỆT NAM THỜI KỶ PHONG KIẾN**

*- Ý thức cộng đồng của dân tộc Việt Nam thời phong kiến là kết quả của sự kết hợp giữa tư tưởng truyền thống dân tộc với các hệ tư tưởng Nho giáo, Phật giáo.*

Trong xã hội phong kiến ở Việt Nam, Nho giáo trở thành công cụ sắc bén phục vụ cho nhà nước phong kiến tập quyền, trở thành cơ sở lí luận và tư tưởng của chế độ phong kiến. Các quan niệm về quan hệ phức tạp giữa vua - tôi, chồng - vợ, cha - con là ki cương của xã hội, là đạo đức phong kiến. Mỗi quan hệ xã hội chủ yếu là quan hệ giữa vua, quan, địa chủ và nông dân. Cá nhân con người trong xã hội luôn bị ràng buộc bởi những lễ giáo hà khắc.

Tuy nhiên, ảnh hưởng của Nho giáo có mặt tích cực ở chỗ, nó *đề cao nhân nghĩa và thể hiện sự nghiêm khắc của việc tu dưỡng đạo đức cá nhân* nên nó là chất keo gắn bó con người trong xã hội, tạo nên những mối quan hệ chặt chẽ giữa các cá nhân với xã hội, cộng đồng, có vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định, trật tự của xã hội phong kiến.

Thời kỳ này, tư tưởng Phật giáo cũng có nhiều ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa các cá nhân con người với xã hội, cộng đồng. Những chuẩn mực được nêu rất cụ thể nhưng nhìn chung khuyên con người trong bất cứ mối quan hệ nào cũng phải thể hiện tình yêu thương, kính trọng nhau, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm tròn bổn phận của mình.

Với tư tưởng từ bi, bác ái, Phật giáo của nền văn hoá Ấn Độ đã dễ dàng

thâm nhập vào Việt Nam từ rất sớm. Các giáo lý Phật giáo cùng với việc các nhà sư sống hòa đồng với người dân đã tạo nên sự gắn gũi giữa Phật giáo và người dân. Bởi lẽ, người Việt Nam từng chịu nhiều đau thương, mất mát qua các cuộc chiến tranh, sống lam lũ, khổ sở và thường xuyên phải chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt, nên luôn mong muốn có một cuộc sống tốt đẹp hơn. Bằng thuyết nhân quả luân hồi, ở hiền gặp lành, Phật giáo khuyến khích con người ăn ở nhân đức để có được cuộc sống tốt đẹp trong thế giới mai sau. Phật giáo đã góp phần nâng cao đời sống đạo đức của người dân, dẫn dắt về mặt tinh thần. Họ tiếp nhận Phật giáo như là một yếu tố tâm lý làm cân bằng cuộc sống vốn khốn khó của mình. Phật giáo cũng củng cố cách sống nhân nghĩa, chân tình của người Việt Nam.

Mặt khác, trong thời kỳ này, các giá trị đạo đức truyền thống thể hiện ra như những chuẩn mực xã hội điều tiết hành vi con người. Sự điều chỉnh của các giá trị đạo đức truyền thống chủ yếu được thể hiện qua dư luận xã hội. Các cá nhân, khi tham gia vào các hoạt động xã hội, có sự tự điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với các chuẩn mực xã hội, trong đó có các giá trị đạo đức truyền thống. Sự điều chỉnh hành vi của cá nhân phụ thuộc rất nhiều vào sự nhận thức đạo đức của cá nhân. Dựa vào nhận thức của mình về các chuẩn mực, các cá nhân thực hiện hành vi của mình. Nếu nhận thức của cá nhân đó phù hợp với chuẩn mực xã hội thì hành vi của họ phù hợp với lợi ích xã hội, được dư luận xã hội đồng tình, ủng hộ. Ngược lại, khi chuẩn mực, nhận thức cá nhân có sai lệch với chuẩn mực xã hội sẽ tạo ra những hành vi không phù hợp với lợi ích xã hội. Nếu vậy, dư luận xã hội sẽ phê phán.

Dư luận xã hội có một vai trò quan trọng trong việc củng cố ý thức cộng đồng dân tộc. Hành vi của các cá nhân trong cộng đồng được điều chỉnh thông qua dư luận, với những lời đôn đốc, thái độ khích lệ hoặc chê cười của dân làng. Người ta chê trách, xa lánh những kẻ đi ngược lợi ích cộng đồng,

dân tộc. Bị khai trừ ra khỏi làng là hình phạt nặng nhất đối với người nông dân trong xã hội truyền thống. Tinh thần cộng đồng kích thích tính năng động tham gia của mọi người vào các hoạt động tập thể xem đó là bổn phận, trách nhiệm của mình.

*- Ý thức cộng đồng làng xã*

Trong thời kỳ này, mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội đầu tiên được biểu hiện rõ rệt trong cộng đồng làng xã. Phải nói rằng trong lịch sử dân tộc ta, cộng đồng làng xã có vai trò to lớn đối với mỗi gia đình và cá nhân. Trong xã hội phong kiến cộng đồng làng xã có tính độc lập tương đối. Một số nhà nghiên cứu gọi đây là một cát cứ, một “quốc gia nửa tự trị”. Sở dĩ cộng đồng làng xã được gọi như vậy là do một số đặc điểm sau:

Cộng đồng làng ngoài việc thực hiện các luật pháp của nhà nước phong kiến, nó còn có một hệ thống chuẩn mực riêng, rất chặt chẽ và đóng vai trò to lớn trong việc điều chỉnh hành vi của các thành viên trong cộng đồng, nó được ghi trong các hương ước của làng. Ở khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ các chuẩn mực cộng đồng này được gọi là lệ làng, ở Tây Nguyên nó được gọi là luật tục.

Cộng đồng dân cư của người Việt - dân tộc Kinh (thường gọi là cộng đồng làng xã) được bao bọc bởi lũy tre làng. Trong xã hội cũ đó là cộng đồng tương đối khép kín. Sự khép kín này do nền sản xuất mang tính chất tự cung, tự cấp cao và thương nghiệp không phát triển quy định. Làng xã với tư cách là một hệ thống nửa tự trị và nó tất yếu phải có tài sản riêng, sở hữu riêng và tài sản này chính là công điền công thổ. Trong xã hội phong kiến, nhà nước chỉ quản lý tới làng, còn làng trực tiếp quản lý các thành viên trong cộng đồng của mình. Làng là khâu trung gian giữa nhà nước và mỗi người dân.

Mỗi làng có hương ước riêng. Hương ước ảnh hưởng tới việc định hướng hành vi và thực hiện hành vi của các thành viên trong cộng đồng.

Nhiều khi các chuẩn mực này của cộng đồng còn ảnh hưởng lớn hơn cả luật pháp của nhà nước (phép vua thua lệ làng). Bản hương ước quy định quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ và cách thức ứng xử của các thành viên trong cộng đồng. Với việc thực hiện hương ước và cách thức tổ chức của cộng đồng làng đã hình thành nên ý thức trách nhiệm của mỗi thành viên đối với cộng đồng làng và qua đây hình thành nên ý thức về chúng ta, tình cảm chúng ta - ý thức cộng đồng và tình cảm cộng đồng của các thành viên đối với cộng đồng của mình.

*- Ý thức cộng đồng dòng họ*

Mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội còn được thể hiện rõ trong cộng đồng dòng họ. Nếu so với cộng đồng làng xã thì cộng đồng dòng họ có ý nghĩa quan trọng hơn đối với các gia đình và mỗi cá nhân. Vì trong cộng đồng này các thành viên gần gũi nhau hơn, quan hệ với nhau trực tiếp hơn, sự hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau lớn hơn nhiều so với cộng đồng làng xã.

Trong tâm thức của người Việt Nam, nhất là người nông dân luôn luôn hiện diện một suy nghĩ “Chim có tổ, người có tông”. Tình cảm dòng họ là tình cảm thiêng liêng và tự nhiên, nảy sinh từ mối quan hệ máu thịt. Do vậy, cách ứng xử giữa các thành viên trong cộng đồng dòng họ khác với tình cảm trong cộng đồng làng xã. Vì nếu tình cảm trong cộng đồng làng xã là tình cảm chúng ta thì tình cảm trong cộng đồng dòng họ là tình cảm chúng tôi. Người ta quan niệm “Một giọt máu đào còn hơn ao nước lã”. Cộng đồng dòng họ vừa là chỗ dựa về vật chất và chỗ dựa tinh thần của mỗi cá nhân trong dòng họ. Trong dòng họ người ta không cảm thấy bị đứt đoạn với các tiền nhân, với cội nguồn và không cảm thấy bị cô đơn trong xã hội và cuộc đời. Tình cảm dòng họ, huyết thống là yếu tố quan trọng tạo nên sự cố kết, tinh thần tương thân tương ái giữa các thành viên trong một dòng họ. Trong những lúc khó khăn nhất, trong lúc làm các công việc lớn của gia đình (cưới xin, ma chay,

làm nhà, ốm đau...) trước hết người ta nhờ sự giúp đỡ của dòng họ. Đây là cộng đồng có sự cố kết, đồng cảm và hợp tác cao nhất của các dân tộc.

Tình cảm dòng họ đã trở thành một yếu tố điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân. Các cá nhân trong ứng xử thường quan tâm hơn đến những người trong họ. Cái mà các nhà tâm lý học gọi là sự thiên vị với nhóm nội. Truyền thống tốt đẹp của dòng họ là động lực thôi thúc sự phấn đấu và ảnh hưởng lớn đến sự phát triển nhân cách của các thành viên. Nó trở thành sự trăn trở, suy nghĩ và hành động của các cá nhân để giữ gìn thanh danh và làm vẻ vang hơn cho dòng họ mình.

Tuy nhiên, cộng đồng dòng họ và cộng đồng làng xã vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Cộng đồng dòng họ có ý nghĩa và vai trò rất to lớn về cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần đối với các thành viên nhưng do tình cảm huyết thống, tình cảm dòng họ đã tạo nên tư tưởng hẹp hòi, cục bộ trong nhìn nhận và ứng xử trong cộng đồng làng xã. Trong quan hệ với các thành viên khác của cộng đồng làng xã người ta trước hết thường hay nghĩ đến “tình cảm chúng tôi”, nghĩ về lợi ích dòng họ mình trước. Điều này sẽ dẫn tới sự thiên vị, đố kỵ ganh ghét và có thể dẫn tới xung đột giữa dòng họ này với dòng họ khác trong cộng đồng làng xã.

Xét từ góc độ của cộng đồng làng xã, bên cạnh những mặt tích cực, cộng đồng cũng có những ảnh hưởng tiêu cực đến các cá nhân. Trong suốt một thời gian dài, cộng đồng là nơi hình thành và duy trì tư tưởng bình quân chủ nghĩa, tư tưởng cào bằng. Do vậy, nó hạn chế sự phát triển năng lực, sáng tạo của các cá nhân. Người ta chỉ chú ý nhiều đến nhu cầu tập thể, lợi ích của tập thể, xem nhẹ nhu cầu và lợi ích của các thành viên cộng đồng. Điều này làm cho các cá nhân bị tan vào trong cộng đồng, cái tôi của các cá nhân bị che khuất sau cái chúng ta. Cộng đồng làng xã cũng luôn tạo nên một dư luận mạnh mẽ và khắt khe với những hành vi vi phạm các chuẩn mực của cộng đồng.

*- Ý thức cộng đồng quốc gia, dân tộc*

Trong giai đoạn này, mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội, cộng đồng không chỉ bó hẹp trong cộng đồng dòng họ, làng xã mà mở rộng ra thành cộng đồng quốc gia, dân tộc. Có thể nói, trong cuộc sống cũng như trong lao động sản xuất thời kỳ phong kiến, cái cộng đồng bao giờ cũng vượt lên trên cái cá thể. Từ đó, nhiệm vụ, trách nhiệm, ý thức chung về làng xã, về cộng đồng ngày càng ăn sâu vào tiềm thức con người Việt Nam và phát huy mạnh mẽ không chỉ trong công cuộc đấu tranh với thiên tai, trong phát triển sản xuất mà còn được thể hiện đậm nét trong công cuộc đấu tranh giữ nước vĩ đại. Như vậy, công xã nông thôn là cơ sở cho việc hình thành nên ý thức cộng đồng ở cấp độ làng xã và công cuộc trị thủy, phát triển kinh tế, chống ngoại xâm là những nhân tố quan trọng hình thành nên ý thức cộng đồng ở cấp độ quốc gia.

Việt Nam đã là một cộng đồng quốc gia đa dân tộc ngay từ buổi đầu dựng nước. Các vua Hùng được thừa nhận là tổ tiên của tất cả các dân tộc nước Đại Việt. Các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên cũng đã cùng với người Kinh dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ trong việc đem quân ra Bắc tiêu diệt 25 vạn quân Thanh xâm lược.

Tinh thần yêu nước đã trở thành đạo lý của dân tộc Việt Nam, một truyền thống lâu bền, cao đẹp, không còn dừng lại ở trình độ một nhận thức, một tình cảm, mà đã trở thành một chủ nghĩa, một lực lượng tinh thần vô cùng mạnh mẽ, một động lực lớn của đất nước, tạo nên sức mạnh to lớn để chiến thắng kẻ thù xâm lược.

Cơ sở truyền thống đoàn kết, ý thức cộng đồng trong chống giặc ngoại xâm là ở chỗ: nước mất thì nhà tan, bởi vậy, trước tiên mọi người dân đều có ý thức đoàn kết nhau lại để bảo vệ đất nước, chống lại những cuộc xâm lăng của kẻ thù bên ngoài. Đoàn kết, chung sức chung lòng là cơ sở để các triều



đình phong kiến Việt Nam lãnh đạo nhân dân chống giặc ngoại xâm, đúng như Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã tổng kết: “Vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức chiến đấu nên giặc phải bó tay” [65].

Trong văn hoá ứng xử giữa người với người, ý thức cộng đồng Việt Nam cũng được biểu hiện rõ nét. Đó là tình yêu thương cộng đồng: “Nhiều điều phù lầy giá gương. Người trong một nước phải thương nhau cùng”, “Thương người như thể thương thân”; lòng nhân ái, bao dung “Lá lành đùm lá rách”; tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”.

Tóm lại, trong thời kỳ phong kiến, mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng, xã hội rất bền chặt từ dòng họ tới làng xã tới quốc gia, dân tộc. Nó tạo nên sự bố kết chặt chẽ, lâu bền và sức mạnh to lớn để nhân dân ta đấu tranh chiến thắng giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước, xây dựng cuộc sống bình ổn.

Cho đến nay nhiều chuyên gia nổi tiếng thế giới đều khẳng định rằng tính cộng đồng cao là một trong những đặc điểm chung quan trọng nhất của văn hóa và văn hóa chính trị Á Đông. Tinh thần cộng đồng và truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái cũng là một giá trị, một trong những truyền thống quý báu nhất của dân tộc Việt Nam. Giá trị, truyền thống này có cội rễ sâu xa từ trong phương thức sinh tồn (phương thức tổ chức xây dựng và quản lý điều hành các công trình thủy lợi - yếu tố sống còn của nền sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, yêu cầu đoàn kết chống giặc ngoại xâm...) và từ trong phương thức tổ chức xã hội truyền thống (căn bản dựa trên các cộng đồng gia đình, họ tộc, làng, liên làng và siêu làng). Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, tinh thần cộng đồng và truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái đã được hun đúc, trở thành một giá trị văn hóa chủ đạo và một truyền thống quý báu - một bộ đỡ quan trọng nhất của chủ nghĩa yêu nước - cơ sở và cội nguồn của sức sống và nội lực phát triển của dân tộc Việt Nam.

## **2.2. QUAN HỆ CÁ NHÂN – XÃ HỘI TRONG CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ**

Ý chí quật cường, tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng dân tộc của nhân dân Việt Nam được biểu hiện mạnh mẽ trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, không chỉ trong 1.000 năm Bắc thuộc, mà còn đến các triều đại phong kiến về sau, đặc biệt hơn cả trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giành lại nền độc lập dân tộc.

Trước sự xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, ý thức cộng đồng Việt Nam được thể hiện ở ý chí thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc. Con người Việt Nam đã sớm ý thức được rằng, chỉ có thể giải phóng toàn vẹn đất nước khi toàn thể cộng đồng người sống trên lãnh thổ đó được giải phóng. Vì vậy, toàn thể đồng bào đã liên kết lại để đấu tranh. Nhân dân Việt Nam quyết không để cho kẻ thù xâm lược xóa sổ dân tộc Việt Nam.

Ý thức gắn kết các dân tộc trong một cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất thể hiện rất rõ qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi về nước đã chọn Pắc Bó làm căn cứ cách mạng, dựa vào sự che chở, đùm bọc của các dân tộc thiểu số ở Miền Bắc. Các căn cứ cách mạng ở miền Nam không thể tồn tại nếu không có sự che chở, bảo vệ, nuôi nấng của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Qua hai cuộc kháng chiến, dân tộc Kinh và tất cả các dân tộc ít người khác ở hai miền đã thực sự gắn bó, coi nhau như anh em một nhà, không phân biệt chủng tộc đã góp phần tạo nên thắng lợi vẻ vang của cách mạng.

Trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết triết học Mác - Lênin về con người và giải phóng con người vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, trên cơ sở truyền thống văn hóa Việt Nam, nổi bật là truyền thống yêu nước, tinh thần nhân ái, cố kết dân tộc, trước cảnh nước mất nhà tan. Trước hết, Hồ Chí Minh cho rằng con người là mục tiêu giải phóng của sự nghiệp

cách mạng, mục tiêu cách mạng của Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, thực hiện độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Khi đất nước còn nô lệ, lầm than thì mục tiêu trước hết, trên hết là giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc. Sau khi chính quyền về tay nhân dân, thì mục tiêu ăn, mặc, ở, đi lại học hành chữa bệnh lại được ưu tiên hơn. Bởi vì, Người cho rằng, nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì. Vì vậy, chúng ta phải thực hiện ngay: làm cho dân có ăn, có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân được học hành. Khi khẳng định con người là mục tiêu của cách mạng thì điều quan trọng là mọi chủ trương, đường lối chính sách của Đảng đều vì lợi ích chính đáng của con người.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh luôn coi con người chính là động lực của sự nghiệp cách mạng. Người luôn tin tưởng vào con người, vào khả năng và sức mạnh to lớn của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quan hệ giữa các cá nhân với cộng đồng, xã hội trở thành một khối đại đoàn kết vững chắc, đặt lợi ích dân tộc lên hàng đầu. Trong bài nói chuyện về bồi dưỡng cán bộ về công tác Mặt trận (8-1962), Hồ Chí Minh yêu cầu: chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ các tầng lớp nhân dân, phải đoàn kết các phái, các đoàn thể, các cá nhân trong mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, thực hiện hợp tác lâu dài, cùng tiến bộ, phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ Quốc..., phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào tôn giáo cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận ấm no, xây dựng tổ quốc...[46,tr.605-606].

Sự phối hợp có hiệu quả và tạo mọi điều kiện thuận lợi của Nhà nước, sự đóng góp trí tuệ, tính mệnh, xương máu, của cải, tài sản và công sức của đồng bào, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài, sự đóng góp tích cực của

các thành viên và sự hoạt động tận tụy của các thể hệ cán bộ Mặt trận, Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam luôn không ngừng lớn mạnh, là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta, góp phần cùng Đảng, cùng dân tộc làm nên những trang sử vẻ vang, hào hùng nhất, chói lọi nhất trong thời đại Hồ Chí Minh.

Nhân dân ta đã làm Cách mạng tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhân dân ta vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu, lập lại hoà bình ở Đông Dương, đưa miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đoàn kết trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình Việt Nam, theo lời kêu gọi thiêng liêng của Bác Hồ: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”; đồng bào và chiến sỹ cả nước đoàn kết một lòng “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, làm nên đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ, đưa cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhìn chung trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giành lại nền độc lập dân tộc, chúng ta thấy toát lên vẻ đẹp và sự sâu sắc của ý thức cộng đồng Việt Nam trong quan hệ giữa người với người. Đứng trước vận mệnh dân tộc, mỗi cá nhân dường như quên đi lợi ích riêng tư của mình để đoàn kết nhau lại tạo nên sức mạnh của toàn dân tộc. Tình cảm sâu sắc đối với cộng đồng đi liền với nghĩa vụ. Mọi người dồn công sức vào lao động, chiến đấu và học tập để phục vụ cho quê hương, đất nước. Sức mạnh của cá nhân kết tụ lại trong sức mạnh cộng đồng và sức mạnh cộng đồng thâm

nhập vào sức mạnh của cá nhân, đem lại cho các cá nhân ý chí và niềm tin.

Trong thời kỳ này nổi bật lên những phong trào chung tay vì cộng đồng của các tầng lớp nhân dân cụ thể như:

Phong trào “Thanh niên ba sẵn sàng” được Trung ương Đoàn phát động trên toàn miền Bắc vào ngày 5-8-1965. Đó là phong trào tình nguyện xả thân vì Tổ quốc, một phong trào của lòng yêu nước và ý chí của tuổi trẻ Việt Nam. Từ Hà Nội - cái nôi của phong trào đã lan tỏa nhanh đến các tỉnh, thành phố, vùng Đông Bắc Duyên Hải, Tây Bắc, Việt Bắc, các tỉnh miền Trung: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Trong hơn một tháng, cả miền Bắc đã có hơn 1.000.000 đoàn viên và thanh niên biểu thị lòng quyết tâm đăng ký thực hiện “Ba sẵn sàng”. Điển hình là tỉnh Sơn La vùng Tây Bắc, hưởng ứng phong trào “Ba sẵn sàng” với hơn 40.000 đoàn viên, thanh niên đăng ký tham gia, trong đó gần 20.000 đoàn viên, thanh niên đăng ký gia nhập quân đội [67].

Trong không khí sôi sục của những ngày “Nam - Bắc thi đua đánh giặc Mỹ”, ngày 22-3-1965, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động phong trào phụ nữ “Ba đảm nhiệm” với nội dung: Đảm nhiệm sản xuất, công tác, thay thế cho nam giới đi chiến đấu; Đảm nhiệm gia đình, khuyến khích chồng con yên tâm chiến đấu; Đảm nhiệm phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu khi cần thiết. Sau đó phong trào đã được Bác Hồ đổi tên thành “Ba đảm đang”. Tha thiết với hạnh phúc gia đình, nhưng để giành được độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc, hàng triệu phụ nữ đã gác tình riêng vì nghĩa lớn.

Chúng ta tự hào thời kỳ “Ba đảm đang” có 42 nữ anh hùng, 9 đơn vị nữ anh hùng được tôn vinh; 1.718 chị em được thưởng huy hiệu Bác Hồ, trên 5.000 chị em là chiến sỹ thi đua toàn quốc, gần 4 triệu hội viên đạt danh hiệu phụ nữ “Ba đảm đang”. Phụ nữ Việt Nam ta xứng đáng với lời khen tặng của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu: “Phụ nữ Việt Nam dũng cảm đảm đang

chống Mỹ cứu nước” [71].

Tới hôm nay, phong trào “Ba đảm đang” vẫn sống động và ngân vang mãi trong các thế hệ phụ nữ Việt Nam.

Nhìn chung, trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, với ý thức cộng đồng, người Việt Nam đặt lợi ích cộng đồng cao hơn lợi ích cá nhân, lợi ích Tổ quốc cao hơn lợi ích gia đình. Mỗi cá nhân đều cảm thấy tình cảm sâu sắc nhất và hạnh phúc cao nhất của mình là được sống giữa tình yêu thương của gia đình, làng xã và Tổ quốc. Chính điều này đã tạo nên sức mạnh lớn lao cho dân tộc ta chiến thắng giặc ngoại xâm, thống nhất đất nước.

### **2.3. QUAN HỆ CÁ NHÂN – XÃ HỘI TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Hệ tư tưởng Nho giáo cho rằng con người có nhân cách phải là con người không màng danh lợi, luôn quan tâm đến người khác, hy sinh cho người khác. Khổng Tử từng nói rằng, quân tử cầu nghĩa, tiểu nhân cầu lợi. Trọng nghĩa, khinh tài (tiền tài, vật chất) là định hướng đạo đức và là thước đo giá trị phổ biến trong xã hội truyền thống. Quan niệm này vẫn còn ảnh hưởng rất lớn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta thời kỳ trước đổi mới trong điều kiện kinh tế thị trường chưa phát triển và chủ nghĩa tập thể vẫn còn giữ vai trò thống trị.

Ở nước ta, sau khi giành được chính quyền, do hoàn cảnh đất nước rơi vào chiến tranh trong thời gian dài, cộng với việc học tập và áp dụng một cách máy móc mô hình tổ chức bộ máy nhà nước của các nước xã hội chủ nghĩa khác nên đã tạo ra một xã hội trì trệ, chậm phát triển, một bộ máy hành chính công kênh, quan liêu, xa rời nhân dân tại Việt Nam. Xu hướng tuyệt đối hóa tính tập thể trong giai đoạn này cũng đã kìm hãm, bào mòn và phủ nhận những giá trị cá nhân, triệt tiêu sự năng động, tính tự chủ, sáng tạo của cá nhân và toàn xã hội. Tình trạng mất dân chủ, dân chủ hình thức, vi phạm dân

chủ đã xảy ra, địa vị làm chủ của người dân còn chưa được quan tâm đúng mức. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng khủng hoảng kinh tế - xã hội đầu những năm 1980 tại Việt Nam không chỉ thuần túy do những yếu kém về phát triển kinh tế, của bộ máy quản lý nhà nước quan liêu mà còn có nguồn gốc sâu xa từ những khuyết tật của chế độ dân chủ và một xã hội thiếu dân chủ trong giai đoạn này [58, tr.218-247].

Trong điều kiện kinh tế kế hoạch hóa tập trung thời kỳ trước đổi mới ở Việt Nam, nghĩa vụ của con người đối với cộng đồng, xã hội được đề cao nhiều đến mức tuyệt đối hóa nó, xóa nhòa cá nhân, lợi ích cá nhân. Con người luôn được định hướng bởi giá trị tập thể, cộng đồng. Chuẩn mực giá trị, và những yêu cầu đạo đức đòi hỏi con người hi sinh tối đa cho lợi ích xã hội. Những nhu cầu có tính cá nhân, sự chăm lo cho đời sống thường nhật, riêng tư thường được đánh giá là tầm thường, con người phải hướng tới hành động mang ý nghĩa xã hội to lớn.

Tuy nhiên, muốn làm những việc lớn cho xã hội, vì lợi ích xã hội, trước hết, con người phải đảm bảo sự tồn tại của mình, cho nên khi phải tuân thủ quan điểm đạo đức đó con người thường phải cố gắng lấn áp, che lấp cá nhân để thực hiện nghĩa vụ đạo đức. Cố nhiên trong điều kiện chiến tranh điều đó là cần thiết, nhưng trong điều kiện hòa bình quan điểm này gây xâm hại đến tự do cá nhân, hạn chế sự phát triển cá nhân, hoàn thiện nhân cách dẫn đến kìm hãm sự phát triển kinh tế- xã hội. Chính vì vậy, lợi ích chung của cộng đồng, xã hội được đề cao nhưng không thể được thỏa mãn; đạo đức cao thượng được cổ súy nhưng con người thường giữ gìn nhân cách hơn là thực hiện nhân cách thông qua hành động. Thậm chí, đó là môi trường màu mỡ cho thói đạo đức giả, sự giả dối, sự sáo rỗng của đạo đức xã hội.

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, lợi ích cá nhân được thừa nhận công khai, lợi ích được đặt vào đúng vị trí của nó, tạo cơ sở để thực hiện

lợi ích xã hội, phát huy vai trò của nó cho sự tiến bộ xã hội. Bản thân lợi ích xã hội không phải là một cái gì trừu tượng, không phải nằm ngoài lợi ích cá nhân, lợi ích xã hội đã bao gồm lợi ích cá nhân, vì lợi ích cá nhân. Lợi ích cá nhân, khi phù hợp với lợi ích xã hội thì trở thành một bộ phận của lợi ích xã hội; và trong trường hợp đó, hành vi thực hiện lợi ích cá nhân là chính đáng về mặt đạo đức.

Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường với sức chi phối của quy luật giá trị, lợi nhuận là trên hết dễ dẫn đến sự tàn nhẫn, vô si trong tính toán, vì lợi ích bản thân mà hi sinh lợi ích của người khác, vì lợi ích trước mắt của cá nhân mà xâm hại đến lợi ích lâu dài của cộng đồng, xã hội. Chủ thể kinh tế thị trường là con người kinh tế, nếu không có mục đích thu lợi cá nhân thì các chủ thể kinh tế không tham gia vào các hoạt động kinh tế, các quan hệ thị trường. Mặc dù, nền tảng pháp luật sẽ điều chỉnh để lợi ích cá nhân trở thành lợi ích chính đáng, đảm bảo sự công bằng kinh tế và công bằng xã hội nhưng phương thức tác động thông qua pháp luật chỉ có tính chất kiểm chế từ bên ngoài không thể ngăn chặn hoàn toàn hành vi vi phạm pháp luật và vi phạm đạo đức. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích vẫn tạo xu thế vi phạm đạo đức, khuyến khích chủ nghĩa cá nhân trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích và quy luật cạnh tranh cũng khiến con người chạy theo lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần của cá nhân, bỏ quên những mối quan hệ tình cảm gia đình, cộng đồng, xã hội dẫn đến chủ nghĩa cá nhân vị kỷ chỉ biết đến bản thân và thỏa mãn nhu cầu bản thân. Cũng vì vậy, những sự gắn kết gia đình, cộng đồng ngày càng lỏng lẻo, những giá trị gia đình, cộng đồng ngày càng suy yếu, một số phẩm chất đạo đức truyền thống điều chỉnh những mối quan hệ này cũng vì thế mà mai một dần. Quan điểm của triết học Mác - Lênin cho rằng “xã hội không thể nào giải phóng chính mình được nếu không giải phóng cho mỗi cá nhân riêng biệt” [38, tr.406].



Với quan điểm đó triết học Mác - Lênin hướng tới mục tiêu đấu tranh lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư liệu sản xuất, để đi đến xây dựng xã hội cộng sản văn minh, không còn hiện tượng người bóc lột người, không còn hiện tượng con người bị tha hóa và mọi người đều tự do, bình đẳng, hạnh phúc. Trong xã hội ấy, con người có điều kiện phát triển toàn diện. Đảng ta đã nhận thức và vận dụng quan điểm trên vào quá trình xây dựng đất nước.

Dưới ánh sáng đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986, Việt Nam đã từng bước dân chủ hóa mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Đây là một cuộc cách mạng sâu rộng trong toàn xã hội để thực hiện các mục tiêu dân chủ và hiện thực hóa các giá trị dân chủ vào cuộc sống. Công cuộc dân chủ hóa này được mong đợi sẽ tạo dựng môi trường và động lực cho sự phát triển của mỗi cá nhân cũng như toàn xã hội. Một xã hội muốn phát triển phải tạo điều kiện đảm bảo cho tự do của mỗi cá nhân và dân chủ chính là điều kiện trực tiếp mang lại tự do cho con người. Mục tiêu chính của tiến trình dân chủ hóa tại Việt Nam là con người phải được phát triển toàn diện và thực sự làm chủ xã hội. Nội dung của tiến trình dân chủ hóa là việc công nhận và đảm bảo thực thi các giá trị dân chủ, các quyền dân chủ tiến bộ vào cuộc sống, làm cho nó trở thành hiện thực trực tiếp và phổ biến trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

Đây cũng là tư tưởng chủ đạo của *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (1991), trong đó khẳng định mục tiêu “xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân” đồng thời “xây dựng từng bước hoàn thiện dân chủ, xã hội chủ nghĩa đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân”.

Trong bối cảnh của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, nhiều chuẩn mực và giá trị mới đang được hình thành. Do đó, ý thức cộng đồng, tinh thần

tập thể ngày nay phải được đặt trong bối cảnh mới. Tính năng động xã hội được khơi dậy thay cho thái độ ỷ lại, trông chờ. Đầu óc cải tiến, sáng tạo dần vượt lên thói quen bảo thủ, giáo điều. Sở trường, năng lực của những con người tài giỏi được cộng đồng khuyến khích, trân trọng, khác với tâm lý xưa cũ coi “tốt lời” không bằng “xấu đều”. Ý thức trách nhiệm cá nhân trong cộng đồng tập thể được xác định rõ, không còn giống như thứ “chủ nghĩa tập thể” thô sơ “cha chung không ai khóc”, “nhiều sãi không ai đóng cửa chùa”. Nhiều hủ tục cũ, tâm lý cục bộ địa phương “phép vua thua lệ làng” đã dần được xoá bỏ thay vào đó là ý thức cùng nhau xây dựng gia đình văn hoá, làng xóm văn hoá.

Ý thức cộng đồng ngày nay đã vượt ra khỏi phạm vi ý thức cộng đồng làng xã, trong ý thức cộng đồng dân tộc bao gồm cả ý thức cộng đồng nhân loại. Rất nhiều những hoạt động chung tay vì cộng đồng được con người hưởng ứng, không chỉ trên phạm vi một tổ chức, mà trên phạm vi quốc gia, thậm chí quốc tế. Chẳng hạn, như các hoạt động hiến máu nhân đạo, hoạt động quyên góp vì người nghèo; ủng hộ đồng bào bão lụt, sóng thần; ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam; hoạt động vì môi trường xanh sạch đẹp v.v..

Trong các phong trào chung tay chung sức vì cộng đồng phải kể đến tinh thần tình nguyện của tầng lớp thanh thiếu niên với những nghĩa cử hết sức cao đẹp, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Với những ý chí, nghị lực quyết tâm của tuổi trẻ đã tổ chức được nhiều hoạt động có ý nghĩa như: Tham gia xây dựng nông thôn mới; tham gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và hiến máu tình nguyện v.v..

Xung kích tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng là một trong những hoạt động nổi bật của Đoàn Khối trong năm 2013. Phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới” kết hợp với các hoạt động tình nguyện mùa đông và

“Chiến dịch thanh niên tình nguyện hè năm 2013” được các cấp bộ đoàn triển khai sâu rộng, thiết thực và hiệu quả; Các cấp bộ đoàn trong Khối đã tổ chức các hoạt động tham gia xây dựng nông thôn mới, kết hợp với các hoạt động tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng và cứu trợ đồng bào bị thiên tai, bão lũ tại các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Giang, Yên Bái, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Hòa Bình, Thái Nguyên, Điện Biên, Lai Châu, Long An... với nhiều hoạt động cụ thể, như: Hỗ trợ xây dựng nhà bán trú, tham gia xây dựng đường giao thông nông thôn, trạm y tế, hỗ trợ, tư vấn kiến thức, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, chuyển giao khoa học công nghệ, tặng quà, khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, tặng phân bón cho bà con nhân dân, trao học bổng cho học sinh nghèo học giỏi... Tổng giá trị làm lợi ước tính trên 4 tỷ đồng. Thông qua đó đã góp phần giúp các địa phương xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân [66].

100% các cơ sở đoàn trực thuộc triển khai thực hiện cuộc vận động “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới” dưới nhiều hình thức đảm bảo phù hợp với điều kiện hoạt động của mỗi đơn vị. Tiêu biểu là hoạt động tình nguyện của Đoàn thanh niên Báo Nhân dân đã tổ chức chương trình tình nguyện Kỳ nghỉ hồng với chủ đề “Nguồn sáng văn minh, an toàn, tiết kiệm” tại xã Thái Trị, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An với sự tham gia của hơn 100 đoàn viên, với tổng số tiền và giá trị làm lợi gần 100 triệu đồng; Đoàn Thanh niên Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh ủng hộ trên 600 triệu đồng tiền mặt và nhiều hàng hóa, quần áo, sách vở cho các tỉnh Điện Biên, Lai Châu...[66].

Hưởng ứng năm an toàn giao thông quốc gia năm 2013, các cơ sở đoàn trong Khối đã đẩy mạnh tuyên truyền các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, giáo dục đạo đức, lối sống, chống lạm dụng rượu, bia trong thanh

niên khi tham gia giao thông; tổ chức 20 hoạt động tuyên truyền, giáo dục về an toàn giao thông thu hút 900 đoàn viên tham gia; duy trì 30 đội hình thanh niên xung kích giữ gìn trật tự an toàn giao thông tại cổng các trường học trong Khối với gần 700 đoàn viên tham gia [66].

Chương trình “Tuổi trẻ Khối các cơ quan Trung ương tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu” được xây dựng và triển khai đến đoàn viên thanh niên trong Khối. Hướng ứng “Chiến dịch Giờ trái đất năm 2013”, 100% các cơ sở đoàn trực thuộc triển khai, phổ biến đến toàn thể đoàn viên thanh niên tham gia Chiến dịch và vận động người thân, đồng nghiệp và nhân dân tham gia hoạt động này. Các cơ sở đoàn trong Khối đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, thanh niên nâng cao nhận thức về ý nghĩa của bảo vệ môi trường và tác hại của biến đổi khí hậu đối với kinh tế xã hội, hướng tới thay đổi hành vi trong hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, các đội thanh niên tình nguyện bảo vệ môi trường được củng cố và phát triển; mô hình, công trình, phần việc thanh niên bảo vệ môi trường, bảo vệ dòng sông quê hương, phòng chống thiên tai, dịch bệnh được nhân rộng.

Ngoài ra, thanh niên còn tham gia tích cực các phong trào khác như cuộc vận động “Thanh niên làm theo lời Bác - Sống đẹp vì cộng đồng, “Nghĩa tình Côn Đảo”, chương trình “khi Tổ quốc cần”, chương trình “Thanh niên Việt Nam dùng hàng Việt Nam”,...góp sức trẻ xây dựng đất nước.

Bên cạnh hiệu quả xã hội to lớn của các hoạt động trên, tuổi trẻ học hỏi được rất nhiều, thậm chí góp phần tạo ra những bước ngoặt trong suy nghĩ, nhận thức và hành động. Đó là những bài học vô giá về trách nhiệm và đạo đức đối với cộng đồng, ý chí và khát vọng sống, tình thương yêu con người, tình bạn, tình đồng đội. Thực tế đó cho thấy tình nguyện tham gia các phong trào là cơ hội học tập, rèn luyện và cống hiến; là ngôi trường để rèn luyện lý

tưởng và trưởng thành cho đoàn viên thanh niên.

Qua các phong trào hành động, đã góp phần giáo dục lối sống, ý thức cộng đồng mới cho thanh thiếu niên. Thanh thiếu niên hiểu rõ thêm về truyền thống lịch sử của dân tộc; hiểu rõ hơn về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Từ đó, nâng cao nhận thức, chất lượng học tập, bản lĩnh chính trị trong thanh niên. Xây dựng cho thanh niên ý thức tự giác, rèn luyện về đạo đức và lối sống trong sạch, lành mạnh. Khơi gợi tình yêu đất nước, yêu quê hương, ý thức trách nhiệm với cộng đồng, tính trung thực, cần kiệm; sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

Phong trào “Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng” đã thực sự trở thành trường học thực tiễn cho lớp lớp thanh niên tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trưởng thành, đóng góp sức trẻ của mình cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước, góp phần xứng đáng vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Việc lấy năm 2014 là Năm Tình nguyện sẽ là động lực, nguồn cổ vũ to lớn đối với toàn Đoàn, là môi trường thuận lợi để tuổi trẻ Việt Nam thấy rõ vinh dự và trách nhiệm, ra sức phấn đấu vì Tổ quốc Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, sự phát triển của nền kinh tế thị trường tất yếu sinh ra phân hoá giàu nghèo, mâu thuẫn lợi ích, dẫn tới sự biến dạng của nhân cách. Từ chỗ giá trị nhân cách của con người được xác định trong mối quan hệ chặt chẽ với cộng đồng cũng như trách nhiệm và sự đóng góp của họ đối với gia đình, làng xã, dân tộc, trong tình thế phải lựa chọn, con người sẵn sàng hy sinh bản thân để giải phóng dân tộc, quê hương, đến chỗ đề cao quá mức vai trò cá nhân trong sự tách rời với quê hương và cộng đồng xã hội, đề cao giá trị vật chất mà hy sinh mọi giá trị khác chỉ vì cuộc sống cá nhân ích kỷ. Nhiều người chưa có nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, và đặc

biệt là giữa các cộng đồng nhỏ với cộng đồng lớn nhất là đối với quốc gia, dân tộc. Ý thức cộng đồng là truyền thống tốt đẹp của dân tộc hiện nay đang bị chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng biệt phái, cục bộ địa phương khép kín trong một bộ phận cán bộ, nhân dân tác động.

Đối với tầng lớp thanh thiếu niên, các mối quan hệ với gia đình, họ hàng, hàng xóm láng giềng cũng có xu hướng không gắn bó chặt chẽ như trong thời kỳ trước. Các quan hệ xã hội, quan hệ đạo đức của thanh thiếu niên trở nên lỏng lẻo, kém sâu sắc, sai lệch.

Hiện nay tệ nạn sùng bái văn hóa ngoại, coi thường những giá trị văn hóa dân tộc, đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Ở nhà trường, lối sống của sinh viên cũng đang có những báo động. Tình trạng sống thử, quan hệ tình dục trước hôn nhân ảnh hưởng rất lớn tới việc học tập. Nhiều sinh viên chạy theo lối sống tiêu dùng, ăn chơi sa đọa, ham mê cờ bạc, bia rượu, cá độ dẫn đến nợ nần. Lối sống đua đòi, vô tổ chức, vô kỷ luật của nhiều học sinh, sinh viên đang làm xấu, bẩn môi trường sư phạm.

Nhiều thanh niên chưa có chí hướng rõ ràng, chưa hiểu biết đầy đủ về truyền thống cách mạng của Đảng và dân tộc, ít quan tâm đến tình hình đất nước; một bộ phận thanh niên lười lao động, lười học tập, ngại khó, ngại khổ, chưa làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, không có ý chí vươn lên cho bản thân và xã hội, có những thanh niên có biểu hiện giảm sút niềm tin, bản lĩnh non kém, bị kích động, lôi kéo tham gia vào các hoạt động phạm pháp. Đạo đức, lối sống của bộ phận thanh thiếu niên còn lệch lạc, đề cao hưởng thụ, sống thực dụng, đua đòi, xa hoa, lãng phí, sùng bái thần tượng thái quá, ít quan tâm đến cộng đồng và những người xung quanh. Một bộ phận thanh thiếu niên còn thiếu ý thức rèn luyện, không tích cực tham gia các hoạt động Đoàn, Hội, Đội, các phong trào và hoạt động tập thể do nhà trường, địa phương tổ chức; không dám đấu tranh với sai trái, tiêu cực trong xã hội.

Trong điều kiện như trên thì đòi hỏi chúng ta phải một mặt phát huy tính năng động của mỗi người, mỗi bộ phận để mọi việc từ lãnh đạo, quản lý, đến sản xuất, kinh doanh, học tập và lao động đều có năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao. Mặt khác phải khắc phục được những tiêu cực của kinh tế thị trường, đặc biệt là tâm lý chạy theo đồng tiền, cạnh tranh không lành mạnh làm phai nhạt truyền thống đoàn kết, tình nghĩa tương thân tương ái của dân tộc và của Đảng.

Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa cũng sẽ dẫn đến những thay đổi trong phân tầng xã hội. Vì vậy chúng ta chấp nhận thành phần kinh tế tư bản tư nhân nhưng không để hình thành giai cấp bóc lột, khuyến khích làm giàu chính đáng nhưng không để phân cực hai đầu, phát triển kinh tế đồng thời phải giải quyết thỏa đáng các chính sách xã hội và mối quan hệ giữa ba lợi ích: xã hội, tập thể và cá nhân, đảm bảo đời sống của người lao động không ngừng được cải thiện và nâng cao.

## **TIÊU KẾT CHƯƠNG 2**

Như ở trên đã phân tích, trải qua ngàn năm đô hộ của phong kiến Trung Hoa, qua hơn một thế kỷ đô hộ của thực dân Pháp và xâm lược của đế quốc Mỹ dân tộc ta vẫn tồn tại, đứng vững và phát triển. Thành quả đó trước hết là nhờ vào mối quan hệ giữa các cá nhân và cộng đồng, xã hội của dân tộc Việt Nam hết sức bền chặt. Mọi người luôn ý thức đặt lợi ích chung, lợi ích cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân. Ý thức trách nhiệm mình vì mọi người và mọi người vì mình trải qua các thời kỳ vẫn không hề thay đổi. Trong những cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm cho tới thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì bao giờ ý thức quốc gia, dân tộc vẫn được đặt lên hàng đầu.

Bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự phát triển của mỗi cá nhân trong cộng đồng được chú ý, phát triển hài hoà lợi ích cá nhân và lợi ích

cộng đồng. Con người được mở rộng phạm vi hoạt động trở nên năng động và tích cực, dễ dàng hoà nhập vào các hoạt động chung của cộng đồng. Tài năng lao động và tính năng động của con người được coi trọng, nhân cách của cá nhân được ghi nhận như một chuẩn mực trước cộng đồng. Nhìn chung, phần lớn cán bộ, nhân dân đã và đang nỗ lực hết mình với tinh thần trách nhiệm cao. Nhiều người đã thực sự gương mẫu, đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích cá nhân, góp phần hết sức to lớn vào sự phát triển chung của tập thể, cộng đồng.



### CHƯƠNG 3

## VẤN ĐỀ GIÁO DỤC Ý THỨC CỘNG ĐỒNG CHO THẾ HỆ TRẺ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

### 3.1. TẦM QUAN TRỌNG CỦA Ý THỨC CỘNG ĐỒNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Ý thức cộng đồng có thể hiểu là tổng thể những tư tưởng, quan điểm, tâm trạng, thói quen, cách hành xử v.v., thể hiện thái độ của cá nhân, nhóm xã hội đối với cộng đồng. Nói cách khác đó là sự quan tâm, cư xử của mỗi người, của mỗi nhóm xã hội, mỗi tổ chức với cộng đồng mà trong đó họ đang sống.

Trong quá trình phát triển của lịch sử, ý thức cộng đồng hình thành trên cơ sở phản ánh các mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau, giữa cá nhân với xã hội. Ý thức cộng đồng nảy sinh do nhu cầu của đời sống xã hội mà trước hết là nhu cầu phối hợp hoạt động trong lao động sản xuất vật chất. Sự phát triển của sản xuất dẫn đến sự phát triển của các quan hệ xã hội và điều đó luôn kéo theo sự phát triển của ý thức cộng đồng, làm cho nó ngày càng đa dạng, phức tạp hơn. Ngoài nhu cầu kinh tế, ý thức cộng đồng còn phản ánh nhu cầu chính trị, văn hóa, tín ngưỡng nữa.

Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, tinh thần yêu nước gắn liền với ý thức cộng đồng, ý thức cố kết dân tộc, đoàn kết dân tộc đã được hình thành và củng cố, tạo thành một truyền thống bền vững thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người Việt Nam. Có thể nói rằng, ý thức cộng đồng của con người Việt Nam là cơ sở bền vững cho tinh thần dũng cảm phi thường và đầu óc mưu trí sáng tạo, là cốt lõi của những giá trị truyền thống trong văn hoá Việt Nam.

Trong giai đoạn hiện nay ở nước ta, ý thức cộng đồng có vai trò vô cùng

to lớn vì những lý do sau đây:

*Một là, Ý thức cộng đồng là một yếu tố bảo đảm sự thành công của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

Nước ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội; như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì trước hết cần phải có con người có tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Bản chất tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa không phải là cái gì khác hơn là *ý thức cộng đồng* thể hiện trong tư tưởng của mỗi cá nhân, tập thể, nhóm xã hội và trong đường lối, chính sách của Nhà nước.

*Hai là, ý thức cộng đồng góp phần khắc phục chủ nghĩa cá nhân cực đoan, phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Khác với thời bao cấp, chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay dựa trên cơ chế thị trường. Kinh tế thị trường đã thực sự góp phần thực hiện những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà trước đây trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung đã không thể thực hiện được. Tuy nhiên, kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay còn ở trình độ phát triển thấp chưa thoát khỏi những khuyết tật xấu xa của kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Chế độ tư hữu và kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa đã góp phần tạo ra nền văn minh, “bằng cách, như Ph. Ăngghen nhận xét, huy động những động cơ và những dục vọng thấp hèn nhất của con người...” Chủ nghĩa cá nhân cực đoan tất nhiên là mâu thuẫn với lợi ích cộng đồng.

“Lòng tham lam thấp hèn, là động lực của thời đại văn minh từ ngày đầu của thời đại ấy cho đến tận ngày nay; giàu có, giàu có nữa và luôn luôn giàu có thêm, không phải là sự giàu có của xã hội, mà là sự giàu có của cá nhân riêng rẽ nhỏ nhen...” [37, tr.262].

Như vậy để bảo đảm sự phát triển của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, ngăn chặn khuynh hướng tự phát

của chủ nghĩa cá nhân cực đoan, một trong những yêu cầu quan trọng là phải giáo dục ý thức cộng đồng cho mọi thành viên xã hội, bắt đầu từ tầng lớp thanh thiếu niên.

*Ba là, ý thức cộng đồng góp phần thường xuyên giữ vững ổn định chính trị và nhất là trong điều kiện đất nước đứng trước những khó khăn thách thức.*

Kinh nghiệm nước Nhật trước những mất mát to lớn do động đất sóng thần gây ra nhưng vẫn giữ được ổn định chính trị là nhờ ý thức cộng đồng cao của mọi người dân Nhật.

Nước ta đứng trước tình hình biến động do Trung Quốc đặt giàn khoan trái phép trong vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam ở biển Đông, tuyệt đại đa số người dân Việt Nam đã đồng tình với phản ứng kiên quyết bảo vệ chủ quyền đất nước và cách giải quyết vấn đề mềm dẻo, hợp tình hợp lý của Đảng và Nhà nước ta, nhưng có một bộ phận không nhỏ người dân nhất là thanh niên vì bức xúc đã hành động theo tâm lý cá nhân đi ngược lại lợi ích của cộng đồng, thậm chí một số phần tử xấu còn lợi dụng tình hình bất ổn để cướp bóc tài sản của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài làm mất uy tín của Nhà nước, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của kinh tế đất nước trong tình hình còn nhiều khó khăn hiện nay. Qua tình hình đó cho thấy ý thức cộng đồng trong một bộ phận xã hội còn yếu và trách nhiệm giáo dục ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên ở nước ta hiện nay là nhu cầu cấp thiết.

*Bốn là ý thức cộng đồng là điều kiện đảm bảo tài sản công cộng, an ninh trật tự xã hội, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, vệ sinh công cộng, vệ sinh thực phẩm, v.v..*

Thực tế cho thấy, hiện tượng xâm phạm tài sản công cộng, tham ô, ăn cắp của công đều xuất phát từ tư tưởng cá nhân chủ nghĩa. Những cá nhân không chấp hành luật lệ giao thông và không giữ gìn vệ sinh nơi công cộng,

hiện tượng buôn bán thực phẩm, sữa, nước uống ... kém chất lượng thậm chí có hại cho sức khỏe cộng đồng suy cho cùng là do thiếu ý thức cộng đồng. Những cá nhân này khi hành động chỉ nghĩ đến lợi ích cá nhân, không cần biết là hành vi của mình đem lại hậu quả xấu cho cộng đồng như thế nào.

Cộng đồng chính là môi trường xã hội để các cá nhân thực hiện sự liên kết, hợp tác với nhau, tạo nên đời sống của mình và của cả cộng đồng. Cộng đồng có vai trò to lớn trong việc chăm lo đời sống của cá nhân, đảm bảo cho mọi người đều có điều kiện phát triển. Ý thức cộng đồng là một động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hiện nay nước ta chuyển sang cơ chế kinh tế mới, sự phân hóa xã hội là không tránh khỏi. Sự chênh lệch về mức thu nhập dẫn đến phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc hơn. Do tác động của lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, trong xã hội xuất hiện những tệ nạn xã hội mới, ảnh hưởng nghiêm trọng đến những chuẩn mực giá trị đạo đức truyền thống, đến tinh thần cố kết cộng đồng. Vì vậy, hiện nay để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, việc nâng cao ý thức cộng đồng ở nước ta trở nên rất quan trọng.

### **3.2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA Ý THỨC CỘNG ĐỒNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

Trong môi trường xã hội thì ý thức cộng đồng và ý thức cá nhân là hai mặt đối lập nhưng không loại trừ lẫn nhau mà là điều kiện tồn tại của nhau trong một thể thống nhất biện chứng. Nội dung của ý thức cộng đồng Việt Nam là sự đồng thuận cao của toàn thể nhân dân trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Bao gồm một số nội dung cơ bản sau:

*Thứ nhất: Tình yêu quê hương, đất nước; ý thức bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia; tinh thần trách nhiệm, nghĩa vụ của cá nhân đối với cộng đồng, với quê hương, đất nước.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu

nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” [44, tr.171].

Nói về tình yêu quê hương đất nước chính là lòng yêu nước của mỗi cá nhân; tinh thần sẵn sàng đem hết khả năng của mình để phục vụ lợi ích của Tổ quốc. Lòng yêu nước là nét nổi bật trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt, là di sản quý báu của dân tộc được hình thành từ rất sớm, được củng cố và phát huy qua hàng ngàn năm lịch sử.

Lòng yêu nước bắt nguồn từ những tình cảm đơn giản, trong một không gian nhỏ hẹp như: tình yêu gia đình, yêu quê hương nơi chôn nhau cắt rốn, nơi mình sinh sống gắn bó (đó là những tình cảm gắn với địa phương). Những tình cảm giản dị ban đầu đó dần dần phát triển thành tình cảm gắn bó với làng xóm, quê hương và được nâng lên thành lòng yêu nước.

Lòng yêu nước của con người chỉ có thể nảy nở và phát triển qua những biến cố và thử thách. Người Việt Nam yêu đất nước của mình, tình yêu đó được hình thành và hun đúc trong cuộc đấu tranh liên tục, gian khổ, kiên cường chống giặc ngoại xâm và lao động xây dựng đất nước. Chính lòng yêu nước là sức mạnh nội sinh giúp đất nước ta, dân tộc ta vượt qua bao khó khăn, thử thách, chiến thắng thiên tai khắc nghiệt và giặc ngoại xâm, tồn tại và phát triển với đầy đủ bản sắc của mình.

Ngày nay, tuy chúng ta đang sống trong điều kiện hòa bình, nhưng lãnh thổ, chủ quyền của đất nước vẫn còn thường xuyên bị xâm phạm. Do vậy *ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia vẫn là một trong những nội dung của ý thức cộng đồng.*

Chủ quyền quốc gia là đặc trưng chính trị và pháp lý thiết yếu của một quốc gia độc lập, được thể hiện trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước và

trong hệ thống pháp luật quốc gia. Tôn trọng chủ quyền quốc gia là một nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Một trong những nguyên tắc cơ bản nhất được Hiến chương Liên hiệp quốc khẳng định là tôn trọng và bảo đảm sự bình đẳng về chủ quyền quốc gia, không một quốc gia nào được can thiệp hoặc khống chế, xâm phạm chủ quyền của một quốc gia độc lập khác. Việc bảo đảm chủ quyền của mỗi quốc gia phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, chịu sự tác động của các nhân tố kinh tế, chính trị, quân sự v.v..

Điều đáng quan tâm là trong điều kiện toàn cầu hoá kinh tế hiện nay, chủ quyền quốc gia đang phải đối đầu với nhiều thách thức. Những thách thức đó khó nhận biết hơn, mang sắc thái mới hơn trước đây (trong điều kiện có chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc). Đó là những thách thức được che giấu dưới những chiếc áo khoác nhiều màu sắc hấp dẫn của lợi ích kinh tế, của sự cám dỗ về vật chất, được nhìn nhận qua những lăng kính ảo của tham vọng cá nhân, của những chuẩn mực giá trị đạo đức, lối sống sai lệch. Những điều này sẽ là mối nguy hại cho sự an toàn của quốc gia, dân tộc. Vì vậy việc bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc cũng là một nội dung quan trọng của ý thức cộng đồng người Việt Nam hiện nay.

Ý thức về trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng, với quê hương đất nước không chỉ thể hiện trong việc bảo vệ sự tồn tại của một dân tộc, mà còn thể hiện khi mà dân tộc đứng trước các thảm họa thiên nhiên - khi mà tính mạng và lợi ích của dân tộc bị đe dọa. Trong lịch sử của dân tộc ta đã và sẽ luôn tồn tại một đạo lý, một tinh thần “lá lành đùm lá rách”, “Nhiều điều phù lấy giá gương. Người trong một nước phải thương nhau cùng”. Tinh thần này xuất hiện trong khi đất nước bị bão lụt, hạn hán. Khi đó tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc được thể hiện rõ nét. Tinh thần và ý thức dân tộc mang tính nhân văn này thể hiện cả ở trong cộng đồng dân tộc thành viên (tộc

người) và trong cộng đồng dân tộc mang tính quốc gia (dân tộc Việt Nam).

*Thứ hai: Ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức, truyền thống tốt đẹp của cộng đồng xã hội.*

Việt Nam có 54 dân tộc (tộc người), trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số. Mỗi dân tộc có một bản sắc văn hoá riêng. Văn hoá của các dân tộc thành phần tạo thành bản sắc văn hoá chung của dân tộc Việt Nam. Trong lịch sử dân tộc, các dân tộc thành viên luôn có ý thức bảo lưu và phát triển văn hoá của mình. Bản sắc văn hoá của các dân tộc thể hiện qua nhiều khía cạnh như: trang phục, nhà ở, lễ hội, ngôn ngữ, văn học nghệ thuật. Ý thức giữ gìn bản sắc riêng của dân tộc mình là sự phản ánh ý thức dân tộc. Vì việc giữ gìn bản sắc riêng là ý thức khẳng định sự tồn tại của một dân tộc, để khẳng định dân tộc đó không bị đồng nhất bởi dân tộc khác.

Điều đáng quan tâm là văn hoá của mỗi dân tộc cũng như văn hoá của đất nước luôn luôn đứng trước những thách thức to lớn do sự hoà nhập văn hoá giữa các nền văn hoá khác nhau. Trong quá trình hoà nhập văn hoá luôn diễn ra các xu hướng hoặc là chấp nhận hoặc là phản đối, kỳ thị nền văn hoá mới. Đã có thời kỳ người phương Đông từ chối, kỳ thị văn hoá phương Tây. Từ chỗ kỳ thị, người phương Đông đang dần chấp nhận văn hoá phương Tây. Nhật Bản, Hàn Quốc, là những dẫn chứng. Trong khi chấp nhận các giá trị mới, các dân tộc vẫn có ý thức giữ gìn các giá trị truyền thống của dân tộc mình.

Việc phát triển kinh tế và chấp nhận những giá trị mới mà vẫn giữ được các giá trị tinh thần truyền thống là một công việc rất khó khăn. Ngày nay, khi mà xu thế hội nhập khu vực và quốc tế của chúng ta ngày càng lớn thì không ít thanh niên đã bị ảnh hưởng mạnh mẽ của thị hiếu thẩm mỹ phương Tây. Họ thích nghe nhạc rock, pop, hiphop hơn ca nhạc truyền thống của dân tộc như chèo, tuồng, dân ca, hát ca trù... Họ thích đến sân nhảy hơn là đến các nhà hát

truyền thống. Họ chải tóc, nhuộm tóc, ăn mặc theo trào lưu mới. Như vậy, khi các cá nhân hay các nhóm xã hội này tiếp nhận các giá trị văn hoá mới, họ đã không có ý thức về giữ gìn văn hoá của dân tộc mình. Để khẳng định bản sắc của một đất nước, ở đây ý thức cộng đồng có một vai trò quan trọng. Khi các cá nhân giao tiếp với cộng đồng, xã hội, ngoài việc chấp nhận các giá trị mới để giúp mình phát triển, song vẫn luôn ý thức làm thế nào để gìn giữ và nối tiếp được các giá trị truyền thống trong dòng chảy của thời gian.

*Thứ ba: Ý thức chăm lo giữ gìn và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định vai trò của khối đại đoàn kết trong câu nói nổi tiếng: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”. Thắng lợi của việc giành và giữ độc lập dân tộc, chiến thắng ngoại bang xâm lược trong các thời kỳ phong kiến, cũng như thành công của cách mạng Việt Nam qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, thống nhất Tổ quốc chính nhờ tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Tình trạng khủng bố xảy ra ở nhiều nước trên thế giới kể cả ở Trung Quốc trong thời gian gần đây, tình trạng rối loạn chính trị ở Thái Lan, Ucraina, v.v., suy cho cùng cũng là do sự rạn vỡ của khối đoàn kết dân tộc do sự không thống nhất về lợi ích nhóm, sắc tộc.

*Thứ tư: Ý thức về sự kết hợp hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, giữa lợi ích tập thể nhỏ (bộ phận) với lợi ích toàn thể (cộng đồng dân tộc). Ý thức mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người.*

Lợi ích là sự phản ánh nhu cầu của cá nhân, của nhóm xã hội, giai cấp có nguồn gốc từ trong quan hệ sản xuất, quan hệ kinh tế được con người nhận thức và trở thành động cơ mục đích hoạt động của họ. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa có ba loại lợi ích bao trùm nhất là lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể, lợi ích xã hội. Chúng có mối liên hệ biện chứng thống nhất, gắn bó hữu cơ, chế ước lẫn nhau nhưng có tính độc lập tương đối không thể đồng nhất, không thể



thay thế nhau. Vì vậy, kết hợp hài hoà và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa các lợi ích đó sẽ tạo ra động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Trong nhận thức và trong hoạt động thực tiễn cần chú ý rằng: nếu chừng nào mỗi cá nhân không mạnh thì tập thể không thể mạnh và ngược lại; nếu lợi ích mỗi cá nhân không được đảm bảo thì lợi ích của cộng đồng cũng bị xâm hại và ngược lại. Nếu các cơ sở và các đơn vị không xây dựng và phát triển được tinh thần và ý thức cộng đồng mạnh thì không thể có ý thức và tinh thần cộng đồng của cả dân tộc. Nhưng quá trình xây dựng và phát huy ý thức cộng đồng của các cộng đồng nhỏ thường rất dễ biến thành quá trình hình thành và phát triển của tinh thần cục bộ, cát cứ tập thể của các cộng đồng nhỏ, đặt các cộng đồng nhỏ trong thế ly khai, xung đột với cộng đồng lớn. Tuy nhiên, trong không ít trường hợp, việc đề cao quá mức tính cộng đồng cũng dẫn đến những tác động và hệ quả tiêu cực không nhỏ, đó là sự coi thường, xâm hại lợi ích và quyền tự do cá nhân; là sự hạn chế thậm chí bóp chết những sáng tạo cá nhân; là tư duy bình quân cào bằng; là sự thỏa hiệp vô nguyên tắc theo kiểu “chín bỏ làm mười”, “hòa cả làng”; đặc biệt là thói quen đem đặt lợi ích của cộng đồng nhỏ, của bộ phận đi ngược lại với lợi ích của cộng đồng lớn. Do vậy, phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa cá nhân - tập thể - xã hội trên cơ sở giải quyết đúng, hài hòa mối quan hệ lợi ích cá nhân - tập thể - xã hội.

Trong mọi lĩnh vực, mọi hoạt động đều coi trọng giải quyết đúng đắn các mối quan hệ lợi ích, kết hợp hài hoà các lợi ích; nghĩa là vừa chú ý đúng mức đến lợi ích cá nhân, vừa phải quan tâm thích đáng đến lợi ích tập thể, quyền lợi của cơ quan, đơn vị; đồng thời tính đến và đảm bảo lợi ích chung của xã hội, dân tộc, quốc gia, thực hiện tốt quan điểm mà Đảng ta xác định: “Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người. Chiến lược kinh tế - xã hội đặt con người vào vị trí trung tâm... Lợi ích của mỗi người, của từng tập thể và của toàn xã hội gắn bó hữu cơ với nhau, trong đó

lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp” [14,tr.8].

Như vậy, thực hiện kết hợp hài hoà lợi ích của cá nhân, tập thể và xã hội trên cơ sở đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và mục tiêu hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Thứ năm: Ý thức tham gia tích cực các hoạt động tập thể vì lợi ích cộng đồng. Thực hiện đầy đủ các chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước.*

Hoạt động tập thể là hoạt động chung của một nhóm người, một cộng đồng vì mục đích chung, ví dụ: trực nhật lớp, tham gia các câu lạc bộ học tập, câu lạc bộ thể dục thể thao, tham gia lao động dọn vệ sinh làng xóm v.v..

Tích cực tham gia các hoạt động tập thể sẽ mang lại nhiều lợi ích cho cá nhân, giúp chúng ta mở rộng hiểu biết, phát huy năng lực của mình, và mang đến nhiều thành công hơn trong cuộc sống. Góp phần thúc đẩy các phong trào ngày càng thêm lớn mạnh, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa các cá nhân với cộng đồng, đồng thời tạo ra động lực thúc đẩy xã hội tốt đẹp hơn, phát triển hơn.

Thái độ ích kỉ, chây lười, ỷ lại, ngại khó hoặc miễn cưỡng tham gia sẽ gây ra những hậu quả xấu, làm ngưng trệ các hoạt động, đẩy lùi sự tiến bộ của tập thể, xã hội.

Trong điều kiện hiện nay ở nước ta, với việc thực hiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự phát triển của dân chủ, vị thế, tính tích cực xã hội của mỗi con người trong xã hội càng gia tăng. Vì vậy trách nhiệm của họ đối với xã hội càng gia tăng. Sự tham gia tích cực và rộng rãi của mỗi cá nhân vào đời sống kinh tế, chính trị, xã hội thông qua các hoạt động tập thể không chỉ thể hiện quyền tự do của mỗi cá nhân, mà còn đòi hỏi một tinh thần, trách nhiệm cao.

Nhiều năm qua Đảng và nhà nước ta có những chủ trương, chính sách, từ

việc xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội đến các chính sách hỗ trợ đời sống sinh hoạt. Tuy nhiên việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà Nước vẫn có nơi, có lúc, cấp uỷ chính quyền, cơ quan chức năng chưa làm tròn trách nhiệm.

Hiện nay trách nhiệm của các cá nhân đối với cộng đồng dân tộc là sẵn sàng gạt bỏ lợi ích riêng tư để cống hiến sức trẻ cho xã hội với tinh thần “Minh vì mọi người”. Luôn giữ vững lập trường quan điểm đối với tình yêu quê hương, đất nước; chấp hành tốt những chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, quy định pháp luật; có lối sống giản dị, lành mạnh theo chuẩn mực đạo đức, không có những hành vi trái với chuẩn mực đạo đức xã hội, trái lương tâm; biết việc nên làm và không nên làm. Mỗi cá nhân xuất phát từ tình cảm trong gia đình như hiếu thảo với cha mẹ già, săn sóc yêu thương và luôn chịu đựng những khó tính của người già, nhẫn nại làm vui lòng cha mẹ; từ đây phát triển rộng ra thành tình yêu quê hương, làng xóm, trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

*Thứ sáu: Ý thức phối hợp với Nhà nước, đoàn kết, tương trợ cộng đồng trong nỗ lực đương đầu với các thách thức, giải quyết các khó khăn.*

Kinh nghiệm thực tiễn đã cho thấy, tất cả những ai nỗ lực học tập, làm việc, cố gắng làm việc trong khả năng của mình phải có được cơ hội, cuộc sống và thu nhập tốt hơn, chỉ như thế mới khuyến khích và tạo môi trường, khát vọng cho mọi người nỗ lực vươn lên, vượt qua khó khăn. Chúng ta không khuyến khích bình quân chủ nghĩa. Chúng ta chấp nhận sự cạnh tranh, lên án lòng ganh ghét đố kỵ bởi nó kìm hãm phát triển. Không có đất nước nào có thể lớn lên được từ lòng đố kỵ. Đồng thời, chúng ta tôn vinh lòng nhân ái, chia sẻ, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau và cùng đấu tranh để chiến thắng nghèo đói, dốt nát và bệnh tật.

Đối diện với những khó khăn trong kháng chiến, mọi cán bộ, đảng viên

đều biết phải làm tốt công tác dân vận và phải làm gương ra sao, và mỗi người dân từng đem cả nhà mình lót đường cho xe ra trận, kể cả tính mạng của mình khi cần, sẽ biết phải thể hiện lòng yêu nước thế nào khi đối chiếu vào hoàn cảnh mới hiện nay... Những kinh nghiệm ấy vẫn còn nguyên giá trị và phải được phát huy trong lúc này. Trách nhiệm của Đảng, Nhà nước là phải hình thành các điều kiện để làm xuất hiện những hành vi tích cực của toàn Đảng, toàn dân cho đất nước, cho việc củng cố và xây dựng Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh hơn.

Việt Nam đã chứng tỏ không chỉ một lần về khả năng có thể vượt qua những khó khăn tưởng chừng không thể, chúng ta sẽ tiếp tục vượt qua mọi thử thách để thực hiện những mục tiêu lớn lao. Để làm được như vậy, đoàn kết, đồng thuận là một yêu cầu không thể thiếu.

*Thứ bảy: Ý thức bảo vệ tài sản chung của tập thể, cộng đồng xã hội, giữ gìn vệ sinh, an ninh trật tự xã hội, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường.*

Điều 11 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 khẳng định rằng, công dân “có trách nhiệm bảo vệ của công, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, tổ chức đời sống cộng đồng” [55, tr.17].

*\* Ý thức giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội*

Nói đến trật tự, an toàn xã hội là nói đến tình trạng ổn định, có trật tự, có kỷ cương của xã hội. Trật tự kỷ cương đó được xác lập trên cơ sở các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành, (được gọi là các quy phạm pháp luật) và những giá trị xã hội, chuẩn mực đạo đức truyền thống được mọi người trong xã hội thừa nhận, tôn trọng, tuân thủ và nhờ đó mà mọi người có được cuộc sống yên ổn.

Nội dung giữ gìn trật tự an toàn xã hội bao gồm:

*Một là: Đấu tranh giữ gìn trật tự an toàn xã hội là giữ cho xã hội được an*

toàn, có trật, kỷ cương, là phòng ngừa phát hiện, ngăn chặn đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội.

*Hai là:* Giữ gìn trật tự nơi công cộng. Trật tự công cộng là trạng thái xã hội có trật tự được điều hành và điều chỉnh bởi các quy tắc, quy phạm nhất định ở những nơi công cộng mà mọi người phải tuân theo. Trật tự công cộng là một mặt của trật tự an toàn xã hội và có nội dung bao gồm những quy định chung về trật tự, yên tĩnh, vệ sinh, nếp sống văn minh; sự tuân thủ những quy định của pháp luật và phong tục, tập quán, sinh hoạt được mọi người thừa nhận. Giữ gìn nơi công cộng chính là giữ gìn trật tự, yên tĩnh chung, duy trì nếp sống văn minh ở những nơi công cộng, nơi diễn ra các hoạt động chung của nhiều người. Đảm bảo sự tôn trọng lẫn nhau trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi của mọi người.

*Ba là:* Đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Trật tự an toàn giao thông là trạng thái xã hội có trật tự được điều hành và điều chỉnh bởi các quy tắc, quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông, vận tải công cộng mà mọi người phải tuân theo khi tham gia giao thông, nhờ đó đảm bảo cho hoạt động giao thông thông suốt, có trật tự, an toàn, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn giao thông gây thiệt hại về người và tài sản. Đảm bảo trật tự an toàn giao thông là trách nhiệm của tất cả mọi người khi tham gia giao thông. Đó là việc nắm vững và tuân thủ nghiêm túc Luật giao thông, mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông phải được xử lý nghiêm khắc, những thiếu sót, yếu kém là nguyên nhân điều kiện gây ra các vụ tai nạn giao thông cần phải được khắc phục nhanh chóng.

*Bốn là:* Bài trừ các tệ nạn xã hội. Tệ nạn xã hội là những hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch chuẩn xã hội, ảnh hưởng xấu về đạo đức, gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng. Có nhiều tệ nạn xã hội, ví dụ: mại dâm, nghiện ma túy, cờ bạc, mê tín, tham nhũng, quan liêu v.v.,

nhưng nguy hiểm nhất là các tệ nạn cờ bạc, ma túy, mại dâm. Tệ nạn là một trong những nguyên nhân chính phát sinh tội phạm.

Tệ nạn xã hội ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tinh thần và đạo đức con người, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình, rối loạn trật tự xã hội, suy thoái giống nòi, dân tộc, văn hóa suy đồi. Làm mất tư cách của một người công dân, gây ảnh hưởng sâu sắc đến nguồn lao động trẻ khi đất nước Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển.

Từ thực tế đó cho thấy phòng chống tệ nạn xã hội không phải là trách nhiệm của riêng ai mà là nhiệm vụ chung của toàn xã hội. Cần phải củng cố hơn nữa mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và các cơ quan chức năng trong việc giáo dục, phòng ngừa tệ nạn xã hội. Các cấp xã, phường cần gắn kết hơn nữa với các gia đình, với tổ tự quản của khu dân cư để đề cao vai trò giáo dục của gia đình đối với thanh, thiếu niên.

*\* Ý thức bảo vệ môi trường*

Bảo vệ môi trường thực chất là khắc phục mâu thuẫn nảy sinh trong quan hệ của con người với tự nhiên, làm thế nào để hoạt động của con người không phá vỡ các yếu tố cân bằng của tự nhiên.

Môi trường nước ta trong thời gian này vẫn tiếp tục bị xuống cấp nhanh, có nơi, có lúc đã đến mức báo động. Đất đai bị xói mòn, thoái hoá; chất lượng các nguồn nước suy giảm mạnh; không khí ở nhiều đô thị, khu dân cư bị ô nhiễm nặng; khối lượng phát sinh và mức độ độc hại của chất thải ngày càng tăng; tài nguyên thiên nhiên trong nhiều trường hợp bị khai thác quá mức, không có quy hoạch; đa dạng sinh học bị đe dọa nghiêm trọng; điều kiện vệ sinh môi trường, cung cấp nước sạch ở nhiều nơi không bảo đảm. Việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, quá trình đô thị hoá, sự gia tăng dân số trong khi mật độ dân số đã quá cao, tình trạng đói nghèo chưa được khắc phục tại một số vùng nông thôn, miền núi, các thảm họa do thiên tai và những diễn

biến xấu về khí hậu toàn cầu đang tăng, gây áp lực lớn lên tài nguyên và môi trường, đặt công tác bảo vệ môi trường trước những thách thức gay gắt.

Vì vậy, mỗi cá nhân, các tổ chức trong xã hội cần có ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường, bằng những hành động thiết thực và có thái độ phê phán đối với các hành vi vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng không tốt đến môi trường.

Các nghiên cứu của Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam (VACNE) cho thấy, nếu cộng đồng không thể bảo vệ môi trường sẽ không có phát triển bền vững. Nhưng để cộng đồng có thể tham gia vào bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, cần những điều kiện rõ ràng về pháp lý về quyền tiếp cận môi trường của cộng đồng. Cộng đồng có thể tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, biến đổi khí hậu theo hai cách, hoặc theo các chủ thể tham gia (các tổ chức chính trị xã hội) hoặc theo các loại hình cộng đồng có thể tham gia (tư vấn, phản biện xã hội, giám sát, kiểm tra, tổ chức các sự kiện, phong trào, tham gia xây dựng, thực hiện mô hình tự quản, tham gia các tổ chức tình nguyện... về bảo vệ môi trường).

### **3.3. MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ GIÁO DỤC Ý THỨC CỘNG ĐỒNG CHO THANH THIẾU NIÊN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

#### **3.3.1. Một số phương hướng chung**

Dựa trên lý luận Mác - Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa cá nhân và xã hội, chúng ta nhận thấy ý thức cộng đồng của thanh thiếu niên vừa chịu sự quy định của điều kiện kinh tế - xã hội hiện thực vừa chịu sự tác động của nhận thức và hoạt động của con người. Hay nói cách khác ý thức cộng đồng của thanh thiếu niên không chỉ hình thành một cách tự phát mà còn được xây dựng một cách tự giác.

Sự tự giác tác động của con người vào quá trình hình thành và phát triển ý thức của thanh thiếu niên có vai trò hết sức quan trọng. Nếu sự tác động đúng, phù hợp, nó sẽ thúc đẩy cho ý thức của thanh thiếu niên ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn, ngược lại, nó sẽ là trở lực vô cùng to lớn ngăn cản sự hình thành và phát triển những ý thức tốt đẹp cho thanh thiếu niên. Vì vậy, việc giáo dục ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên Việt Nam trong nền kinh tế thị trường hiện nay cần được định hướng bởi những nguyên tắc phương pháp luận đúng đắn.

*Thứ nhất: Kết hợp giáo dục bằng tư tưởng, lý luận với giáo dục bằng hành động thực tế*

Trước hết phương pháp giáo dục này phải được bắt nguồn ngay trong nhà trường thông qua các các môn học như Giáo dục công dân và các môn lý luận chính trị. Có thể nói chức năng và nhiệm vụ cơ bản của các môn học lý luận nói chung là xây dựng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng cho người học. Nó được hình thành trên cơ sở hệ thống các tri thức, các nguyên lý và quy luật. Việc giảng dạy các môn học này trong nhà trường được xem là yếu tố then chốt trong việc giáo dục ý thức đạo đức cho học sinh, sinh viên.

Các môn học *Đạo đức* và *Giáo dục công dân* dành cho học sinh bậc tiểu học và trung học cơ sở, trung học phổ thông, các môn lý luận chính trị như triết học, tư tưởng Hồ Chí Minh ở bậc cao đẳng, đại học đã và đang được triển khai trong các nhà trường từ lâu nay góp phần giúp học sinh tiếp cận nội dung các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, hình thành phát triển nhân cách con người; giúp các em có thể tự chủ trong cuộc sống cá nhân, tự tin khi tham gia hoạt động ngoài cộng đồng.

Ai cũng biết tuổi đến trường không chỉ học về kiến thức văn hóa để vượt qua các kỳ thi sát hạch, vượt cấp mà phải học cả các kỹ năng để ứng biến,



thích nghi với môi trường xung quanh. Lấy hình thức hoạt động tập thể để giáo dục ý thức đạo đức cho học sinh, sinh viên sẽ mang lại hiệu quả to lớn. Các bậc phụ huynh, các thầy cô giáo nên quan tâm cân bằng việc học tập cho học sinh, sinh viên, vừa giúp các em có sự tự tin nắm bắt kiến thức trên lớp, vừa có thời gian hợp lý để tham gia các hoạt động ngoại khóa, giúp các em giảm căng thẳng trong việc học đồng thời tìm thấy niềm vui trong học tập, đặc biệt giúp các em tự tin trong cuộc sống.

*Thứ hai: Kết hợp giữa gia đình và xã hội trong giáo dục ý thức cộng đồng*

Trong bối cảnh đất nước và quốc tế đang có những thay đổi diện mạo về mọi mặt, đặc biệt từ khi đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, gia đình Việt Nam ngày càng có vai trò quan trọng trong việc thực hiện chức năng cơ bản của mình, trong đó đề cao và nhấn mạnh chức năng xã hội hóa cá nhân hình thành nhân cách con người.

Giáo dục gia đình nhằm hướng dẫn, rèn luyện mỗi cá nhân, giúp cá nhân làm quen và thực hiện các chuẩn mực trong gia đình và ngoài xã hội; điều chỉnh nhận thức để có khả năng giao tiếp phù hợp trong các quan hệ xã hội, dần bước vào đời sống của một cá thể trong đời sống xã hội. Việc giáo dục và hình thành nhân cách con người trong gia đình có tính chất đặt nền móng, mang tính truyền thống gia phong, thực hiện bước đi đầu tiên. Là trung tâm xuất phát điểm của giáo dục con người, là cơ sở của những nền tảng giáo dục con người, là trường học đầu tiên của con người, gia đình có vai trò đặc biệt trong việc xã hội hóa giáo dục con người.

Bên cạnh vai trò của nhà trường, gia đình, vai trò của xã hội hết sức quan trọng trong việc giáo dục ý thức của thanh thiếu niên.

Môi trường xã hội là sự tác động thường xuyên, hàng ngày của các hiện

tượng chính trị, kinh tế, xã hội đối với nhận thức, hiểu biết của thanh thiếu niên, điều chỉnh thế giới quan, nhân sinh quan của các em theo các chiều hướng khác nhau, đa dạng và khá phức tạp, có khi các em rất khó phân biệt được thật và giả, tốt và xấu, hiện tượng và bản chất. Môi trường xã hội chính là thuốc thử hàng đầu thử thách trí tuệ, nhân cách, phẩm giá con người đối với thanh thiếu niên.

Trách nhiệm của xã hội là tạo những điều kiện tối ưu để phát triển nhân cách và do vậy phát triển trách nhiệm của con người với tư cách là thành viên của xã hội. Các tổ chức xã hội cần phải đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, tham gia tích cực hơn vào công cuộc xây dựng đạo đức mới, chống lại những biểu hiện tiêu cực của đạo đức thanh thiếu niên.

Gia đình là thành viên của xã hội, giữa gia đình và xã hội có mối quan hệ vô cùng mật thiết. Để giáo dục ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên, chúng ta cần xây dựng môi trường giáo dục tốt với thể “kiềng ba chân” gia đình - nhà trường - xã hội, sẽ là biện pháp hữu hiệu nhất để giáo dục đạo đức học sinh, sinh viên trong xu thế hiện nay.

*Thứ ba: Kết hợp giữa văn hóa và pháp luật*

Ngày nay, chúng ta đang được sống, học tập và làm việc trong một môi trường xã hội tương đối ổn định, đây là điều kiện thuận lợi để bản thân mỗi người trở thành một công dân tốt, sống có ích cho xã hội và nhân dân.

Phát huy truyền thống quý báu ngàn đời của cha ông ta, sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng việc xây dựng mối quan hệ của con người; quan tâm đến đời sống văn hóa, nâng cao lý tưởng đạo đức cách mạng, khoa học cho con người. Vì con người khao khát chiến đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa thì mới có được chủ nghĩa xã hội.

Nếp sống văn hóa, văn minh tác động đến sự phát triển mỗi con người. Khi đã định hình trong gia đình, trong cộng đồng, nếp sống văn hóa chi phối,

điều chỉnh sự lựa chọn hành vi, giao tiếp, ứng xử của cá nhân con người. Nếp sống văn hóa đòi hỏi mỗi người sự rèn luyện loại bỏ những thói quen xấu, hình thành những thói quen tốt, bồi đắp thêm những phẩm chất đạo đức, trí tuệ, cảm nhận thẩm mỹ. Nếp sống văn hóa hội tụ những giá trị của quan niệm, thói quen đã trở thành chuẩn mực đạo đức, lối sống trong xã hội. Những nhân tố tích cực này của truyền thống là hành trang giúp con người nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần và vật chất, hội nhập mà không hòa tan, hiện đại mà vẫn giữ được những nét riêng của bản sắc văn hóa dân tộc. Xây dựng nếp sống thanh lịch, văn minh là đòi hỏi của sự phát triển đời sống văn hóa. Biết gìn giữ, kế thừa những giá trị truyền thống và tiếp thu những giá trị hiện đại trong bối cảnh hội nhập.

Xây dựng nếp sống văn hóa mọi nơi, mọi lúc, trên tất cả các mặt của đời sống xã hội, từ hành vi cá nhân đến thói quen của cả cộng đồng, từ trong gia đình ra ngoài xã hội.

Ở nhà trường cần xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh cho học sinh, thông qua các hoạt động giáo dục và những bài học cụ thể, từ hướng dẫn đến định hướng hành vi, hình thành nhân cách.

Nhà trường còn là nơi lưu giữ và bảo tồn những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; nơi đào tạo cho xã hội những công dân trong tương lai “vừa hồng, vừa chuyên”. Xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa nơi học đường một mặt nhằm đưa những hoạt động đó trở thành thường trực trong nếp sống, nếp nghĩ và trong sinh hoạt hàng ngày của mỗi sinh viên chúng ta không chỉ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, mà cả về sau này khi đã ra xã hội lao động và cống hiến, trước xu thế hội nhập quốc tế hóa trên mọi lĩnh vực. Bên cạnh đó còn thể hiện sự quan tâm chăm lo cho sinh viên với tinh thần “Kỷ cương, tình thương và trách nhiệm” của nhà trường trong việc thực hiện song song hai nhiệm vụ vừa truyền thụ tri thức khoa học và vừa

thực hiện chức năng trông người.

Bên cạnh xây dựng tư tưởng và lối sống cộng đồng trở thành một nếp sống văn hóa, đồng thời phải thực hiện nghiêm pháp luật, *từ ý thức tôn trọng pháp luật lâu ngày sẽ trở thành nếp sống văn hóa.*

Yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật trước hết phải nhằm huy động được quần chúng vào thực tiễn của cuộc đấu tranh một cách không khoan nhượng với sự vi phạm pháp luật.

Để mỗi công dân am hiểu và làm theo quy định của pháp luật cần tổ chức tốt việc đưa pháp luật vào đời sống thông qua hoạt động giáo dục pháp luật. Đối với thanh niên, cần tiếp tục nhân rộng, phát huy hơn nữa những mô hình, những chương trình tìm hiểu, học tập và làm theo pháp luật của thanh niên, đồng thời nhanh chóng cụ thể hóa Luật thanh niên vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước tiếp tục khẳng định *“xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam có ý thức chấp hành pháp luật...”* [63].

Để có thể đạt được những kết quả như mong muốn, công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho thanh, thiếu niên phải được xác định *“là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị”*. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh niên cần bám sát các nội dung và nhiệm vụ của Đề án tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho thanh thiếu niên giai đoạn 2011 - 2015 (ban hành kèm theo Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 26/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Trong điều kiện nước ta hiện nay đang tiến hành công nghiệp hóa - hiện đại hóa, hội nhập nền kinh tế quốc tế, việc tăng cường hơn nữa mối quan hệ

giữa pháp luật và văn hóa trong giáo dục ý thức cho thanh thiếu niên trở nên cấp thiết. Đặc biệt cần có những biện pháp thích hợp để vận dụng pháp luật khéo léo, điều chỉnh hành vi đạo đức con người hướng tới những giá trị chân, thiện, mỹ.

*Thứ tư: Kế thừa truyền thống dân tộc và tiếp thu văn minh nhân loại*

Dân tộc Việt Nam trải qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước đã tạo lập cho mình một nền văn hóa riêng, phong phú và bền vững với những giá trị truyền thống tốt đẹp và cao quý. Trong các giá trị truyền thống Việt Nam, tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái, “lá lành đùm lá rách” là những nét hết sức đặc sắc. Truyền thống này hình thành một lúc với sự hình thành dân tộc, từ hoàn cảnh và nhu cầu đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên và giặc ngoại xâm. Người Việt Nam gắn bó với nhau trong tình làng, nghĩa xóm.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, đạo đức của thanh niên Việt Nam, trong đó có ý thức cộng đồng không phải mới hoàn toàn mà trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những giá trị đạo đức truyền thống và tinh hoa văn hóa đạo đức của nhân loại. Ở mỗi lĩnh vực khác nhau sự kế thừa có đặc trưng riêng. Kế thừa trong lĩnh vực đạo đức mang tính tự giác cao để giải quyết những nhiệm vụ nhất định do thực tế lịch sử đòi hỏi. Tuy vậy, quá trình kế thừa này vẫn mang tính khách quan chứ không phải thực hiện một cách tùy tiện, chủ quan. Tính kế thừa trong sự phát triển ý thức đạo đức phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội.

Quá trình kế thừa truyền thống dân tộc vận dụng vào giáo dục ý thức cộng đồng cho thế hệ trẻ hiện nay, cần chú trọng chống lại những khiếm khuyết của đạo đức truyền thống và những biểu hiện sai lệch về đạo đức do ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế quan liêu bao cấp, của kinh tế thị trường.

Giáo dục ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên hiện nay là tạo dựng ý

thức cộng đồng, tinh thần khoan dung, mình vì mọi người, chống chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, bảo vệ môi trường sống. Tinh thần khoan dung và ý thức cộng đồng là kết tinh của các giá trị truyền thống, nó được hình thành trong lịch sử chống giặc ngoại xâm và dựng nước của dân tộc, tinh thần ấy tạo nên sức mạnh tiềm ẩn bên trong của con người Việt Nam. Biểu hiện cụ thể, sinh động là bằng nhiều hình thức giáo dục cho sinh viên ý thức tập thể, phong trào “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, phụng dưỡng những người có công với cách mạng, các bà mẹ Việt Nam anh hùng, bảo vệ của công, giữ vững kỷ cương, nội quy, quy chế ở trường cũng như nơi sinh sống.

Cùng với quá trình trên, việc tiếp thu những giá trị mới của thời đại một cách có chọn lọc tinh hoa của các nước trên thế giới là hết sức cần thiết để khắc phục những hạn chế về ý thức đạo đức của thanh thiếu niên hiện nay. Trong quá trình tiếp thu, cần xem trọng cả đạo đức phương Đông và phương Tây, đạo đức của các nước xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, tránh tư tưởng phiến diện, kỳ thị. Đạo đức trong giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản, bên cạnh sự phi đạo đức của bọn tư sản bóc lột, ăn bám là đạo đức của nhân dân lao động, của công nhân, của trí thức và cả hạt nhân đạo đức tích cực của giai cấp tư sản. Đó là những giá trị đạo đức như công bằng, bình đẳng, tôn trọng tự do cá nhân, khoan dung, tự lập, dân chủ, tôn trọng quyền sở hữu, tôn trọng pháp luật, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, say mê công việc, năng động, sáng tạo, tinh thần hợp tác.

Đồng thời giáo dục cho thế hệ trẻ học tập theo phong cách, lối sống của các dân tộc văn minh trên thế giới là một việc làm rất cần thiết. Một số quốc gia hiện nay ý thức cộng đồng của họ rất cao, rất xứng đáng cho chúng ta học tập. Điển hình như ở Canada, Mỹ, Singapore, Nhật Bản v.v..

Người Canada luôn quan niệm rằng nếu bạn giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn thì sẽ có những người giúp đỡ bạn trong lúc bạn gặp khó

khăn. Vì vậy ý thức trách nhiệm cộng đồng của họ rất cao, khoảng 50% dân số Canada có ít nhất một thời gian nào đó làm công tác thiện nguyện, và Canada có những tổ chức, mạng lưới kết nối, để hướng dẫn những người muốn làm việc thiện nguyện. Những ai có công sức, có thời gian và muốn làm việc gì đó giúp cho cộng đồng, giúp cho người khác có thể bỏ công sức của mình ra làm thiện nguyện. Để công tác thiện nguyện có hiệu quả thì cũng phải được tổ chức một cách bài bản, có hướng dẫn, có đào tạo và có trung tâm kết nối. Công tác từ thiện của người dân Canada không phải chỉ hỗ trợ và ủng hộ những người nghèo khó sống tại Canada mà còn hỗ trợ những người dân trên các quốc gia khác nhau trên thế giới, các hoạt động chữ thập đỏ, hỗ trợ về lương thực, tiền bạc hoặc các tổ chức làm việc từ thiện xuyên quốc gia cũng hay vận động người dân ủng hộ cho hoạt động từ thiện quốc tế.

Người Canada cũng hay dạy con cái họ làm công tác từ thiện từ nhỏ, điều đó sẽ tạo cho đứa trẻ xây dựng được tính nhân bản trong con trẻ ngay từ bé. Chúng biết quý trọng và giữ gìn những thành quả mà chúng đang được hưởng của xã hội khi chúng đã biết và nhìn thấy còn rất nhiều người đang sống khó khăn và vất vả hơn nhiều trên khắp thế giới.

Tại Canada, việc làm từ thiện diễn ra mọi nơi, mọi lúc. Tại những lễ hội cũng có những khu vực để người tham gia lễ hội quyên góp thức ăn, quần áo cho người nghèo, hay có thể có những thùng từ thiện tại các cơ quan để nhân viên hoặc khách hàng giao dịch của cơ quan đó thực hiện quyên góp từ thiện. Thường định kỳ vào thời gian nhất định có những xe lưu động chuyên cung cấp thức ăn miễn phí cho những người nghèo, thái độ phục vụ của những người làm công tác từ thiện rất niềm nở và ân cần, chuyên nghiệp. Đồng thời có những tổ chức chuyên sắp xếp, phân loại những đồ vật cũ như quần áo cũ mà người dân không dùng nữa để bất kỳ người dân nào

khác thấy cần thiết có thể tới lấy và sử dụng.

Việc từ thiện cũng được tổ chức khá rõ ràng và hạn chế dùng tiền mặt, thông thường những người làm công tác từ thiện sẽ xin tài khoản của bạn, tiền của bạn sẽ được chuyển từ tài khoản của bạn tới những trung tâm và người cần giúp đỡ, người đi quyên tiền thiện nguyện sẽ không nhận tiền mặt của bạn. Bạn có thể kiểm tra tiền của mình chuyển đi đâu và các hoạt động của những tổ chức từ thiện mà mình đã chuyển tiền.

Ở Mỹ, ý thức và trách nhiệm cộng đồng của họ cũng rất cao. Ví dụ trong tham gia giao thông, người Mỹ đã xây dựng cho mình một văn hóa giao thông tiên tiến. Trên đường phố, người đi bộ phải đi trên vỉa hè. Người đi xe đạp phải đi sát mép đường bên phải. Người đi mô tô phải đội mũ bảo hiểm, luôn duy trì tốc độ mô tô bằng với tốc độ ô tô đi trước. Còn đã ngồi lên ô tô thì dứt khoát phải quàng dây bảo hiểm, xe phải chạy theo làn, nếu muốn chuyển làn phải ra hiệu xin phép. Hệ thống camera lắp ở các ngã tư, cảnh sát giao thông lưu động làm việc 24/24 giờ trong một ngày hầu như không để sót bất kỳ trường hợp vi phạm nào mà không bị xử lý. Công tác tuyên truyền giáo dục ý thức tham gia giao thông của Mỹ cũng rất tốt. Trên đài truyền hình Mỹ có hẳn kênh 68 chuyên cập nhật tình hình giao thông, các vụ tai nạn, cách xử lý các vụ vi phạm [70].

Ý thức giữ gìn vệ sinh của người Mỹ cũng rất tốt. Ở Mỹ nếu nhà bạn không phân loại rác, hay là thùng rác luôn bốc mùi hôi thì người đổ rác sẽ nhắc nhở bạn, nếu bạn không làm như vậy thì họ sẽ không thu gom rác nhà bạn nữa. Những khi đi bộ tập thể dục người Mỹ thấy rác là họ nhặt và không cần biết sạch hay dơ bỏ rác vào túi tự nhiên, đến nơi có thùng rác là bỏ vào.

Đối với Singapore, một đất nước nổi tiếng có môi trường xanh, sạch, đẹp của thế giới, ý thức giữ gìn bảo vệ môi trường của họ rất cao. Singapore có một hòn đảo nhân tạo mang tên Semakau Landfill nổi tiếng là hòn đảo



chôn rác nhân tạo đầu tiên trên thế giới. Nhờ hệ thống này, từ 16.000 tấn rác mỗi ngày, sau khi đốt rác Singapore chỉ cần bãi đổ rác cho hơn 10% lượng rác đó. Đặc biệt, nhiệt năng sinh ra trong khi đốt rác được dùng để chạy máy phát điện đủ cung cấp 3% tổng nhu cầu điện của Singapore [73].

Singapore còn giữ được môi trường trong xanh bằng những hình phạt nghiêm khắc thông qua cảm giác bị xấu hổ trước công chúng để nhắc nhở mọi người dân không xả rác bừa bãi. Người xả rác bừa bãi lần đầu tiên sẽ bị phạt tối đa là 1.000 đôla Singapore, tái phạm thì mức phạt sẽ tăng lên 2.000 - 5.000 đôla và phải lao động công ích [73]. Tất cả các tuyến đường, dòng sông, kênh rạch thậm chí là những nơi góc ngách như gầm cầu, đều có camera theo dõi, chỉ cần ai vi phạm là bị phạt ngay tại chỗ và lao động công ích tùy theo mức độ xử phạt.

Trong khoảng vài giờ, người bị phạt trong bộ quần áo sáng màu đặc trưng sẽ phải làm sạch nơi công cộng, ví dụ nhặt rác tại công viên, đôi khi phương tiện truyền thông địa phương được mời đến để ghi lại sự kiện. Nhà chức trách muốn thông qua cảm giác bị xấu hổ trước công chúng để nhắc nhở mọi người dân không xả rác bừa bãi. Tác dụng tích cực của động thái trên chính là đường phố Singapore vô cùng sạch sẽ, ý thức bảo vệ môi trường của người dân cũng được nâng cao.

Ở Nhật Bản, có lẽ đức tính tôn trọng trật tự, đạo đức xã hội và ý thức cộng đồng của họ là một động lực to lớn giúp nước Nhật phát triển như ngày nay. Ý thức “cộng đồng” của người Nhật quá mạnh dẫn đến việc họ có tập quán tuân thủ mệnh lệnh. Hành động của họ đều dựa trên các chuẩn mực về thứ bậc trong xã hội và mang tính thứ bậc rõ nét. Điểm tốt là mọi người hòa hợp với nhau và dễ thống nhất. Thảm họa động đất và sóng thần đổ bộ lên đất nước Nhật Bản là nỗi đau buồn và tổn thất to lớn, nhưng phải nói tất cả các ban ngành, các cơ quan, tổ chức của Nhật Bản đã chuẩn bị rất kỹ để đối

phó với thiên tai và các trường hợp khẩn cấp, nếu không, hậu quả của thảm họa này có lẽ còn lớn hơn rất nhiều. Không giống như ở một số nước khác sau thảm họa, ở Nhật không thấy cảnh “đục nước béo cò”, trộm cướp, hôi của. Trong cơn thảm họa, người dân Nhật Bản vẫn kiên nhẫn xếp hàng chờ đến lượt lên xe buýt, kiên nhẫn xếp hàng chờ gọi điện thoại công cộng. Với những người dân không về nhà được, họ vẫn bình tĩnh vào trú tạm tại các địa điểm công cộng được chính quyền bố trí trong trật tự và bình thản. Không khí sơ tán tại các trường học, bệnh viện... rất gọn gàng, khẩn trương và hiệu quả.

Ở xứ sở hoa anh đào ấy, sức chịu đựng cũng như nghị lực của con người luôn được chứng minh bằng sự gắn kết cộng đồng như nhà báo Ed West đã viết trên tờ Telegraph (Anh) với lời lẽ khâm phục: “Sức mạnh xã hội có thể còn ấn tượng hơn sức mạnh công nghệ của Nhật Bản”. Thế giới đã tôn vinh tinh thần “võ sĩ đạo” của người Nhật Bản: “Khi nằm xuống như hoa anh đào rơi, cánh vẫn vẹn, màu vẫn tươi”. Có lẽ, đối với mỗi chúng ta, ý thức cộng đồng của người Nhật Bản luôn để lại những bài học quý giá [68].

Tóm lại, ý thức trách nhiệm cộng đồng rất cao của các nước tiên tiến trên thế giới rất xứng đáng cho chúng ta học tập, vận dụng. Chúng ta hãy thử đối chiếu những gì chúng ta đã học từ nhà trường, những gì chúng ta thấy ở các nước khác và những gì chúng ta làm ở nước mình như thế nào để thấy những thiếu sót mà tất cả mọi người cần phải thay đổi, nhằm góp phần nâng cao ý thức cộng đồng cho thế hệ trẻ hiện nay.

### **3.3.2. Một số giải pháp cụ thể nhằm tăng cường giáo dục ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên ở nước ta hiện nay**

Hiện nay việc nắm vững lý luận Mác - Lênin, đặc biệt là lý luận về mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội nhằm giáo dục ý thức cộng đồng cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng đất nước là điều quan trọng cần thiết. Quan điểm Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội trở thành thế giới quan và nhân

sinh quan cho con người xác định ý thức của mình trong quan hệ với người khác và xã hội.

Thực tiễn cho thấy, con người bị chi phối một cách tự phát hoặc tự giác bởi nhiều quan điểm triết học khác nhau trong quá trình hình thành ý thức, lối sống. Quan điểm duy vật biện chứng về thế giới và về xã hội đem lại cho con người thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong quá trình nhận thức và giải quyết các mối quan hệ, giúp con người đạt được những thành quả tích cực trong thực tiễn, giúp họ tránh được những sai lầm của chủ nghĩa duy tâm, siêu hình, của chủ quan duy ý chí... Từ thế giới quan, nhân sinh quan đó định hướng đúng đắn việc lựa chọn các hệ chuẩn mực giá trị phù hợp đưa vào nhân sinh quan và lý tưởng của cuộc đời. Hệ chuẩn mực xã hội được cá nhân thừa nhận và trở thành tư tưởng đúng đắn chi đạo mọi hoạt động của đời sống.

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hơn 27 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả mọi mặt. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong những năm vừa qua tiến trình phát triển đất nước vẫn còn nhiều hạn chế, một phần do ý thức của mỗi cá nhân trong xã hội, đặc biệt ý thức cộng đồng của bộ phận thanh thiếu niên đang chịu nhiều tác động của nền kinh tế thị trường. Để khắc phục được những hạn chế đó, đòi hỏi chúng ta cần có những giải pháp tích cực và khéo léo trong quá trình giáo dục ý thức trách nhiệm với cộng đồng cho thanh thiếu niên nhằm đáp ứng nhu cầu của đất nước trong giai đoạn mới. Một số giải pháp cơ bản như sau:

*Thứ nhất: Nhà nước cần hoàn thiện các chính sách kinh tế - xã hội và hệ thống pháp luật*

*Cần xây dựng và hoàn thiện một hệ thống chính sách xã hội đúng đắn, công bằng, bảo đảm bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ cho tất cả mọi người*

*công dân*; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích của tập thể và cộng đồng xã hội.

Nhà nước cần *ban hành những chế độ, chính sách khuyến khích sự quan tâm của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đến lợi ích cộng đồng*, như:

- Giảm thuế và khen thưởng những doanh nghiệp tuyển dụng nhiều lao động có trình độ thấp để giải quyết nạn thất nghiệp, thường xuyên đào tạo nâng cao tay nghề và tăng lương cho người lao động, quan tâm đến đời sống, điều kiện ăn ở của công nhân. Nếu doanh nghiệp quan tâm đến người lao động thì người lao động mới thực sự coi cộng đồng doanh nghiệp như là nhà của họ, phấn đấu hết sức mình vì doanh nghiệp.

- Khen thưởng và ưu tiên đào tạo, tuyển dụng những cá nhân có ý thức cộng đồng tốt, đã có quá trình tham gia tích cực những hoạt động vì lợi ích cộng đồng.

- Tuyên dương, tạo điều kiện giúp đỡ hoạt động của những tổ chức từ thiện, các tổ chức thanh niên tình nguyện vì lợi ích cộng đồng.

Cùng với việc hoàn thiện các chính sách đảm bảo bình đẳng xã hội, Đảng và nhà nước cần phải tăng cường tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật, công tác quản lý thị trường, lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu và các tệ nạn xã hội khác. Nội dung của luật và các quy định về hoạt động văn hóa giáo dục cần cụ thể cho từng đối tượng. Có những chính sách tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho thanh niên. Trong điều kiện thiếu việc làm hoặc do không được sự tin tưởng giao việc làm, thanh niên dễ

trở nên thụ động và không có ý thức rèn luyện đạo đức.

Nhà nước cần tăng cường đầu tư và sử dụng có hiệu quả kinh phí cũng như cơ sở vật chất cần thiết phục vụ cho quá trình giáo dục ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên. Xây dựng hệ thống phim ảnh, bài hát, dụng cụ học tập v.v..., phục vụ công tác giảng dạy; đầu tư cho các buổi học ngoài giờ, cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; xây dựng khu vui chơi, giải trí lành mạnh cho thanh thiếu niên.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm: Phối hợp, hỗ trợ tổ chức Đoàn các cấp trong việc đoàn kết, giáo dục thanh thiếu niên; đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, các hoạt động vì cộng đồng, đảm bảo an sinh xã hội.

Đặc biệt trong năm tình nguyện 2014, các tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm: Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nội dung của Năm Tình nguyện 2014, lồng ghép trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014; giao nhiệm vụ, tạo điều kiện cho tổ chức Đoàn các cấp thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án tại địa phương, đơn vị.

*Thứ hai: Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, coi đây là lực lượng nòng cốt để giáo dục lối sống, ý thức cộng đồng cho thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay.*

Bên cạnh trường học, tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cũng có vai trò quan trọng không kém. Đây vừa là tổ chức, vừa là môi trường cho người thanh niên yêu nước rèn luyện và cống hiến. Trong suốt cuộc đời của mình, Bác Hồ kính yêu đã dành cho tổ chức này những tình cảm đặc biệt quý mến. Đoàn là tổ chức của thanh niên, của tuổi trẻ, vì vậy “Trung ương Đoàn cần phải tăng cường hơn nữa việc giáo dục tinh thần yêu nước, giác ngộ đạo đức cách mạng cho đoàn viên và thanh niên” [47, tr.318].

Trong bối cảnh ngày nay, lời nhắc nhủ đó của Bác lại càng có ý nghĩa. Trước hết, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện những tiêu chí cụ thể để rèn luyện trong từng đối tượng đoàn viên. Tổ chức Đoàn cần đặc biệt quan tâm đến công tác truyền truyền, giáo dục, vận động thanh thiếu niên - lực lượng rường cột, chủ nhân tương lai của đất nước về tinh thần yêu nước, yêu dân tộc, yêu chế độ, từ đó mỗi thanh thiếu niên xác định rõ trách nhiệm của mình đối với bản thân, gia đình, xã hội và đất nước. Các tờ báo của Đoàn cần làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục thế hệ trẻ, có nhiều tin, bài người tốt, việc tốt.

Trong các phong trào hành động, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với vai trò định hướng giá trị cho thanh thiếu niên phải tích cực cụ thể hoá các tiêu chí xây dựng lối sống mới phù hợp với từng đối tượng. Đây là biện pháp đúng đắn và có giá trị khả thi trong việc xây dựng lối sống mới, văn minh đối với thanh niên, giữ cho họ biết phân biệt, lựa chọn và tiếp nhận những giá trị văn hóa thích hợp cho mình trong giai đoạn mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và giao lưu với thế giới.

Đối với thanh thiếu niên, cần tiếp tục nhân rộng, phát huy hơn nữa những mô hình, những chương trình tìm hiểu, học tập và làm theo pháp luật. Đồng thời nhanh chóng cụ thể hóa Luật thanh niên vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thanh niên vốn là người nhiệt tình với cái mới và giàu ước mơ. Các tấm gương sáng có tác dụng lớn lao đối với giáo dục lý tưởng, hoài bão, giúp họ vượt khó vươn lên trong cuộc sống. Vì vậy, các tổ chức Đoàn cần đẩy mạnh các phong trào thi đua, qua đó phát hiện, tuyên dương, nhân rộng các điển hình cá nhân, tập thể thanh niên có lối sống đẹp, biết vượt qua khó khăn để vươn lên, sống có lý tưởng, hết mình vì lý tưởng. Tổ chức rộng rãi các cuộc gặp mặt, liên hoan của các điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực. Duy trì và phát triển các giải thưởng và các hình thức khen thưởng thích

hợp, ghi nhận, tôn vinh các thanh niên có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện.

Không ngừng phát huy và nâng cao vai trò năng động, sáng tạo của thanh thiếu niên với tư cách là chủ thể trong việc xây dựng lối sống mới. Thanh niên vừa là đối tượng của việc xây dựng lối sống mới của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đồng thời chính họ là chủ thể của đối tượng này. Do vậy, bản thân thanh niên phải nâng cao năng lực tự giáo dục và tự nâng cao trình độ lý luận khoa học, trình độ chính trị để tăng sức đề kháng chống lại những tiêu cực để chủ động xây dựng và điều chỉnh lối sống mới cho chính mình. Muốn được vậy, bản thân mỗi thanh niên phải tự rèn luyện mình; phải phát huy vai trò của mình với tư cách là một thành viên của tập thể để thu hút những người khác cùng hành động với mình, nghĩa là cùng với tổ chức của mình đẩy lên phong trào sống đẹp, sống có ý nghĩa, tự họ thực hiện tốt phương châm sống “*Mình vì mọi người, mọi người vì mình*”.

Thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng và định hướng dư luận xã hội trong đoàn viên, thanh niên; kịp thời báo cáo cấp uỷ và đoàn cấp trên những vấn đề nảy sinh liên quan đến đoàn viên, thanh niên. Tích cực tham gia xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, văn minh, hiệu quả; nâng cao năng lực “*tự đề kháng*” của tuổi trẻ trước những hiện tượng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống.

Trong năm 2014, Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm: Xây dựng Chương trình hành động cụ thể thực hiện hiệu quả Năm Tình nguyện 2014; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đoàn viên, thanh niên và cộng đồng xã hội về công tác tình nguyện; Chủ động phối hợp với các bộ, ngành trong xây dựng các chính sách đối với thanh niên tình nguyện, thanh niên xung phong; Phát huy vai trò của tuổi trẻ trong xây dựng nông thôn mới, xây dựng văn minh đô thị và các hoạt động đảm bảo an sinh

xã hội, tình nguyện vì cộng đồng; Đẩy mạnh phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Nâng cao chất lượng phong trào Tuổi trẻ tham gia xây dựng văn minh đô thị”; Tạo bước đột phá trong phong trào thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng, vì an sinh xã hội và trên các công trình trọng điểm quốc gia.

Nhằm tạo môi trường lành mạnh để thanh niên rèn luyện, phát huy vai trò xung kích trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội của đất nước; phối hợp tốt với chính quyền các cấp nhằm thực hiện hiệu quả các hoạt động công tác theo chức năng, nhiệm vụ, đóng góp vào phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

*Thứ ba: Đổi mới phương pháp giáo dục trong nhà trường theo hướng thiết thực, hiệu quả.*

Nhà trường được hiểu như là một tổ chức, thiết chế xã hội được ra đời để thực hiện chức năng xã hội hóa cá nhân, đặc biệt là giới trẻ, theo những mong đợi của cộng đồng xã hội.

Tuy nhiên hiện nay hầu hết các trường có hiện tượng quan tâm đến việc dạy chữ hơn dạy người. Hiệu quả việc giáo dục thông qua những bài học Đạo đức, Giáo dục công dân, các môn lý luận chính trị như triết học, tư tưởng Hồ Chí Minh trên lớp còn mờ nhạt, do vậy không chuyển hóa được thành ý thức để mỗi học sinh lại có ý thức cao hơn nữa trong việc vận dụng những hiểu biết trở thành kỹ năng để rèn luyện. Việc hình thành ý thức cộng đồng không thể có được trong ngày một ngày hai mà cần có thời gian, quá trình để rèn luyện.

Tình hình đó đặt ra yêu cầu rất nặng nề cho hệ thống những người làm công tác giảng dạy môn học này, nó đòi hỏi, một mặt phải có kiến thức sâu, rộng ở nhiều lĩnh vực, mặt khác, phải có khả năng truyền tải hệ thống thông tin đến cho người học một cách khác, đó là nghệ thuật truyền đạt,



khả năng sư phạm phù hợp cho từng đối tượng. Chính vì thế, yêu cầu đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng giảng dạy các môn học này là một yêu cầu bắt buộc.

Trong giáo dục ý thức cộng đồng cần làm cho thế hệ trẻ nhận thức được sự cần thiết của việc xây dựng một cộng đồng xã hội thực sự tốt đẹp, của sự kết hợp hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, lợi ích của lối sống và hoạt động của cá nhân vì cộng đồng.

Về nội dung, cần tập trung giáo dục những phẩm chất đạo đức cơ bản bám sát đối tượng, tránh dàn trải, quá tải; cần đưa trực tiếp nhiều bài học về giáo dục ý thức cộng đồng vào giảng dạy trong nhà trường. Hiện nay trong chương trình dạy học ở bậc phổ thông, đã có nhiều bài học quan trọng, bổ ích, ví dụ trong môn học giáo dục công dân lớp 10, có bài “Công dân với cộng đồng” và bài “Công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, đã góp phần giáo dục học sinh biết yêu quý, gắn bó với nơi ở, nơi học tập của mình và tích cực góp phần xây dựng cộng đồng ngày càng tốt đẹp hơn; giáo dục thế hệ trẻ cần phải phát huy được truyền thống yêu nước, tiếp bước cha ông xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc ngày càng giàu đẹp.

Ngoài ra, giáo dục ý thức cho thanh thiếu niên không chỉ trong giờ học mà lồng ghép với các hoạt động thực tiễn như giao lưu dã ngoại, tham quan du lịch, các hoạt động xã hội từ thiện... cũng là một hình thức hiệu quả. Bởi vậy, vai trò của tổ chức Đảng, đoàn thể có một ý nghĩa quan trọng. Sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng ủy và các Cấp ủy Đảng, các hoạt động thiết thực bổ ích, tạo sân chơi, chẳng hạn như sinh hoạt khoa học, thể dục, thể thao, văn hóa nghệ thuật, thăm di tích lịch sử, các hoạt động trở về cội nguồn, các hoạt động tình nguyện giúp đỡ đồng bào, các hoạt động từ thiện v.v., do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên tổ chức sẽ là môi trường tốt hình thành ý thức cộng đồng cho thanh niên, sinh viên.

Để thực hiện tốt công tác giáo dục ý thức cho thanh thiếu niên thì trước hết các quý thầy cô phải là tấm gương sáng cho học sinh noi theo. Trong thời gian tới, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có chủ trương và hệ thống giải pháp sửa chữa sai lầm, thiếu sót trong hệ thống giáo dục. Nhất là cần có những biện pháp cụ thể, kiên quyết chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật trong ngành giáo dục để ngày càng nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường nói chung và giáo dục đạo đức của thanh niên nói riêng. Thực hiện tốt cuộc vận động của ngành giáo dục “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức, tự học và sáng tạo”. Đội ngũ nhà giáo phải ra sức rèn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, tác phong làm việc, lối sống theo đúng chuẩn mực của người nhà giáo và nguyện đem hết sức mình vì sự nghiệp trồng người.

Việc giáo dục lý tưởng cách mạng, các chuẩn mực đạo đức cộng sản chủ nghĩa, nhà trường nên phối hợp và giao cho các tổ chức chính trị - xã hội như Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

*Thứ tư: Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục ý thức của thanh thiếu niên.*

Gia đình được coi là tế bào của xã hội. Gia đình là môi trường xã hội đầu tiên mà con người xác lập các quan hệ xã hội ban đầu của mình. Gia đình tốt sẽ tạo ra những tế bào khỏe mạnh cho xã hội. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng ta đã nêu ra phương hướng: “Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách” [16, tr.77].

Trước tiên, các bậc phụ huynh phải hết sức chú ý điều chỉnh cách nuôi dạy con cái. Bản thân cha mẹ phải là tấm gương tốt. Cách hành xử của cha mẹ với nhau, cách ứng xử của cha mẹ với những người xung quanh có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành nhân cách đứa trẻ. Khi còn nhỏ, nếu đứa trẻ học

được cách hành xử vô văn hóa, vô đạo đức của cha mẹ thì lớn lên tất yếu nó cũng hành xử giống cha mẹ. Song ngược lại, nếu cha mẹ là những tấm gương sáng, mẫu mực thì con cái sẽ là những người có nhân cách tốt (trừ một số đứa trẻ quá trình giáo dục và tự giáo dục không tốt).

Hai là, gia đình phải được xây dựng trên cơ sở bình đẳng, tiến bộ, cha mẹ phải bình đẳng tôn trọng lẫn nhau. Bình đẳng ở đây thể hiện là mọi thành viên trong gia đình đều có quyền nói lên tiếng nói của mình. Mọi tâm tư nguyện vọng của các cá nhân trong gia đình đều được lắng nghe, chia sẻ, những tâm tư nguyện vọng nào chính đáng phải được đáp ứng cho phù hợp. Muốn có được điều này thì các thành viên trong gia đình phải thật sự tôn trọng nhau, đặc biệt không có sự bất bình đẳng giới. Trẻ em trai và trẻ em gái phải có quyền và nghĩa vụ như nhau, được thụ hưởng mọi giá trị như nhau, cùng nhau được học hành. Những người cha, người mẹ trong gia đình cũng phải được tôn trọng như nhau, lắng nghe và chia sẻ với nhau mọi việc trong cuộc sống.

Ba là, cha mẹ cần giải thích, giáo dục cho con cái trong việc xử lý đúng mỗi quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung của gia đình. Lợi ích, nguyện vọng cá nhân chính đáng, không phương hại cho cái chung, cần được cha mẹ chiều cố và đáp ứng, những lợi ích, phúc lợi chung lâu dài, hợp lý của gia đình cần được mỗi cá nhân xem trọng và quan tâm góp sức. Tôn trọng quyền tự do, dân chủ của cá nhân là điều được luật pháp bảo vệ và đòi hỏi mọi công dân phải chấp hành, là một nguyên tắc xây dựng gia đình hiện đại ở nước ta. Nhưng đòi hỏi về quyền, lợi ích, tự do cá nhân của con cái có trường hợp đã bị đẩy lên thành chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, từ sự thiếu hiểu biết, thiếu chín chắn của tuổi trẻ, từ việc chúng nghe theo lời bạn bè thúc đẩy, trong việc học hành, chọn nghề, vui chơi, đòi tiền cha mẹ chi tiêu, đòi sắm những thứ đắt tiền... Đặc biệt là sự lêu lổng, đua đòi chơi bời, lười học, đi với bạn xấu, sa vào các tệ nạn xã hội. Vì vậy, không thể có chủ nghĩa tự do tuyệt

đôi của con cái sống trong gia đình. Họ cần chú ý giáo dục con cái có ý thức tự giác và chấp nhận sự cần thiết phải quan tâm đến lợi ích của gia đình, khi đòi hỏi thỏa mãn quyền lợi cá nhân của mình bằng việc tham gia lo lắng, sắp xếp những công việc trong gia đình, tham gia làm việc nhà, giúp đỡ cha mẹ và những thành viên trong gia đình.

Tóm lại, trên cơ sở vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội cần xây dựng được những phương hướng và giải pháp thích hợp, đồng bộ nhằm giáo dục ý thức đạo đức nói chung và ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên một cách hữu hiệu nhất, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng đất nước trong thời kỳ hội nhập.

### **TIỂU KẾT CHƯƠNG 3**

Theo quan điểm Mác - Lênin, chỉ có thông qua cộng đồng xã hội thì con người mới được xã hội hoá, mới trở thành những cá nhân có đầy đủ nhân cách. Trong cuộc sống, bất kì một tổ chức, một cộng đồng nào cũng đều đòi hỏi mỗi người sống trong nó phải có một ý thức chung về cộng đồng thường được gọi là ý thức cộng đồng.

Ở nước ta hiện nay, thanh thiếu niên luôn là rường cột của quốc gia. Thanh niên có những nhu cầu, sở thích, hoài bão và hoàn cảnh sống khác thể hệ đi trước nhưng cùng tồn tại trong một điều kiện kinh tế - xã hội và một nền văn hóa với cơ cấu bên trong là chủ nghĩa yêu nước gắn liền với các giá trị cộng đồng và chủ nghĩa nhân văn. Hơn nữa, quy luật kế thừa không cho phép thanh niên tách khỏi đạo đức chung của dân tộc. Với Việt Nam, từ xưa đến nay, vai trò chủ thể yêu nước, vì dân của thanh niên luôn được thể hiện một cách đặc biệt. Vai trò ấy, tinh thần tình nguyện ấy nay được thể hiện đối với cộng đồng Việt Nam. Tình nhân ái vì cộng đồng là một phẩm chất cần

có, một phẩm chất lớn của thanh niên Việt Nam hôm nay. Ngày trước vì nhân dân, ngày nay vì cộng đồng, nhưng nội dung thì chỉ một. Trước những tác động của nền kinh tế thị trường, đang ảnh hưởng đến ý thức thanh thiếu niên nước ta, thì việc vận dụng sáng tạo quan điểm triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội nhằm vạch ra những phương hướng và giải pháp cơ bản để giáo dục ý thức cộng đồng cho thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay là việc làm rất thiết thực, rất quan trọng.

## KẾT LUẬN

Quan điểm triết học Mác - Lênin về mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội là một quan điểm đúng đắn và sâu sắc, mang lại nhiều giá trị cho việc giáo dục ý thức con người, đặc biệt là giáo dục ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên ở nước ta hiện nay. Toàn bộ sự truyền thụ và lĩnh hội kinh nghiệm xã hội - lịch sử chuyển thành năng lực của từng người, cũng như quá trình sản xuất và sáng tạo, học tập và tái tạo đều diễn ra trong ngữ cảnh người - trong các điều kiện xã hội - lịch sử. Chỉ có sống và hoạt động trong xã hội, trong các quan hệ người - người, các quan hệ xã hội thì não người mới có thể trở thành công cụ thực hiện chức năng phản ánh tâm lý vốn có của con người. Nói cách khác, muốn có tính cách và tâm lý người phải có cơ sở xã hội và chính cơ sở xã hội là nhân tố quyết định sự hình thành và phát triển tính cách, quy định tính hai mặt trong tính cách của con người nói chung và trong từng nét tính cách nói riêng.

Trải qua các giai đoạn khác nhau trong lịch sử dân tộc Việt Nam, từ thời kỳ phong kiến cho đến thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ và đến giai đoạn hiện nay, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, ý thức cộng đồng luôn là giá trị nổi bật của dân tộc ta. Tính cộng đồng luôn có vai trò tích cực trong chống giặc ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tinh thần tương thân tương ái và truyền thống đoàn kết của người Việt Nam càng có giá trị trong cuộc sống hiện đại. Nhiều vấn đề nan giải của xã hội đặt ra cần sự chia sẻ và tương trợ để mọi người giúp nhau cùng tiến bộ và phát triển.

Ở nước ta hiện nay, trong cộng đồng, xã hội, sự chuyển đổi hệ tư tưởng dẫn đến chuyển đổi hệ giá trị của xã hội và giá trị con người, con người từ chỗ phục tùng chuyển sang tự chủ, sáng tạo, từ chỗ dựa trên tập quán chuyển sang lý trí, dân chủ, từ chỉ tìm cách hoà đồng chuyển sang tôn trọng cả cá tính và bản lĩnh riêng. Các chuẩn mực mới của con người đòi hỏi không chỉ phát triển

từng mặt riêng lẻ mà phải là cá nhân phát triển hài hoà tính cách mạng của học thuyết Mác xít khắc phục dần lối sống thụ động, hẹp hòi, làm cơ sở cho lối sống tích cực, vì xã hội, phát triển ý thức luôn vươn lên làm chủ và xây dựng cuộc sống mới xuất hiện những nhân cách mới.

Trong bối cảnh tình hình mới, do yêu cầu đổi mới và hoàn thiện chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, Đảng ta tiếp tục khẳng định quan điểm, chủ trương trước đây về kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể, lợi ích xã hội trong mối quan hệ với nền tảng liên minh công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức, thực hiện đại đoàn kết toàn dân. Để thực hiện nhiệm vụ đó, phụ thuộc vào việc xây dựng ý thức cộng đồng của toàn xã hội. Trong đó, lực lượng thanh thiếu niên được xem là rường cột của nước nhà; phát triển tư duy, ý thức và trí tuệ cho thanh thiếu niên được xem là một vấn đề quan trọng. Vấn đề mà Đảng ta đã xác định đó là vấn đề then chốt cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Giáo dục ý thức cộng đồng cho thanh thiếu niên là công việc lâu dài, cần sự bền bỉ, kiên trì của các nhà giáo dục. Bên cạnh đó là sự phối hợp toàn diện giữa gia đình, nhà trường và xã hội, để thanh thiếu niên thấm nhuần tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, phấn đấu trở thành con người có ích cho xã hội.

Mỗi chúng ta phải trở thành tấm gương hằng ngày trong thực hành, biết giữ gìn lòng tự hào và lòng tự tôn dân tộc, biết đồng cảm và chia sẻ khi đồng bào mình gặp khó khăn và khi cần thiết, biết đặt lợi ích của dân tộc và của cộng đồng lên trên lợi ích của chính bản thân mình. Trong nhận thức và trong hoạt động thực tiễn cần chú ý phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa cá nhân - tập thể - xã hội. Trên cơ sở giải quyết đúng, hài hoà mối quan hệ lợi ích cá nhân - tập thể - xã hội sẽ góp phần xây dựng đất nước ngày càng phát triển giàu mạnh, văn minh hơn.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

- [1] Hoàng Anh (2013), “Vai trò của triết học Mác – Lênin trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số 3 (262).
- [2] Lê Thị Tuyết Ba (2010), *Ý thức đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Hoàng Hải Bằng (2005), “Ph.Ăngghen với việc hình thành quan niệm duy vật về lịch sử”, *Tạp chí Triết học*, số 6.
- [4] Mai Văn Bình (Chủ biên) (2006), *Giáo dục công dân lớp 10*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Doãn Chính (2003), *Đại cương lịch sử triết học phương Đông cổ đại*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Trọng Chuẩn (2002), *Một số vấn đề về Triết học - Con người – Xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Trọng Chuẩn - Nguyễn Văn Phúc (đồng chủ biên) (2003), *Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Trọng Chuẩn (2005), “Đề phát triển con người một cách bền vững”, *Tạp chí Triết học*, số 1.
- [10] Nguyễn Trọng Chuẩn, Đỗ Minh Hợp (2001), *Quan điểm lịch sử triết học của Hêghen*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11] Đoàn Trung Còn (dịch) (2006), *Tứ thư (Trọn bộ 4 tập): Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh Tử*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.



- [12] Mai Thị Dung (2013), “Về lối sống và định hướng xây dựng lối sống mới cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số 5 (264), tr. 84.
- [13] Thành Duy (2002), *Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [14] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- [15] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [16] Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [17] Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [18] Nguyễn Hữu Đức (2012), “Vai trò của lối sống đối với hoạt động của con người – một số vấn đề phương pháp luận”, *Tạp chí Triết học*, số 12 (259).
- [19] Phạm Văn Đức (2005), “Quan điểm của C. Mác và Ph. Ăng ghen về những tiền đề của lịch sử trong “Hệ tư tưởng Đức” và ý nghĩa của chúng”, *Tạp chí triết học*, số 12.
- [20] Phạm Văn Đức, Đặng Hữu Toàn, Nguyễn Đình Hòa (đồng chủ biên) (2009), *Triết học Mác và thời đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [21] Albert Einstein (Đinh Bá Anh, Nguyễn Vũ Hào, Trần Tiến Cao Đăng dịch) (2006), *Thế giới như tôi thấy*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
- [22] Lê Thị Thanh Hà (2006), “Một số vấn đề triết học về con người trong “Hệ tư tưởng Đức””, *Tạp chí triết học*, số 1.

- [23] Phạm Minh Hạc (2001), *Về phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- [24] Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc (Chủ biên) (2004), *Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [25] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Khoa Triết học (2004), *Giáo trình đạo đức học*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [26] Hội Đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [27] Nguyễn Tấn Hùng (2008), “Quá trình hình thành nhân cách với việc giáo dục, rèn luyện sinh viên ở nước ta hiện nay”, *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ*, Mã số: B2006-ĐN04-03, nghiệm thu 2008.
- [28] Nguyễn Tấn Hùng (2012), *Lịch sử triết học phương Tây. Từ triết học Hy Lạp cổ đại đến triết học cổ điển Đức*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [29] Lê Thị Hương (2012), “Sự phát triển con người trong Cương lĩnh (Bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Triết học*, số 11 (258).
- [30] Vũ Khiêu (2000), *Văn hoá Việt Nam xã hội và con người*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [31] Bùi Bá Linh (2002), “Sự phê phán của C. Mác đối với quan điểm duy tâm tư biện của Hêghen về tồn tại người và đời sống xã hội hiện thực của con người”, *Tạp chí Triết học*, số 7, tr.19-24.
- [32] Bùi Bá Linh (2003), *Quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen về con người và sự nghiệp giải phóng con người*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [33] V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, t. 29, Nxb. Tiến bộ Matxcova.

- [34] Mác - Ăngghen - Lênin (1972), *Bản về đạo đức*, Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam - Viện Triết học.
- [35] C. Mác - Ph. Ăngghen (1980), *Toàn tập*, t.1, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
- [36] C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [37] C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.21, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [38] C. Mác - Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, t.23, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [39] C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.26, phần II, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [40] C. Mác - Ph. Ăngghen (1996), *Toàn tập*, t.27, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [41] C. Mác - Ph. Ăngghen (1998), *Toàn tập*, t.46, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [42] G.N. Machusin (1986), *Nguồn gốc loài người*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
- [43] Hồ Chí Minh (1980), *Về giáo dục thanh niên*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
- [44] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [45] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [46] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [47] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.11, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [48] Nguyễn Chí Mỹ (Chủ biên) (1999), *Sự biến đổi thang giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường với việc xây dựng đạo đức mới cho cán bộ quản lý ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [49] Nguyễn Thị Ngân (2003), *Xây dựng ý thức và tình cảm dân tộc chân chính cho con người Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

- [50] Phạm Đình Nghiệp (2000), *Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ trong tình hình mới*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
- [51] Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [52] Platon, *Cộng hòa* (Đỗ Khánh Hoan dịch và giới thiệu) (2013), Nxb. Thế giới.
- [53] Nguyễn Duy Quý (2006), *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay – Vấn đề và giải pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [54] Hồ Sỹ Quý (2007), *Con người và phát triển con người*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [55] Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [56] Phạm Hồng Tung (2010), “Bàn về văn hóa cộng đồng”, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học xã hội và nhân văn, số 26, tr. 121-132.
- [57] Nguyễn Đình Tường (2008), “Một số biểu hiện của sự biến đổi giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay và giải pháp khắc phục”, *Tạp chí Triết học*, số 1.
- [58] Vương Thị Bích Thủy (2004), *Tất yếu và Tự do - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [59] Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc, Mạc Văn Trang (1995), *Giá trị - định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị*, Chương trình KHCN cấp nhà nước, đề tài KX-07-04.
- [60] Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), (1996), *Tâm lý học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [61] Đặng Hữu Vui (2004), *Lịch sử Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

**Tiếng Anh:**

[62] Jean-Paul Sartre (1944), *A more precise characterization of Existentialism*, [http://en.wikiquote.org/wiki/Jean-Paul\\_Sartre](http://en.wikiquote.org/wiki/Jean-Paul_Sartre)

**Internet:**

[63] Cổng Thông tin điện tử Tỉnh Đoàn Vĩnh Phúc, *Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh niên: Cần hướng đến đối tượng có nguy cơ cao*, <http://tinhdovanvinhphuc.vn/index.php?action=details&id=ART111076>

[64] Nguyễn Tiến Dũng, *Một số khía cạnh về văn hóa và con người trong triết học phương Tây hiện đại*, [http://www.husc.edu.vn/khoallct/articles.php?article\\_id=689](http://www.husc.edu.vn/khoallct/articles.php?article_id=689)

[65] Tạ Quang Đạo, *Đại đoàn kết - bài học kinh nghiệm trong đấu tranh chống ngoại xâm của các triều đại phong kiến Việt Nam*, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/truyenthonghientai/2013/22448/Dai-doan-ket-bai-hoc-kinh-nghiem-trong-dau-tranh-chong.aspx>

[66] Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, *Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm 2013*, <http://doankhoicaccoquantw.vn/show.aspx?cat=030&nid=1356>

[67] Lê Mã Lương, *Dấu ấn lịch sử của phong trào “Ba sẵn sàng”* <http://www.baomoi.com/Dau-an-lich-su-cua-phong-trao-Ba-san-sang/122/3009765.epi>

[68] Lữ Thị Mai (16-3-2011), *Nhật Bản, những câu chuyện cảm động sau thảm họa động đất, sóng thần*, <http://tonvinhvanhoadoc.vn/van-hoc-the-gioi/ngan-dam-xa/nhip-cau-van-hoa/2195-nhat-ban-nhung-cau-chuyen-cam-dong-sau-tham-hoa-dong-dat-va-song-than.html>

[69] Trần Tuấn Phong, *Xã hội công dân và xã hội dân sự: từ Aristotle đến Hegel* [http://www.husc.edu.vn/khoallct/articles.php?article\\_id=691](http://www.husc.edu.vn/khoallct/articles.php?article_id=691)

- [70] Trịnh Văn Quý (24-01-2010), *Xem người Mỹ tham gia giao thông*,  
<http://megafun.vn/cuoc-song/201001/xem-nguoi-my-tham-gia-giao-thong-60072/>
- [71] Tin Mới (21-5-2014), *45 năm Phong trào ba đảm đang - Niềm tự hào của phụ nữ Việt Nam*  
<http://www.tinmoi.vn/45-nam-phong-trao-lqBa-dam-dangrdquo-ndash-niem-tu-hao-cua-phu-nu-Viet-Nam-01130552.html>
- [72] Tuổi trẻ Online (22-4-2014), *Dạy con ý thức cộng đồng: Cha mẹ phải là “người mẫu”*  
<http://tuoitre.vn/Nhip-song-tre/295513/day-con-y-thuc-cong-dong-cha-me-phai-la-nguoi-mau.html>
- [73] Anh Vũ (23-8-2013), *Bảo vệ môi trường bằng “ki luật thép” ở Singapore*  
<http://vietnamnet.vn/vn/khoa-hoc/137119/bao-ve-moi-truong-bang--ki-luat-thep--o-singapore.html>
- [74] VnExpress (11-1-2011), *Ý thức cộng đồng tại Canada*,  
<http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/nguoi-viet-5-chau/y--thu-c-co-ng-do-ng-tai-canada-2185155.html>
- [75] VnExpress (5-1-2011) *Ý thức và trách nhiệm ở xã hội Mỹ*,  
<http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/nguoi-viet-5-chau/y-thuc-va-trach-nhiem-o-xa-hoi-my-2184681.html>
- [76] Wikipedia, *Xã hội*,  
[http://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%99ng\\_%C4%91%E1%BB%93ng](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%99ng_%C4%91%E1%BB%93ng)
- [77] <http://ngoinhachung.net/diendan/archiver/?tid-70337.html>

